Nguyệt san

CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ

Vu Lan — Mùa Báo Hiếu

81

THÁNG 08.2018

Nguyệt san

CHÁNH PHÁP

SỐ 81
THÁNG 08.2018

HOẰNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: **4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A.** | *Tel.:* **(714) 548-4148 / (714) 571-0473** | *Email:* **baivochanhphap@gmail.com**
Website: **chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net**

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Huệ Cảnh**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**
Chủ bút: **Vĩnh Hảo**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.
Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Congerdesign (Pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

- *Bài vở:* baivochanhphap@gmail.com
- *Quảng cáo/Phát hành:*
  (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biếu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 81, tháng 08 năm 2018, do HT. Thích Đồng Tuyên (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện Hòa thượng pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thư Tòa Soạn

CHA MẸ DÂN

Vào tháng 10, mùa đông, nhằm tiết đại hàn, giá lạnh, vua Lý Thánh Tông (1023 – 1072) nói với các quan hầu cận rằng: *"Trẫm ở trong cung, sưởi than xương thú, mặc áo lông chồn còn rét thế này, nghĩ đến người tù bị giam trong ngục, khổ sở về gông cùm, chưa rõ ngay gian, ăn không no bụng, mặc không kín thân, khốn khổ vì gió rét, hoặc có kẻ chết không đáng tội, trẫm rất thương xót. Vậy lệnh cho Hữu ty phát chăn chiếu, và cấp cơm ăn ngày hai bữa."* (1)

Một lần khác, *"Mùa hạ, tháng 4, vua ngự ở điện Thiên Khánh xử kiện. Khi ấy công chúa Động Thiên đứng hầu bên cạnh, vua chỉ vào công chúa, bảo ngục lại rằng: 'Ta yêu con ta cũng như lòng ta làm cha mẹ dân. Dân không hiểu biết mà mắc vào hình pháp, trẫm rất thương xót, từ nay về sau, không cứ gì tội nặng hay nhẹ đều nhất luật khoan giảm'."* (1)

Ở nơi chốn an ổn, ấm cúng mà chợt chạnh lòng nghĩ đến người đói rét trong ngục thất; cùng con gái chứng kiến việc xử kiện mà động lòng thương tưởng tội nhân.

Cả hai trường hợp trên, được ghi vắn tắt trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* theo lối biên niên (2), đều liên quan đến tội nhân, tù nhân. Xem ra, sử chỉ ghi sự quan tâm của nhà vua đối với tội nhân, tù nhân; nhưng nên hiểu lòng vua đối với dân cũng như thế. Nghĩa là vua cũng đặt lòng thương của mình đối với dân như cha mẹ đối với con cái, như quan niệm *"dân chi phụ mẫu"* (cha mẹ của dân) (3) được nói đến trong *Kinh Thi* (4).

Quan niệm vua/quan là cha mẹ của dân, ngay từ thời Mạnh Tử (372 – 289 trước Tây lịch), đã đổi khác, với chủ trương *"dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh."* (5) Thực ra, triết học chính trị và lãnh đạo Tây phương và Đông phương từ ngàn xưa đã xem dân là chủ nhân ông của đất nước; vua/quan là công bộc của dân (servant of the people). Lãnh đạo có mặt để phục vụ quần chúng chứ không phải để được quần chúng phục vụ. Dù vậy, tư tưởng "dân chủ" nầy, trớ trêu thay, dường như chỉ mới được đón nhận về mặt lý thuyết (và khẩu hiệu) tại Việt Nam trễ tràng vào thế kỷ 19, 20. Thực tế cho thấy, quan chức thời nay, dưới chế độ độc đảng luôn miệng lên án sự bất minh và độc tài của các chế độ vua chúa thời xưa, đã công khai tự nhận mình là "cha mẹ của dân," theo cái nghĩa là có quyền đè đầu cưỡi cổ người dân, định đoạt mọi thứ cho đời sống của nhân dân. Người dân Việt Nam cho đến thời đại văn minh tân tiến ngày nay—thời đại mà các tiêu đề "tự do, dân chủ" luôn được rêu rao nhắc đến trên từng bảng hiệu và giấy tờ hành chánh—vẫn chưa từng được quý trọng, thương yêu bởi những người "công bộc" hay "đầy tớ." Theo cách ấy, quan chức lãnh đạo ngày nay làm cha mẹ thì là cha mẹ vô tâm, thiếu trách nhiệm với con cái; còn làm đầy tớ thì cũng là đầy tớ phản phúc, vô luân.

Làm thế nào mà một vị vua được cả nước tôn quý, đứng trên thiên hạ, ở nơi cung vàng điện ngọc mà vẫn xót thương, tưởng nghĩ đến tù nhân và dân đen? Có khi nào những người lãnh đạo ngày nay dành một phút nhìn thẳng vào thực trạng thống khổ của nhân dân, thay vì chỉ lo tìm cách trấn áp, bỏ tù người dân có ý kiến trái ngược với mình? Có thể nào lãnh đạo ngày nay dừng lại một phút, bớt nói bớt luận bàn, bớt tìm kế sách bảo vệ đảng phái và ngôi vị của mình, để lắng nghe tiếng nói trung thực và tiếng kêu đau thương của người dân?

Vua Lý Thánh Tông sở dĩ có tiếng là vị vua nhân đức, thành công trong việc trị quốc an dân, là nhờ lòng thương chân thành đối với con cái, cũng như đối với con dân (6). Lòng thương không hề là điểm yếu của một chế độ, một chính thể. Lòng thương không làm nhu nhược, yếu hèn đi dũng khí của trượng phu; ngược lại, có thể làm chất liệu hàn gắn những vụn vỡ, phân ly, tạo sức mạnh hòa hợp, đoàn kết trong toàn dân. Bằng chứng là trong thời gian 18 năm tại vị, ông vua nhân từ Lý Thánh Tông đã đánh Tống, bình Chiêm, với những chiến công lẫy lừng khiến quân Tống không còn dám xâm lấn Đại Việt, và vua Chiêm phải đầu hàng, triều cống cả ba Châu (Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính – ngày nay là một số các huyện thuộc tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị).

Chuyện người xưa làm, không khó: cha mẹ thì phải ra cha mẹ, công bộc thì phải ra công bộc. Thương dân như con đẻ thì phải làm tất cả cho dân, vì dân; chứ không phải chỉ thương nơi cửa miệng hay khẩu hiệu. Đối với gia đình, cha mẹ ngoài trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, còn phải biết lắng nghe, nhận biết sở trường, sở đoản, cảm nghĩ, lý tưởng và quan niệm sống của con; và trên tất cả, phải thương yêu con. Không có thương yêu thì cha mẹ không còn là cha mẹ.

Lãnh đạo có lẽ không cần phải học đòi chiêu thuật chính trị nào để an dân, mà chỉ cần nuôi lớn và biểu hiện lòng thương của cha mẹ, thành thực hướng về muôn dân. Cha mẹ sinh dưỡng con cái không phải để được con cái phụng sự, mà chính là để yêu thương, chăm sóc bằng cả lòng thương và trách nhiệm trọn đời của mình. Không thể làm cha mẹ của dân được thì hãy cúi mình làm công bộc, làm con cháu, tận tụy phụng dưỡng nhân dân như chính cha mẹ của mình.

Ý tưởng nầy không có gì mới; nhưng cũng chẳng bao giờ lỗi thời trong việc hộ quốc an dân, nhất là trong giai đoạn cùng khốn nguy vong của đất nước.

---

1) *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, Bản Kỷ Toàn Thư, Quyển 3.

2) Ghi chép sơ lược các sự kiện hay biến cố xảy ra từng năm, gom thành biên niên sử từng thập kỷ, thế kỷ, thiên kỷ.

3) Quan niệm của Nho gia ngày xưa, xem vua là cha mẹ của dân; các quan chức lớn nhỏ cũng theo đó mà tự đặt mình vào ngôi bậc cha mẹ để chăm sóc, cai trị dân như cha mẹ chăm nom con cái. *"Kinh Thi nói: "Vui thay người quân tử, là cha mẹ của dân." Điều gì dân thích, thì mình thích, điều gì dân ghét, thì mình ghét. Như vậy thì gọi là cha mẹ dân." (Thi. Tiểu nhã. Nam Sơn hữu đài, chương 2, câu 3-4).* Trích lại từ Đại Học, phần Bình Thiên Hạ, do Tăng Tử (tức Tăng Sâm, 505 - 435 trước Tây lịch) truyền lại.

4) *Kinh Thi* là một trong *Ngũ Kinh,* 5 kinh điển nền tảng cho học thuyết Nho giáo (gồm *Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch, Kinh Xuân Thu*), tương truyền là do Khổng Tử biên soạn.

5) Dân là quý nhất, thứ đến là xã tắc, sau cùng mới là vua. Mạnh Tử (372 – 289 trước Tây lịch) được xem là người kế thừa học thuyết của Khổng Tử (551 – 479 trước Tây lịch).

6) Hãy đọc thêm nhận xét của sử gia Ngô Sĩ Liên viết về vua Lý Thánh Tông: *"Xót thương vì hình ngục, nhân từ với nhân dân, là việc đầu tiên của vương chính. Thánh Tông lo tù nhân trong ngục hoặc có kẻ vô tội mà chết vì đói rét, cấp cho chiếu chăn ăn uống để nuôi sống, lo quan lại giữ việc hình ngục hoặc có kẻ vì nhà nghèo mà nhận tiền đút lót, cấp thêm cho tiền bổng và thức ăn để nhà được giàu đủ. Lo dân thiếu ăn thì xuống chiếu khuyến nông, gặp năm đại hạn thì ban lệnh chẩn cấp người nghèo, trước sau một lòng, đều là thành thực. Huống chi lại tôn sùng đạo học, định rõ chế độ, văn sự thi hành mau chóng bên trong; phía nam bình Chiêm; phía bắc đánh Tống, uy vũ biểu dương hiển hách bên ngoài."* (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Quyển 3)

Vua Lý Thánh Tông (1023-1072) *Ảnh minh họa: lichsucogihay.com*

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

NEPAL: Chư tăng và dân địa phương thực hành Yoga tại chùa Muktinath

Muktinath, Nepal - Để thực hành Yoga tại những đỉnh cao mới, chư tăng và người dân địa phương tại Nepal đã tổ chức Ngày Yoga Quốc tế lần thứ 4 tại ngôi chùa nổi tiếng Muktinath, tọa lạc ở độ cao 12,000 feet (3,710 mét) vào ngày 18-6-2018.

Trại Yoga đã được Đại sứ quán Ấn Độ tổ chức tại thủ đô Kathmandu của Nepal. Vào tháng 5, trong ngày thứ 2 của chuyến thăm Nepal, Thủ tướng Ấn Độ đã cầu nguyện tại ngôi chùa Muktinath mang tính biểu tượng vốn được cả tín đồ Ấn giáo và Phật giáo xem là thánh địa.

Vào năm 2015, Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc đã nhất trí tuyên bố ngày 21 tháng 6 là Ngày Yoga Quốc tế. Kể từ đó, Ngày Yoga được tổ chức hàng năm vào ngày 21-6 trên toàn cầu. Nhiều chương trình đang được tổ chức tại Nepal để đánh dấu sự kiện này.

(AniNews.in – June 18, 2018)

Chư tăng, người dân địa phương và du khách thực hành Yoga tại chùa Muktinath ở Nepal trước Ngày Yoga Quốc tế 21-6—Photos: ANI

HÀN QUỐC: Sư cô Wookwan xuất bản sách nấu ăn Anh ngữ

Tại quốc nội,sư cô Wookwan nổi tiếng là một danh sư nấu đồ chay. Sư cô đã xuất bản 2 cuốn sách nấu ăn chay, và gần đây đã xuất bản cuốn thứ 3 - cuốn Anh ngữ đầu tiên của mình - "Đồ Chay Hàn Quốc của Wookwan: Đường dẫn đến Hương vị của Giác ngộ". Đây là cuốn sách đầu tiên của loại này do một nữ tu sĩ Phật giáo viết để giới thiệu thực phẩm nhà chùa Hàn Quốc bằng tiếng Anh.

Wookwan là người đứng đầu của Trung tâm Văn hóa Đồ ăn Chay Mahayeon và là một thành viên chuyên gia về thực phẩm nhà chùa tại Phái đoàn Văn hóa Phật giáo Hàn Quốc. Sư cô đã tốt nghiệp từ trường Đại học Suwon Bongnyeongsa Sangha, nhận bằng thạc sĩ về Phật học và hoàn thành khóa học tiến sĩ tại Đại học Delhi ở Ấn Độ.

Từ năm 2010, bà đã được mời tham gia các sự kiện ẩm thực toàn cầu để giới thiệu đồ ăn chay Hàn Quốc và tổ chức rất nhiều buổi thuyết trình và chương trình tại Hàn Quốc.

Các hoạt động tích cực ở hải ngoại của mình đã thúc đẩy sư cô Wookwan viết một cuốn sách nấu ăn Anh ngữ về đồ ăn chay.

(Big News Network – June 18, 2018)

Sư cô Wookwan
Photo: Big News Network

CANADA: Diễn đàn Tỳ kheo ni Phật giáo Quốc tế lần thứ nhất được tổ chức tại Đại học Toronto

Toronto, Canada - Trong 2 ngày cuối tháng 5-2018, một nhóm học giả, sinh viên và tín đồ Phật giáo quốc tế đã tập trung tại trường Đại học Toronto vì một mục đích duy nhất: ủng hộ các nữ Phật tử của mọi truyền thống, và thúc đẩy các nỗ lực để phục hồi sự thọ giới tỳ kheo ni cho các dòng truyền thừa của Phật giáo Tây Tạng. Chính dự án này - vốn là một trong những điều thiêng liêng nhất đối với Đức Gwalwang Karmapa thứ 17, Orgyen Trinley Dorje – đã thu hút hơn 50 người tham gia, bao gồm một nhóm tình nguyện viên đông đảo đến từ khắp Canada, các miền của Hoa Kỳ và Á châu.

Với tựa đề "Giác ngộ", diễn đàn nói trên do chùa Đại Từ bi Bồ đề Prajna và Ni Viện Karrma Kagyu Bắc Mỹ tổ chức, với sự tài trợ từ Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo của Hội Gia đình Robert H.N. Ho tại Đại học Toronto. Trong 2 ngày, những người tham gia đã tổ chức các cuộc thảo luận, nghe các bài thuyết trình, và được ban phước với một thông điệp đặc biệt - được truyền tải qua nguồn cấp dữ liệu video - từ Đức Karmapa về tầm quan trọng của việc ủng hộ phụ nữ trên con đường Phật giáo dẫn đến giác ngộ.

(Buddhistdoor Global – June 19, 2018)

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Thông điệp đặc biệt từ Đức Karmapa - được truyền tải qua nguồn cấp dữ liệu video – tại Diễn đàn Tỳ kheo ni Phật giáo Quốc tế lần thứ nhất (Toronto, Canada)
Photo: Harsha Menon

HÀN QUỐC: Ngôi chùa đá Mireuksa tái sinh sau 1,300 năm

Tọa lạc tại Iksan, tỉnh Bắc Jeolla, Mireuksa từng là đền thờ Phật giáo lớn nhất dưới thời vương quốc Baekje (từ năm 18 trước Công nguyên đến năm 660 sau Công nguyên).

Ngôi chùa bằng đá của đền thờ Mireuksa (Mireuksa Seoktap) trong 20 năm qua đã được xây dựng phục chế.

Được dựng lên vào năm 639, chùa này nổi tiếng là ngôi thạch tự cổ xưa nhất và lớn nhất tại Đông Á. Vào năm 1962 chùa được chỉ định là bảo vật quốc gia số 11.

Một phần của ngôi chùa đã được xây dựng lại sơ sài bằng bê tông vào năm 1915 - trong thời gian Nhật Bản chiếm đóng Triều Tiên - và chùa bị để lại như vậy trong 90 năm tiếp theo.

Ảnh chụp vào tháng 2-2018 dưới đây cho thấy quá trình phục hồi ngôi chùa đá Mireuksa đã gần hoàn tất.

(hani.co.kr – June 20, 2018)

Ngôi chùa đá Mireuksa Photo: hani.co.kr

←

ẤN ĐỘ: Cơ quan Khảo cổ Ấn Độ phát hiện thêm chứng cứ của nguồn gốc Phật giáo cổ xưa tại bang Gujarat

Đồi Taranga, một phần của rặng núi Aravalli ở phía bắc bang Gujarat, từ lâu đã được xem như là một trung tâm Phật giáo. Tại đây có Dev ni Mori, di tích có niên đại thế kỷ thứ 3 sau Công nguyên, với một bảo tháp và một hộp đựng xá lợi có liên quan đến Đức Phật.

Khi các cuộc khai quật của Cơ quan Khảo cổ Ấn Độ tiếp tục tại khu vực này, các nhà khảo cổ học say mê với những khám phá mới, trong số đó có một công trình kiến trúc giống với bảo tháp Phật giáo. Công trình này được cho là thuộc thời kỳ Kshatrapa (thế kỷ thứ 1 đến thứ 4 sau Công nguyên) dựa trên cơ sở của đồ gốm và các vật tạo tác khác được tìm thấy từ di tích nói trên.

(TNN – June 21, 2018)

Công trình kiến trúc được cho là thuộc thời kỳ Kshatrapa (thế kỷ thứ 1 đến thứ 4 sau Công nguyên)
Photo: TNN

TRUNG QUỐC: Các học viên Phi châu của chùa Thiếu Lâm giúp thu hoạch lúa mì

Tháng 6 là thời gian cho chư tăng chùa Thiếu Lâm, một Phật tự tại tỉnh Hà Nam ở miền trung Trung Quốc, để thu hoạch lúa mì.

Ngoài các nhà sư, một số học viên từ Phi châu cũng tham gia vào việc thu hoạch của năm nay. Họ là những học viên của Lớp Kung Fu Thiếu Lâm thứ 6 do chùa Thiếu Lâm và Bộ Văn hóa Trung Quốc đồng tổ chức. Lớp học này được hy vọng sẽ tăng cường sự trao đổi văn hóa giữa Trung Quốc và châu Phi.

Sự kết hợp giữa tu tập và canh tác có tính cách tôn giáo này là một truyền thống của chùa Thiếu Lâm, và các nhà sư tin rằng nghề làm nông có thể giúp họ theo đuổi trải nghiệm Thiền.

(NewsNow – June 22, 2018)

Chư tăng Thiếu Lâm và học viên từ Phi châu thu hoạch lúa mì—Photos: chinanews.com

HOA KỲ: (Sách) "Ngày Đức Phật Tỉnh thức"

Ngày Đức Phật Tỉnh thức là cuốn sách đầu tiên bằng giấy bồi cứng về Phật giáo. Sách được viết bằng tâm hồn trẻ thơ, với những ngôn từ và hình ảnh đáng để suy nghiệm từ cả quan điểm của một đứa trẻ lẫn khi ta trưởng thành. Tác giả là Andrea Miller, phó chủ bút của báo Lion's Roar (Sư tử Hống), và phần tranh vẽ do Rima Fujita, một họa sĩ nổi tiếng và là một Phật tử, minh họa.

Sách kể câu chuyện về Tất Đạt Đa đã trở thành Đức Phật như thế nào. Câu chuyện được Miller diễn dịch bằng những cụm từ đơn giản dễ hiểu đối

với trẻ em, và đặt ra những câu hỏi đầy tính trẻ con như, "Tại sao người ta không hạnh phúc?" và "Có thể có hạnh phúc thực sự không?"

Cuốn sách bao gồm những bức tranh động vật, bông hoa và các gương mặt thật đẹp, ấm áp và kỳ lạ minh họa bổ sung cho một vài từ chú giải chính, được chắt lọc về trí huệ Phật giáo 2,600 năm.

(Lion's Roar – June 24, 2018)

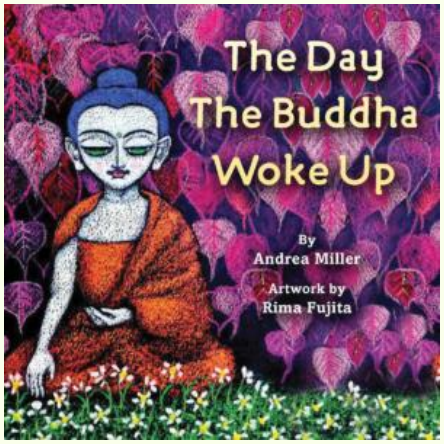

Bìa sách "Ngày Đức Phật Tỉnh thức"

NHẬT BẢN: Công ty Nhật Bản ra mắt dịch vụ thuyết pháp phật giáo

Một công ty Nhật Bản sẽ ra mắt một dịch vụ mới cho phép ta nói chuyện với một máy loa thông minh và nhận một bài giảng từ các tu sĩ Phật giáo.

Ngày 28-6-2018, công ty Yoriso có trụ sở tại Tokyo cho biết tính năng mới của mình sẽ cho phép người dùng - tùy thuộc vào tâm trạng của họ - nghe các bài giảng dài 3 phút từ 4 nhà sư thông qua một máy loa thông minh. Người dùng có thể nói chuyện với một chiếc loa thông minh, được phát triển bởi Dòng ứng dụng nhắn tin khổng lồ của Nhật Bản, và quyết định họ đang cảm thấy thế nào: bất an, giận hay buồn.

Sau đó loa máy sẽ chọn một bài giảng ngẫu nhiên từ 12 bài nói chuyện.

Dịch vụ mới này sẽ ra mắt vào cuối tháng tới.

(AFP – June 28, 2018)

MIẾN ĐIỆN: Nhà sư sáng lập Trung tâm Giáo dục Phật giáo Quốc tế-Miến Điện được trao Giải Hòa bình Thế giới Stockholm 2018

Hòa thượng Bhaddanta Sobhita, người sáng lập Trung tâm Giáo dục Phật giáo Quốc tế-Miến Điện tại Sagaing, đã được Giải thưởng Hòa bình Thế giới Stockholm 2018 do Liên Hiệp Quốc giới thiệu.

Giải thưởng sẽ được trao cho ông tại Hội nghị Hòa bình Thế giới, tổ chức tại Stockholm, Thụy Điển, từ ngày 29-6 đến 2-7-2018.

Tọa lạc tại đồi Sagaing ở vùng Sagaing, Trung tâm Giáo dục Phật giáo Quốc tế-Miến Điện thực hiện nhiều hoạt động như điều hành các trường tu học và dạy các khóa Anh ngữ và nguồn nhân lực cũng như cộng đồng trong các khóa học Phật giáo.

(tipitaka.net – June 28, 2018)

Trung tâm Giáo dục Phật giáo Quốc tế-Miến Điện
Photo: Google

ẤN ĐỘ: 185 tăng ni từ Thái Lan đi bộ vì hòa bình đến thành phố Leh ở Ladakh

Leh, Jammu&Kashmir – Vào ngày 26-6-2018, sau khi hoàn thành cuộc đi bộ hòa bình (Pad Yatra) dài một tháng, 185 tăng ni từ Thái Lan đã đến khu đại học Đại Bồ đề ở làng Shey để truyền bá thông điệp hòa bình, tình thương yêu và hòa hợp.

Họ đã đi chân trần từ Bồ đề Đạo tràng qua Dharamsala, nơi họ hội kiến với Đức Đạt lai Lạt ma trước khi tuần hành đến Ladakh.

Khi đoàn tuần hành hòa bình này đến Khu đại học Đại Bồ đề, một cuộc đón tiếp truyền thống đã được người dân Ladakh tổ chức trọng thể để vinh danh chư tăng ni Thái, những người đã hoàn thành cuộc đi bộ vì hòa bình từ Bồ đề Đạo tràng đến Ladakh một cách thành công.

(ANI – June 28, 2018)

TÍCH LAN: Phái đoàn Hội Đại Bồ đề của Ấn Độ viếng Tích Lan

Một phái đoàn Phật tử từ Hội Đại Bồ đề của Ấn Độ (MBSI) đã viếng Tích Lan trong mùa lễ hội Poson – lễ hội đánh dấu sự du nhập Phật giáo vào Tích Lan - theo lời mời của Ủy ban Bảo vệ Đạo pháp Anagarika Tích Lan. Đoàn đại biểu MBSI gồm hơn 50 thành viên cơ quan quản lý và gia đình của họ, do Chủ tịch Passang Dorji và Tổng thư ký Hội là thượng tọa P. Seewali dẫn đầu.

Trong chuyến thăm kéo dài một tuần của đoàn, họ đã viếng Chùa Răng và các di tích Phật giáo tại Polonnaruwa, Mahintala và Thanthrimale.

Cao ủy Ấn Độ Taranjit Singh Sandhu, Thủ tướng Tích Lan Ranil Wickremesinghe và Diễn giả Karu Jayasuriya đã tiếp đón phái đoàn.

(news.lk – July 1, 2018)

Phái đoàn Hội Đại Bồ đề của Ấn Độ viếng Tích Lan
Photo: news.lk

HÀN QUỐC: Tông phái Phật giáo Jogye sẽ xây Làng Thiền tại thành phố Mungyeong

Tông phái Jogye của Hàn Quốc đã khởi động việc xây một khu phức hợp đại quy mô để cung cấp những trải nghiệm về Thiền định cho Phật tử cũng như thường dân, một ủy ban

phụ trách dự án cho biết vào ngày 4-7-2018.

Theo kế hoạch do chùa Bongam của Phật phái Jogye và một nhóm Thiền sư chủ trì, đến năm 2021, Làng Thiền Toàn cầu Mungyeong sẽ được thành lập tại thành phố Mungyeong, tỉnh Bắc Gyeongsang.

Khu phức hợp dưới chân núi Heeyang của thành phố này sẽ có các cơ sở thiền định, chỗ ở, quán ăn tự phục vụ và các tiện nghi khác trên diện tích 120,000 m2. Các cơ sở được thiết kế để chứa đến 300 người cùng một lúc.

(Yonhap – July 4, 2018)

Ảnh đồ họa vi tính của Làng Thiền định Toàn cầu Mungyeong tại Mungyeong, Hàn Quốc—Photo: Yonhap

THÁI LAN: Quốc vương sẽ bổ nhiệm, giám sát hội đồng Tăng đoàn mới

Ngày 5-7-2018, Hội đồng Lập pháp Quốc gia (NLA) đã ban hành Đạo luật Tăng đoàn mới - cho phép Nhà vua bổ nhiệm các thành viên của Hội đồng Tối cao của Tăng đoàn - để quản lý tu sĩ Phật giáo Thái.

NLA đã bỏ phiếu nhất trí để thông qua đạo luật do Nội các đề ra. Quyền lập pháp đã được thực thi để cải cách cộng đồng tu viện sau những vụ bê bối gần đây liên quan đến các nhà sư cao cấp, một vài sư trong số họ cũng có một vị trí trong hội đồng tu viện.

Theo luật mới, Nhà vua có thẩm quyền cấp hoặc tước chức vụ tu sĩ cũng như bổ nhiệm các thành viên cho Hội đồng Tối cao của Tăng đoàn.

(The Nation – July 6, 2018)

Quốc vương Thái Lan Maha Vajiralongkorn - Rama X Photo: adabasini.com

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma kỷ niệm sinh nhật tại Leh, ban phước cho tín đồ

Leh, Ladakh - Những lễ cầu nguyện đặc biệt được tổ chức tại Leh dành cho Đức Đạt lai Lạt ma, người đã kỷ niệm sinh nhật thứ 83 của mình vào ngày 6-7-2018.

Đông đảo cư dân địa phương đã tập trung trong một buổi lễ đặc biệt tại Sân Giảng dạy Shiwatsel để được Đức Đạt lai Lạt ma ban phước khi ngài cắt bánh sinh nhật.

Đức Đạt lai Lạt ma đã đến Leh vào đầu tuần này để kỷ niệm sinh nhật của mình. Ngài sẽ ở lại đây cho đến cuối tháng Bảy và giảng pháp cho dân chúng.

Đức Đạt lai Lạt ma có tình cảm đặc biệt đối với người dân Ladakh, và đây là chuyến thăm lần thứ hai của ngài đến Leh trong vòng vài tháng qua.

(The Statesman – July 6, 2018)

HÀN QUỐC: UNESCO đưa vào danh sách Di sản Thế giới 7 ngôi sơn tự cổ xưa của Hàn Quốc

Ngày 30-6-2018, tại một cuộc họp ở thủ đô Manama của Bahrain, UNESCO đã công bố đưa vào danh sách Di sản Thế giới 7 ngôi chùa núi cổ xưa của Hàn Quốc.

Bảy ngôi chùa trên núi này - Seonamsa, Daeheungsa, Beopjusa, Magoksa, Tongdosa, Bongjeongsa và Buseoksa - đều được thành lập vào thời Tam Quốc (của Triều Tiên) vốn kéo dài cho đến thế kỷ thứ 7 sau Công nguyên.

"Những tu viện trên núi này là những nơi thiêng liêng, đã tồn tại như các trung tâm hoạt động của tín ngưỡng và thực hành tôn giáo hàng ngày cho đến ngày nay", UNESCO cho biết trong một thông cáo báo chí.

Một sơn tự điển hình có một đường vào dài, quanh co lên dốc. Các tòa nhà của chùa nằm trong một khuôn viên hình vuông có một sân trong ở giữa.

(tipitaka.net – July 6, 2018)

7 ngôi chùa núi của Hàn Quốc mới được đưa vào danh sách Di sản Thế giới UNESCO—Photo: donga.com

NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HT. Thích Thắng Hoan

(trích từ tác phẩm YẾU CHỈ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA)

(tiếp theo)

20.- PHẨM THƯỜNG BẤT KHINH BỒ TÁT

Các phẩm ở trước, đức Phật nói công đức trì Kinh Pháp Hoa và phẩm này đức Phật lại nói sự lợi ích của công hạnh trì Kinh Pháp Hoa bằng cách đem ngài ra chứng minh. Theo đức Phật, chúng sanh trong thời tượng pháp khó gặp được Phật trực tiếp nói Kinh Pháp Hoa, và người trì Kinh Pháp Hoa trong thời tượng pháp gặp rất nhiều chướng duyên, nghịch cảnh. Những chướng duyên, nghịch cảnh chính là bệnh Tăng Thượng Mạn kiên cố, một trong sáu loại ngã mạn do chấp ngã chấp pháp sanh ra. Theo *Khảo Nghiệm Duy Thức Học*, trang 119 cùng một tác giả, sáu loại Ngã Mạn được giải thích như sau:

a)- Mạn: là bệnh tự hào, tự đắc, khinh thường và bất kính mọi người. Khi có chút tài năng và quyền thế trong xã hội, người có thứ bệnh mạn này thường hay tỏ thái độ cao ngạo, hống hách và bắt mọi người phải quan tâm mình, phải tùng phục mình, còn đối với những kẻ địa vị và trình độ ngang nhau, người có thứ bệnh mạn này mỗi khi giao tiếp thường cư xử thiếu lễ độ trước quần chúng. Ai có những cử chỉ nói trên đều được liệt vào bệnh Mạn.

b) Quá Mạn: là bệnh tự phụ, kiêu cách, hay khoác lác trước công chúng. Cùng một địa vị và tài năng như nhau, người có bệnh Quá Mạn trước công chúng thường hay làm thầy đời, thích chỉ huy, ưa điều khiển mà không phải là nhiệm vụ của mình, còn những kẻ tài năng hơn mình, người có bệnh Quá Mạn hay khoe khoang cho rằng hoặc không bằng mình. Ai có những cử chỉ nói trên đều được liệt vào bệnh Quá Mạn.

c)- Mạn Quá Mạn: là tranh lấy phần hơn, mặc dù mình đã thua.

d)- Ngã Mạn: là đề cao cá nhân, tự tôn tự đại, nhìn mọi người dưới cặp mắt thấp hèn. Người có bệnh Ngã Mạn thấy ai hơn mình thì tìm mọi cách chèn ép, lấn áp và đè đầu họ xuống không cho ngước lên. Ai có những cử chỉ này đều được liệt vào bệnh Ngã Mạn.

e)- Tăng Thượng Mạn: là chưa chứng ngộ mà tự cho là đã chứng ngộ. Người Tăng Thượng Mạn thường hay lập vị, làm tướng, thích quảng cáo, đi khoe khoang, làm ra vẻ mình đã chứng đắc với mục đích mờ mắt mọi người. Ai có những cử chỉ đó đều được liệt vào bệnh Tăng Thượng Mạn.

g)- Ty Liệt Mạn: là tánh hay kích bác, hay chê bai, cho mọi người không ai bằng mình. Người có bệnh Ty Liệt Mạn mặc dù không có tài năng, không có trình độ chi cả, nhưng thường hay đóng kịch, hay phô trương với quần chúng mình có tài năng, có bằng cấp, có trình độ để lòe đời. Ai có những cử chỉ đó đều được liệt vào bệnh Ty Liệt Mạn.

Đây là sáu thứ bệnh Ngã Mạn chẳng những đã có mặt trong thời tượng pháp mà còn tràn ngập trong thời mạt pháp. Sáu thứ bệnh này là nguyên nhân gây ra quá nhiều đau khổ cho chúng sanh và còn là một trong những yếu tố của sinh tử luân hồi nơi sáu cõi.

Người trì kinh Pháp Hoa ở thời tượng pháp còn mang trong người thứ bệnh Tăng Thượng Mạn nói trên thì không thể nào đạt được lý nhiệm mầu của Kinh Pháp Hoa. Muốn đạt được lý nhiệm mầu của Kinh Pháp Hoa, hành giả trước hết phải học hạnh bất khinh của Bồ Tát Bất Khinh để diệt bản ngã và sau đó trì Kinh Pháp Hoa mới hữu hiệu. Phương pháp diệt bản ngã, đức Phật dạy phải thực hành hạnh Nhẫn Nhục Ba La Mật của Bồ Tát Hạnh, nghĩa là hành động sử dụng nghịch cảnh để trắc nghiệm khả năng tu tập bản ngã của mình. Hạnh Nhẫn Nhục Ba La Mật có hai công dụng, một là khả năng diệt trừ bản ngã kiên cố của mình và hai là phát huy công đức tu tập, như phát huy công đức hành trì Kinh Pháp Hoa. Chính đức Phật Thích Ca là người đã thành quả công đức của hạnh tu tập nói trên trong thời tượng pháp. Để nói lên sự thành quả của công hạnh đó, đức Phật mới tự thuật tiền thân của ngài, một vị Thường Bất Khinh Bồ Tát trong thời tượng pháp tu tập và thọ trì Kinh Pháp Hoa.

Thuở quá khứ, Thường Bất Khinh Bồ Tát là một vị tỳ kheo trong thời tượng pháp của đức Phật Oai Âm Vương. Thời kỳ tượng pháp của Oai Âm Vương nghĩa là thời kỳ chánh pháp nhãn tạng của đức Phật Oai Âm Vương không còn trong thế gian. Đức Phật Oai Âm Vương sau khi diệt độ thì chánh pháp nhãn tạng của ngài cũng diệt độ theo. Lúc bấy giờ giáo pháp của ngài bị hiểu lệch lạc, bị diễn dịch méo mó theo sự kiến giải si mê của chúng sanh, hành trì không đúng chánh pháp nên gọi là thời kỳ tượng pháp. Trong thời lỳ tượng pháp, các Tỳ Kheo trở nên Thăng Thượng Mạn và có thế lực phi thường. Thường Bất Khinh Bồ Tát là một tỳ kheo sống trong thời kỳ đó, nhưng khác hơn các tỳ kheo Tăng Thượng Mạn, Thường Bất Khinh Bồ Tát trước hết chuyên tu hạnh bất khinh để diệt ngã mạn bằng cách thường xuyên hành trì lễ bái. Mặc dù bị khinh khi chửi mắng, đánh đập Thường Bất Khinh Bồ Tát vẫn không thù hận và thường tỏ thái độ khiêm cung nói rằng: "Tôi không khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ làm Phật". Nhờ đức nhẫn nại kiên trì diệt bản ngã, Thường Bất Khinh Bồ Tát được sáu căn thanh tịnh và nhờ đó trực tiếp thọ trì Kinh Pháp Hoa do chính đức Phật Oai Âm Vương trao truyền. Từ đó, Thường Bất Khinh Bồ Tát trở nên biện tài vô ngại, thần thông quảng đại, tuổi thọ thêm dài, rộng độ chúng sanh. Cho đến những tỳ kheo Tăng Thượng Mạn trước kia cũng được ngài độ. Nhờ công hạnh tu tập diệt ngã mạn và trì Kinh Pháp Hoa thuở trước, Thường Bất Khinh Bồ Tát hiện nay mới được thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni. Đồng thời, đức Phật còn cho biết thêm, bốn chúng, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di tăng thượng mạn trong thời Thường Bất Khinh Bồ Tát lúc bấy giờ đối xử không tốt với ngài, ngày nay không ai khác lạ, chính là các ông Bạt Đà Bà La cùng với 500 vị Bồ Tát, ông Sư Tử Nguyệt cùng với 500 vị Tỳ Kheo, ông Ni Tư Phật cùng với 500 vị Ưu Bà Tắc và tất cả những ông này đều được thành Phật cả.

Đại ý phẩm này, đức Phật dạy trong thời tượng pháp, người thọ trì Kinh Pháp Hoa trước hết phải diệt bản ngã bằng cách học hạnh Thường Bất Khinh Bồ Tát và nhờ đó sáu căn mới được thanh tịnh, thần lực nhiệm mầu của Kinh Pháp Hoa mới được dung thông, tri kiến của Phật mới được hội nhập. Hành giả nếu không diệt hết bản ngã thì dù suốt đời hành trì Kinh Pháp Hoa cũng không linh nghiệm và đạo quả khó được viên thành.

(còn tiếp)

TIẾNG LÒNG VỀ VỚI QUÊ HƯƠNG

Đêm năm canh cứ nằm trằn trọc mãi,...
Dõi mắt về sự khổ hãi của quê hương,
Ngồi phắt dậy để nghe thấm tỏ tường,
Từ tin tức diễn đàn đang phổ biến:
Lòng dân ta thán,
Cán bộ thật vô lương tâm,
Dân chết mặc dân,
Miễn sao cán bộ đầy túi.
Cán bộ to thì nhà cao cửa rộng,
Xe cộ, tiền bạc quá sức dư thừa,
Cán bộ nhỏ cũng đua nhau vơ vét,
Bao nhiêu chuyện biết nói sao cho xiết...
Nào biển hải,
Nào đất đai rừng núi,
Bán cho tiệt,
Không một chút nương tay.
Nói với ai đây,
Sao trời cao không ngó xuống,
Than với ai đây,
Chín mươi triệu dân cúi đầu...
Bởi gọng kềm tàn độc,
Bởi chính sách vô luân,
Than không cùng,
Nói không cùng...
Cớ sao đem thân nô lệ ngoại bang?
Bó mặc dân sống lầm than cơ cực!
Sao không mở óc ra để mà học:
"Nam quốc sơn hà Nam đế cư..."? (*)
Lòng Dân thuận hợp sợ chi giặc
Chí Quân đoàn kết vững biên cương.
Dẹp Đảng, chăm Dân, mở Diên Hồng
Nước Nam tự chủ sẽ quật cường.

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

(*) Bài thơ không rõ tác giả, đã được Vua Lê Đại Hành sử dụng trong cuộc chiến đánh Tống năm 981, và Lý Thường Kiệt cũng sử dụng bài nầy như tuyên ngôn độc lập tự chủ, bảo vệ giang sơn trước sự xâm lăng của quân Tống năm 1077; nguyên văn như sau:

"Nam quốc sơn hà nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư?"

AN - SIÊU BẤT NHỊ

Quảng Tánh

Khi cha mẹ qua đời chính là thời khắc mà chúng ta cảm nhận về sự mất mát rõ ràng nhất, dầu sinh diệt vẫn liên tụcdiễn ra quanh ta trong mỗi phút giây. Dĩ nhiên cảm xúc vỡ òa, mất mát trào dâng, đau thương ngút ngàn khi ly biệt xảy đến là lẽ thường của nhân thế. Ái biệt ly khổ! Thương kính cha mẹ càng nhiều thì niềm đau càng lớn, lo sầu càng khôn nguôi.

Ai cũng có cha mẹ, và cuối cùng thì dẫu duyên nghiệp thế nào, con cái có trọn hiếu hay không thì cha mẹ cũng lần lượtra đi như một quy luật lạnh lùng, nghiệt ngã. Vẫn biết biệt ly là chuyện không thể níu kéo, trì hoãn hay vãn hồi. Mỗi ngày nhìn xe tang qua phố với bao kẻ 'mồ côi' lũ lượt tiễn đưa mà lo sợ cho chính mình. Và rồi chuyện gì sẽ đến cũng đã đến. Người đi thì đã đi, người còn thì không thể ngã quỵ dù tiếc thương đến mấy. Phải gượng dậy và đứng lên, biến đau thương thành cầu nguyện.

Thời Thế Tôn còn tại thế, vua Ba-tư-nặc, một vị quân vương Phật tử hộ pháp thuần thành, khi mẹ hiền vừa qua đời ông đến đảnh lễ Thế Tôn và được dạy pháp "**trừ sầu lo.**" Lạ lùng là, Thế Tôn không dạy vua Ba-tư-nặc về cách thức cầu siêu cho người mất hay tang lễ theo tập tục mà Ngài lại dạy pháp bình an cho người sống, chính xác là dạy cầu an. Có lẽ tang nghi của bậc quốc mẫu thì đã có triều đình lo; có thể tập tục tang ma xứ Ấn ngày xưa khác biệt với xứ mình hiện tại? Có khi nào, cầu an cũng chính là cầu siêu? Pháp 'trừ sầu lo' là cầu an nhưng cả người sống và người chết cũng đều cần nhằm thăng hoa cuộc sống.

"Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ vua Ba-tư-nặc ra lệnh quần thần sửa soạn xe vũ bảo muốn ra khỏi thành Xá-vệ xem đất làm giảng đường. Ngay lúc đó, mẹ vua Ba-tư-nặc tuổi quá già yếu, vừa đúng trăm tuổi, vua rất tôn kính nhớ nghĩ chưa từng rời mắt (vừa mạng chung). Khi ấy, vị cận thần của vua Ba-tư-nặc tên Bất-xà-mật tài cao cái thế, được người đời tôn trọng. Vị đại thần này nghĩ: "Mẹ vua Ba-tư-nặc này đã vừa trăm tuổi, hôm nay mạng chung, nếu mà nghe được, chắc vua rất sầu lo, không ăn uống nổi, rồi mắc trọng bệnh. Nay ta nên bày phương tiện, khiến vua chẳng sầu lo, cũng không mắc bệnh."

Bấy giờ, đại thần liền sửa soạn năm trăm voi trắng, cũng sửa soạn năm trăm ngựa tốt, lại chỉnh đốnnăm trăm bộ binh, lại sửa soạn năm trăm kỹ nữ, năm trăm bà già, lại xếp đặt năm trăm Bà-la-môn, lại có năm trăm Sa-môn, lại sửa soạn năm trăm y phục, và bày năm trăm trân bảo, làm quan tài lớn đẹp cho người chết, tô vẽ cực đẹp, treo phướn lọng, trỗi kỹ nhạc không thể tính kể, ra khỏi thành Xá-vệ. Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc trở vào thành vì có chút việc. Vua từ xa thấy người chết, mới hỏi tả hữu:

- Đây là người nào mà cúng dường đến thế?

Bất-xà-mật tâu:

- Trong thành Xá-vệ này, có mẹ của Trưởng giả chết. Đây là vật dụng của họ.

Vua lại hỏi:

- Những voi, ngựa, xe cộ này dùng làm gì?

Đại thần đáp:

- Năm trăm bà già dùng dâng lên Diêm vương để mua mạng (bà mẹ).

Vua bật cười nói:

- Đây là lỗi của người ngu. Mạng cũng khó bảo toàn, đâu có thể chế phục được. Như có người rơi vào miệng cá ma-kiệt, muốn mong ra khỏi, thật là khó được. Đây cũng như thế, đọa vào vua Diêm-la, muốn cầu ra thực khó thể được.

- Năm trăm kỹ nữ này cũng dùng để mua mạng bà.

- Đây cũng khó được.

Nếu những kỹ nữ này chẳng thể được, thì sẽ dùng cái khác mua bà.

- Đây cũng khó được.

- Nếu điều này không được, sẽ dùng năm trăm trân bảo mua bà.

- Đây cũng khó được.

- Đây không thể được thì dùng năm trăm y phục mua bà.

- Đây cũng khó được.

- Nếu áo quần này không được thì dùng năm trăm Phạm chí này chú thuật, dùng chú thuật để giữ bà.

- Đây cũng khó được.

- Nếu năm trăm Phạm chí này không được thì sẽ lại đem năm trăm Sa-môn cao tài thuyết pháp để mua bà.

- Đây chẳng thể được.

- Nếu thuyết pháp không được, sẽ tụ tập binh lính cùng chiến đấu lớn để giữ.

- Đây là cách của người ngu, đã rơi vào miệng cá ma-kiệt, trọn chẳng ra được. Ông nên biết, có ai sanh mà không chết đâu?

- Đây thực chẳng thể được.

- Thực chẳng thể được. Chư Phật cũng dạy rằng: Hễ có sanh thì có tử, mạng cũng khó được.

Khi ấy, Bất-xà-mật quỳ tâu vua:

- Thế nên Đại vương, chớ quá sầu lo. Tất cả chúng sanh đều trở về với cái chết.

Vua hỏi:

- Cớ sao ta lại sầu lo?

Đại thần tâu:

- Vua nên biết, hôm nay mẹ của Đại vương đã chết.

Vua Ba-tư-nặc nghe xong, thở dài tám, chín cái, rồi bảo đại thần:

- Lành thay! Như lời ông nói, ông hay biết dùng phương tiện khéo léo!

Rồi vua Ba-tư-nặc trở vào thành bày các thứ hương hoa cúng dường vong mẫu. Cúng xong nhà vua liền lên xe đến chỗ Thế Tôn, đến nơi, cúi lạy rồi ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi:

- Đại vương! Cớ sao người lấm bụi đất?

Vua bạch Thế Tôn:

- Mẹ con mạng chung, vừa đưa đến ngoài thành. Nay con đến Thế Tôn để hỏi lý do. Mẹ con lúc còn sống, trì trai tinh tấn, hằng tu pháp lành, vừa đúng trăm tuổi, hôm nay đã mạng chung, nên con đến chỗ Thế Tôn. Nếu con có thể đem voi mua mạng mẹ được, con cũng sẽ dùng voi để mua. Nếu đem ngựa mua mạng được, con sẽ dùng ngựa để mua. Nếu dùng xe cộ mua được mạng, con sẽ dùng xe cộ để mua. Nếu lấy vàng bạc, trân bảo mua được mạng, con sẽ dùng vàng bạc, trân bảo để mua. Nếu lấy nô tỳ, tôi tớ, thành quách, đất nước để mua mạng được, con sẽ đem thành quách, đất nước để mua mạng. Nếu đem nhân dân nước Ca-thi mua mạng được, con sẽ đem nhân dân Ca-thi để mua, chẳng để cho mẹ con mạng chung.

Thế Tôn bảo:

- Này Đại vương, chớ sầu lo quá, tất cả chúng sanh đều trở về cái chết. Tất cả pháp biến đổi, muốn cho không biến đổi, trọn không có việc này. Đại vương nên biết, thân người như tuyết đọng, rồi sẽ trở về tan hoại. Cũng như ngói đất sẽ tan hoại không thể giữ lâu; cũng như sóng nắng huyễn hóa, hư ngụy không thật; cũng như nắm tay không thể gạt con nít. Thế nên, Đại vương chớ âu

sầu, trông cậy thân này. Đại vương nên biết, có bốn điều rất sợ hãi sẽ đến với thân này, chẳng thể che chở, cũng chẳng thể lấy ngôn ngữ, chú thuật, dược thảo, phù thư có thể khử trừ. Bốn điều đó là: Già làm bại hoại tuổi trẻ khiến không nhan sắc; bệnh làm bại hoại tất cả người không bệnh; chết làm bại hoại mạng căn; vật hữu thường trở về vô thường.

Đại vương, có bốn pháp này chẳng thể che chở, không phải dùng sức hàng phục được. Đại vương nên biết, ví như bốn phương có bốn núi lớn, từ bốn phía đến ép chúng sanh, chẳng phải sức trừ đi được. Thế nên, Đại vương, đó chẳng phải là vật kiên cố, chẳng thể nương cậy. Do vậy, Đại vương, nên lấy pháp trị vì, chớ dùng phi pháp. Đại vương cũng chẳng bao lâu sẽ đến biển sanh tử. Đại vương cũng nên biết, những người lấy pháp cai trị, khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi trời, chỗ lành. Nếu người dùng phi pháp cai trị, thân hoại mạng chung đọa trong địa ngục. Thế nên, Đại vương, hãy lấy pháp cai trị, chớ dùng phi pháp. Như thế, Đại vương, nên học điều này!

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

- Pháp này tên là gì? Sẽ vâng làm như thế nào?

Thế Tôn dạy:

- Pháp này gọi là pháp trừ sầu lo.

Vua bạch Phật:

- Thực vậy, bạch Thế Tôn. Sở dĩ như vậy vì con nghe pháp này rồi, bao nhiêu sầu lo hôm nay đã trừ. Bạch Thế Tôn, việc nước bề bộn, nay con muốn trở về cung.

Thế Tôn bảo:

- Nên biết đúng thời.

Vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật và lui đi.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm".

(Kinh *Tăng nhất A-hàm*, tập I, phẩm 26. Tứ ý đoạn [1],

VNCPHVN ấn hành, 1997, tr.584)

Pháp thoại này cho thấy, mạng người mong manh, có sinh ắt có tử, không ai có thể đảo ngược quy trình tất yếu này. Kể cả bậc đại vương hùng mạnh, quyền uy tột đỉnh, thương kính mẹ hết lòng như vua Ba-tư-nặc cũng đành bất lực trước quy luật tử sinh. Sở dĩ Thế Tôn không dạy vua Ba-tư-nặc pháp cầu siêu cho mẹ vì bà ấy chỉ ra đi mà không chết. Thực sự thì mọi người đều không chết, luôn luôn sống. Bỏ thân này thì liền theo nghiệp thọ thân khác nên làm gì có chết mà cầu siêu! Thành ra, khi đang sống trên đời, ta cầu nguyện cho người bình an. Khi họ bỏ thân này theo nghiệp thọ sinh một nơi khác, ta vẫn tiếp tục mong cho họ bình an. Vì lẽ ấy mà Thế Tôn chỉ có dạy cầu an.

Để an vui, người con Phật hằng quán sát vô thường là đặc tính của thế gian. Trong vũ trụ này, chỉ có sự vô thường mới thực sự thường hằng. Nói cách khác là không hề có sự vĩnh cửu, thường hằng. Đây là tuệ giác lớn mà chúng sinh cần có để vượt ra khỏi khổ. Khi người thân mất đi, điều này phù hợp với quy luật vô thường. Chúng ta sầu lo, đau khổ nhiều vì muốn nắm giữ điều không thể. Thế Tôn từng nhấn mạnh: "Tất cả pháp biến đổi, muốn cho không biến đổi, trọn không có việc này". Không chỉ người ở lại, người ra đi (chết) cũng rất cần tuệ giác vô thường soi sáng. Chấp thủ thân ta (ngã), tài vật của ta (ngã sở) là nguồn gốc của đọa lạc. Thấy rõ vô thường mới xả buông, xả buông được thì sớm thăng hoa siêu thoát.

Mặt khác, khi đã chấp nhận sự thật vô thường của thế gian, người con Phật hãy tích cực tạo nghiệp lành để luôn được hiện đời an lành, đời sau cũng sinh cõi lành. Thế Tôn dạy vua Ba-tư-nặc thực hànhChánh pháp và xa rời phi pháp để *"Nay vui đời sau vui / Làm phước, hai đời vui"* là vì vậy. Thành ra, pháp "trừ sầu lo" của Thế Tôn vừa có tác dụng cầu an lẫn cầu siêu. Hiện nay, chúng ta thường khuyến khích thân nhân thực hành nhiều thiện pháp như bố thí, cúng dường để hồi hướng công đức cầu siêu cho người thân quá vãng. Nhưng chắc chắn việc vì cha mẹ làm thiện sẽ không bằng tự thân cha mẹ thực hành Chánh pháp, biết "Tự mình thắp đuốc lên mà đi." Thế nên, khuyến khích cha mẹ hiện tiền bỏ ác làm lành, tu tập theo Chánh pháp để luôn được an vui mới là chơn chánh hiếu đạo và cũng là cách báo hiếu trọn vẹn nhất.

dấu mẹ

thời gian xóa dấu chân trên cát
một thoáng đi về, một thoáng không
trầm hương lãng đãng ngày hôm ấy
có phải mẹ ngồi dõi mắt trông?

lời mẹ trong bao la đồng vọng
dáng mẹ khoan thai cõi mênh mông
bâng khuâng nghe tiếng chân guốc mộc
có phải mẹ về giữa sắc-không?

thảng hoặc mùi rau, dưa, tương, đậu
thảng hoặc ấm trà ngát hương ngâu
đâu đây lời kinh cầu thanh thản
ngàn năm ơn từ mẫu thâm sâu

rồi một ngày

trong giấc chiêm bao đêm qua
người hát như chim
người thì thào như gió
người nở hoa và tàn lụi
rơi rụng cuối mùa

trong cuộc chơi hôm nay
hơn và thua
thành và bại
game over
cuối ngày cũng như nhau

earth to earth, ashes to ashes, dust to dust
cát bụi trở về cát bụi
kết thúc dòng đời
phút tận cùng ngoảnh lại
người và tôi rồi cũng như nhau

xin giữ lòng tử tế
rồi một ngày – một ngày
giông bão cũng qua
còn lại trên tay
hạt mưa duyên khởi

thơ

QUẢNG TÁNH TRẦN CẦM

Kẻ trộm mùi hương

GIÁC NGUYÊN

Vị tỷ kheo này đi bát về thấy có hồ sen, vị đó bước xuống để ngửi. Vị Thọ thần trong bụng nghĩ trách, cho rằng chuyện ngửi một đóa hoa là hành động thế tục, hưởng thụ, không đẹp đối với một vị Sa-môn.

Một người thật lòng cầu đạo giải thoát thì nhu cầu càng ít càng tốt. Càng lệ thuộc vào cái gì đó, thì khả năng giải thoát tự tại càng bị thu hẹp. Nhu cầu tầm thường càng nhiều thì nhu cầu cao cấp sẽ bị mất chỗ. Chỉ cần mình thích xe đẹp, thích ăn mặc đẹp là mình biết mình mất đi một góc trời giải thoát. Mỗi lần mình thích một cái là mình bị mẻ đi một góc tự tại, càng thích vật chất chừng nào thì phải hiểu ngầmtinh thần sẽ bị bỏ ngỏ, bị làm lơ. Phúc thay cho kẻ nào có khả năng an lạc với đời sống tinh thần tự thân một cách lành mạnh và hữu ích. Đáng thương thay cho kẻ nào không có khả năng an lạc với riêng mình. Cái nhu cầu vật chất của mình biết kiếp nào mới thỏa mãn được, riêng cái khoảng Apple Production thì nó cứ lên đời nâng cấp liên tục. Nhìn cái Ipad tôi không biết 50 năm nữa nó sẽ ra tới cái gì không biết, tôi chỉ biết mơ hồ là một lúc nào đó người ta không cần dùng keyboard như mình nữa, bàn phím sau này có lúc chỉ là ánh sáng rọi trên mặt phẳng, chạm tay vào ánh sáng đó là chạm tay vào bàn phím rồi. Cách đây không lâu, tôi đọc thấy sau này sẽ có xe tự hành, mình set up sẵn, chỉ cần bấm địa chỉ thì tự động nó chạy trên đường và đến nơi. Có điều tôi nghĩ là ở nước ngoài chứ nước mình bà con chạy ẩu, khi nào mà toàn bộ mọi người đều dùng thì ok chứ không thì cái máy nó đỡ không nổi.

Sẽ có một lúc, đời sống nhân loại càng văn minh, nhưng nếu đời sống tinh thần mình nghèo quá thì cái văn minh đó chỉ làm cho mình cô quạnh thêm mà thôi. Cách đây 10 năm tôi có đọc một bài viết rất ngậm ngùi, đó là con người bây giờ có điều kiện khả năng di chuyển đi rất xa và rất nhanh nhưng không còn khả năng đến với nhau nữa. Con người có khả năng lên trăng nhưng không có khả năng bước qua nhà hàng xóm. Con người có khả năng nói chuyện xuyên đại dương nhưng không còn thời gian về thăm mẹ thăm cha để gặp mặt nói chuyện trực tiếp. Chúng ta có khả năng kiếm rất nhiều tiền nhưng không còn thời gian để rót cho mẹ cho cha một ly nước. Một bài viết chỉ khoảng chừng hai ba chục gạch đầu dòng nhưng tôi đọc rất là xúc động. Chúng ta bây giờ có đủ thứ nhưng đánh mất rất nhiều thứ, trong đó có một điều, chúng ta bây giờ có thể đọc nhiều thứ trên internet nhưng chúng ta bắt đầu chán đọc và sợ đọc rồi, gặp cuốn sách hai ba trăm trang là sợ hãi rồi.

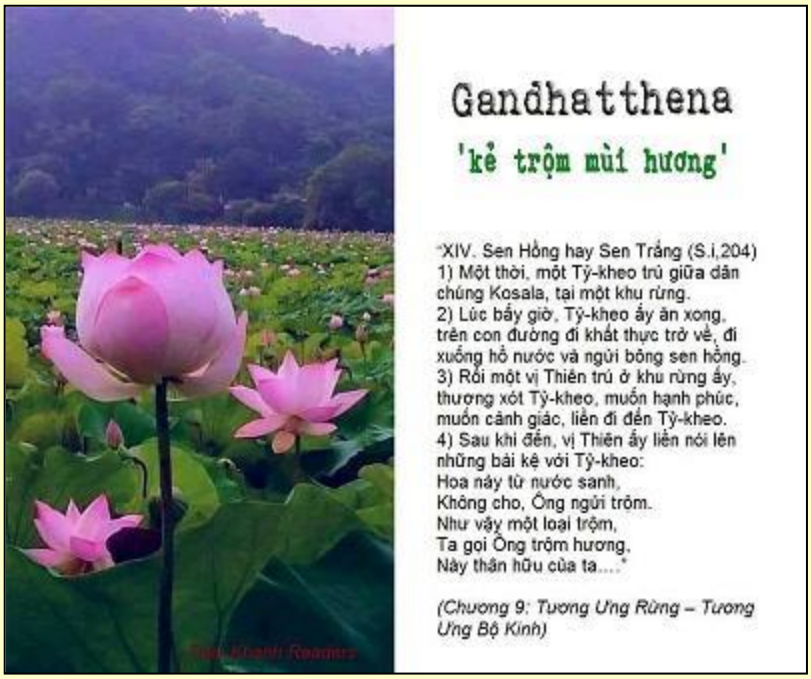

Trong bài kinh này, vị Thọ thần này hơi khắt khe, tuy nhiên cái hay của bài kinh này nằm ở điểm: càng sống lệ thuộc nhiều chừng nào thì khả năng giải thoát càng hạn chế chừng đó, nhu cầu thấp càng nhiều thì nhu cầu cao sẽ bị mất chỗ.

LÒNG HIẾU THẢO TRONG KINH ĐIỂN PALI

Bình Anson

Đối với người Việt chúng ta, Lễ Vu Lan (Vu Lan Bồn, Ulambana) ngày rằm tháng bẩy âm lịch mỗi năm đã trở thành truyền thống là một mùa báo hiếu cho những người con hiếu thảo, chân thành tưởng nhớ đến công ơn nuôi dưỡng của Cha Mẹ - còn sống cũng như đã qua đời - và cố gắng tận lực để đền đáp công ơn đó, qua việc phụng dưỡng mẹ cha và các thiện sự.

Ngoài sự tích Mục Kiền Liên - Thanh Đề, trong kinh điển Phật giáo -- Nam Tông cũng như Bắc Tông -- còn có nhiều bài giảng của Đức Phật đến các đệ tử để giúp họ giữ gìn mối hòa thuận trong gia đình, để cùng nhau tăng trưởng trong chánh pháp. Trong bài viết thô thiển nhân dịp Vu Lan năm nay (1995), tôi xin mạn phép được trình bày một vài đoạn ngắn trong kinh điển Pali, nói về chữ Hiếu mà Đức Phật đã giảng cho các đệ tử. Quí bạn đọc có thể tìm hiểu thêm qua các kinh sách liệt kê ở phần cuối của bài viết.

Công ơn trời biển

Ca dao Việt Nam thường ví công ơn cha mẹ như núi Thái Sơn, như nước trong nguồn chảy ra. Trong Tương Ưng Bộ Kinh, Đức Phật đã ví công ơn trời biển của cha mẹ như biển cả nghìn trùng. Ngài giảng rằng sữa mẹ nuôi con trải qua nhiều đời nhiều kiếp, nên rộng bao la và nhiều hơn biển cả:

"... Nầy các tu sĩ, sữa mẹ mà các ngươi đã uống, trong khi các ngươi lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài, thì nhiều hơn nước trong bốn biển. Vì sao thế? Vì luân hồi là vô thỉ, không sao đếm được. Lưu chuyển luân hồi của chúng sanh trùng điệp nên không thể nêu rõ khởi điểm. Vì vô minh che đậy, vì tham ái trói buộc tất cả các nghiệp hành của chúng sanh."

Trong Tăng Chi Bộ Kinh, Đức Phật cũng ví cha mẹ như những ngọn lửa đáng cung kính, vì cha mẹ là người đã đem lại sự sống và tăng trưởng cho con cái, cũng như ngọn lửa đem lại nguồn sống, nguồn năng lượng cho loài người:

"... Nầy các Bà-la-môn, cha mẹ của các người là các ngọn lửa đáng cung kính. Vì sao thế? Vì từ đó mà tạo ra sự sống, sự hiện hữu. Do đó cha mẹ như là các ngọn lửa thiêng đáng cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, và sẽ đem lại chánh lạc"

Vì công ơn cha mẹ to tát như thế, Đức Phật còn nói rằng có hai hạng người mà chúng ta không bao giờ trả hết ơn được, đó là mẹ và cha (Tăng Chi Bộ):

"... Có hai hạng người, nầy các tu sĩ, Ta nói không thể trả hết ơn được. Đó là Cha và Mẹ. Nếu một bên vai cõng mẹ, một bên vai cõng cha, làm vậy suốt trăm năm cho đến trăm tuổi cũng chưa trả ơn đủ cho cha mẹ. Nếu có phụng dưỡng cha mẹ với mọi báu vật trên trái đất nầy cũng chưa trả ơn đủ. Vì sao thế? Vì rằng cha mẹ đã bỏ nhiều công sức cho con cái, nuôi dưỡng chúng cho đến lúc lớn khôn, và dẫn dắt chúng vào trong đời nầy."

Đảnh lễ phương Đông

Trong Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt (Singalovada Suttanta), Trường Bộ Kinh, một buổi sáng khi Đức Phật đi trì bình khất thực trong thành Vương Xá, Ngài thấy chàng trai Thi-ca-la-việt dậy sớm, ra khỏi nhà và chấp tay đảnh lễ sáu phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, Thượng, Hạ như lời cha mẹ dạy theo truyền thống mà không hiểu ý nghĩa của của việc làm đó. Đức Phật giảng rằng chấp tay đảnh lễ như thế cũng chưa đủ, mà cần phải thành tâm quán tưởng các phép cư xử với người chung quanh: hướng Đông là sự liên hệ giữa cha mẹ và con cái, hướng Tây là sự liên hệ vợ chồng, hướng Nam là liên hệ thầy trò, hướng Bắc là liên hệ bạn bè, hướng Thượng là liên hệ giữa tu sĩ và cư sĩ, hướng Hạ là liên hệ giữa chủ nhân và người giúp việc.

Về liên hệ giữa cha mẹ và con cái, Đức Phật giảng:

" ... Có năm nhiệm vụ người con phải làm: nuôi dưỡng cha mẹ, làm tròn mọi bổn phận người con, giữ gìn gia đình với truyền thống, bảo vệ tài sản thừa tự, và làm tang lễ khi cha mẹ qua đời."

Thêm vào đó, Đức Phật cũng giảng:

"... Có năm trách nhiệm cha mẹ cần phải chu toàn: ngăn chận con làm điều ác, khuyến khích con làm điều thiện, dạy cho con có được nghề nghiệp tốt, tìm người phối ngẫu tốt cho con, và trao gia sản cho con đúng lúc."

Rõ ràng đây là một thông điệp trách nhiệm, một trách nhiệm hỗ tương giữa cha mẹ và con cái. Con có năm bổn phận với cha mẹ, và cha mẹ cũng có năm trách nhiệm với con cái. Khi cha mẹ và con cái chu toàn các điều đó, thì gia đình được hạnh phúc, và phương Đông, theo nghĩa bóng nầy, mới được an lành. Lúc đó việc

đảnh lễ về hướng Đông mới thật sự có ý nghĩa.

Tăng trưởng trong Chánh Pháp

Đức Phật còn khuyên con cái phải cùng cha mẹ tu tập, từ bỏ con đường bất thiện, dấn thân vào con đường thiện, giúp nhau tăng trưởng trong chánh pháp. Trong Tăng Chi Bộ, Phật thuyết:

"... Những ai đền ơn bằng cách nuôi dưỡng, cúng dường cha mẹ với của cải, vật chất, tiền bạc thì không bao giờ đủ để trả ơn cha mẹ. Nầy các tu sĩ, những ai đối với cha mẹ không có lòng tin thì khuyến khích, hướng dẫn, để cha mẹ an trú vào thiện pháp; đối với cha mẹ gian tham thì khuyến khích, hướng dẫn, để cha mẹ an trú vào hạnh bố thí; đối với cha mẹ theo ác trí thì khuyến khích, hướng dẫn, để cha mẹ an trú vào chánh trí; như vậy thì những người đó làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha."

Đức Phật giảng rằng trả hiếu bằng cách cúng dường tài sản vật chất thì chưa đủ, mà phải nhắm đến mục đích tối hậu là cùng nhau tăng trưởng trong chánh pháp, tiến đến sự giải thoát khỏi mọi hoạn khổ sinh tử luân hồi. Muốn cho cha mẹ đạt được sự an bình, hạnh phúc tối hậu, thì người con phải giúp cha mẹ từ bỏ các ác hạnh và thực hiện các hạnh lành, từ bỏ gian tham và thực hành bố thí rộng lượng, từ bỏ vô minh và chứng đạt trí tuệ.

Lợi ích của Hiếu Thảo

Chính khi phụng dưỡng, nuôi nấng cha mẹ, người con sẽ được hưởng những công đức, quả lành do lòng hiếu thảo đem lại. Đức Phật giảng (Tăng Chi Bộ):

"... Vị thiện nam tín nữ nào với những tài sản do nỗ lực tinh tấn thu hoạch được, do công sức nhọc nhằn tự mình tạo ra, một lòng cung kính cúng dường, phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ người ấy, được sự cung kính, phụng dưỡng như thế, sẽ khởi lên lòng thương mến và cầu nguyện: 'Xin cho con tôi được sống lâu! Xin cho con tôi được che chở, thọ mạng an bình!'. Nầy các cư sĩ, một người con hiếu thảo được cha mẹ thương mến như vậy, chắc chắn sẽ tăng trưởng lớn mạnh trong chánh pháp."

Trong Tương Ưng Bộ, Đức Phật dạy cư sĩ Mataposaka:

" Người nào theo chánh pháp,
Nuôi dưỡng mẹ và cha.
Và tạo nhiều công hạnh,
đối với cha và mẹ.
Nhờ vậy, bậc Hiền thánh,
Trong đời nầy tán thán,
Sau khi chết được sanh
Hưởng an lạc chư Thiên."

Trong Tăng Chi Bộ, Đức Phật giảng rằng gia đình nào có con cái biết hiếu dưỡng cha mẹ, thì gia đình ấy có phước báu, đáng được tôn trọng và cung kính, đáng được xem như ngang hàng với Phạm Thiên. Phạm Thiên là những chư Thiên cao nhất ở Dục giới và Sắc giới. Ngài giảng:

"... Nầy các tu sĩ, những gia đình nào có con cái kính lễ cha mẹ trong nhà, thì những gia đình ấy được chấp nhận ngang bằng với Phạm Thiên, được chấp nhận như ngang bằng với gia đình các bậc Đạo sư, đáng được kính trọng và cúng dường.

Phạm Thiên là đồng nghĩa với cha mẹ. Các bậc Đạo sư là đồng nghĩa với cha mẹ. Các bậc đáng cúng dường là đồng nghĩa với cha mẹ. Vì sao thế? Vì cha mẹ giúp đỡ con cái rất nhiều, vì cha mẹ nuôi dưỡng con cái đến ngày chúng lớn khôn, đào tạo chúng để đưa chúng vào cuộc đời."

Chính Đế Thích (Sakka), vị vua cõi Tam Thập Tam Thiên cũng nhờ công đức phụng dưỡng cha mẹ mà kiếp sau sinh được làm vua trời (Tương Ưng Bộ):

"... Thuở xưa khi Thiên chủ Đế Thích còn là người, vị ấy chấp trì giới luật nghiêm túc và một lòng hiếu dưỡng cha mẹ. Nhờ đó mà được sanh ra làm vua trời ngày hôm nay:

Ai hiếu dưỡng cha mẹ,
Kính trọng bậc gia trưởng
Nói những lời nhu hòa,
Từ bỏ lời hai lưỡi,
Chế ngự lòng gian tham,
Là một người chân thực,
Nhiếp phục mọi sân hận.
Với một người như vậy,
chư Thiên Tam Thập Tam,
gọi là bậc cao quí. "

Kết luận

Trên đây chỉ là sơ lược về một vài lời Phật dạy, ghi chép trong kinh điển, về chữ Hiếu. Đức Phật đã nói rất nhiều về công ơn trời biển của cha mẹ, nói đến trách nhiệm của con cái để đền đáp công ơn to lớn đó. Hình thức lễ nghi không phải là chính yếu, mà chính các hành động thực tiễn phụng dưỡng, cúng dường cha mẹ mới là quan trọng. Phụng dưỡng cha mẹ sẽ tạo ra nhiều phước báu cho bản thân ta - hiện tiền và kiếp sau, và cho hạnh phúc gia đình ta. Đức Phật còn dạy rằng cách trả ơn tốt đẹp và đầy đủ nhất là cùng cha mẹ vững niềm tin nơi chánh pháp, cùng nhau bước vào con đường chánh thiện, bỏ ác giới, bỏ gian tham, theo đời sống đạo đức, thực hành hạnh bố thí, bỏ con đường vô minh tối tăm và hướng đến ánh sáng của trí tuệ quang minh, để thoát vòng sinh tử đau khổ .

Tham khảo:

Trường Bộ Kinh. Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, 1991.

Tương Ưng Bộ Kinh. Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, 1993.

Tăng Chi Bộ Kinh. Viện Phật Học Vạn Hạnh, 1980.

Thích Thiện Siêu và Thích Minh Châu, 1993. Chữ Hiếu Trong Đạo Phật. Hội Phật Giáo Thừa Thiên.

ĐẤT NƯỚC, LỜI RU NGẬM NGÙI

Mẹ đứng đó
bốn nghìn năm văn hiến
Lời ca dao
ru mảnh đất rồng tiên
Đồng lúa hát
câu hò mùa gặt mới
Rẫy nương xanh
tiếng gà gáy lên ngàn…

Mẹ ngồi xuống
nhìn đất trời nhỏ lệ
Buồn miên man
neo trên những đường qua
Nghe giông bão
gầm vang đồi thế kỷ
Thương đàn con
thấp thỏm, gió cuốn xa...

Nhớ thuở nao
rừng hoang bên núi thẳm
Nhóm lửa hồng,
nhen khói, hú tìm nhau
Chiều phơi phới
cánh diều cao chới với
Đất Lạc Hồng
núi biển nối vầng trăng…

Rồi nghìn năm
biên cương đau bờ cõi
Hồn mẹ thiêng
theo quân trận cồng-chiêng
Với thanh tre hiền lành bên song cửa
Giặc ngoại xâm
đã khiếp vía liên hồi…
Tình đoàn kết
giang sơn Hùng một thể
Lời Âu Cơ
vẹn nghĩa cử Đệ Huynh.…

Mẹ nhắm mắt
gặm nỗi đau dâu bể
Trăm mùa xuân
hoa khép nụ rừng mai
Con thơ lạc
bên kia bờ súng đạn
Đời văn minh
tình hấp hối lên ngai.

Dòng máu Việt
nhạt dần theo danh lợi
Anh và Em
một manh chiếu chia hai
Hai giới tuyến
hai con tim rách nát
Vết thương sâu
lòng thù hận nào phai.

Mẹ đang khóc
chờ con trong nỗi nhớ
Nước non rầu
tóc rụng xuống mồ hoang
Tim của mẹ
biển Đông tràn sóng dậy
Buồn tang thương
Trải biên giới ngập tràn.

Mẹ quỳ gối
áo xưa dài một dãy
Rừng Trường Sơn
hờn tủi nhục vong thân
Hồn oan khuất
tiếng ve sầu dân tộc
Còn quê hương?
Xin nhìn thấy nẻo đường…!

thơ

THÍCH NỮ TỊNH QUANG

TÌNH MẸ TRONG PHẬT GIÁO

Tác giả: **Karen Villanueva**
Nguyên Hạnh dịch*

Phần tóm tắt:
Phật giáo định nghĩa người mẹ lý tưởng là một tấm gương của tình thương bao la, Trung đạo, và Bồ-tát đạo. Trong các nền văn hóa phụ quyền thống trị, lý tưởng này đã giới hạn người phụ nữ ở vai trò người mẹ hy sinh bản thân, nhất là người mẹ của những đứa con trai. Truyền thống Trung Hoa được xem như một hình mẫu của loại hy sinh này. Trong triết học Phật giáo, mọi người vốn có tiềm năng chuyển hóa và tiềm năng nhận thức. Mặc dù không có khái niệm tội tổ tông, nhưng có khái niệm về sự hối lỗi hay ăn năn. Còn trong các nền văn hóa phương Tây hầu hết mọi người được dạy rằng họ có tội từ lúc chào đời. Đối với phụ nữ trong xã hội Công giáo, tội lỗi này đã được truyền xuống từ người mẹ đầu tiên, Eva, người đã dũng cảm tìm tòi nguồn tri thức. Trong tư tưởng Phật giáo, không có loại tội lỗi chống lại nữ giới như thế. Thế mà, các nền văn hóa phụ quyền cũng đón nhận triết học Phật giáo để đáp ứng nhu cầu của những tập tục của họ. Lại nữa, dù cho các nền văn hóa phụ quyền này có vẽ đặt thế nào về người mẹ, thì những gì chúng ta học được từ mẹ ta, tình thương và sự nuôi dạy chúng ta như những đứa trẻ của mẹ, chính là điều có thể tạo nên hòa bình. Loại hòa bình này có thể đạt được qua lý tưởng Bồ-tát. Như người mẹ thương yêu đứa con một của mình, vị Bồ-tát thương tất cả chúng sinh. Vị ấy biết cái khổ mà cuộc đời đã báo trước, biết rõ nỗi đau đớn và ưu sầu khi mất người thân yêu, và biết rõ sự tàn phá của cái già, bệnh và chết. Vị Bồ-tát, dù nam hay nữ, đều canh cánh việc giải thoát mình ra khỏi vòng sinh tử và cứu giúp tha nhân.

Như người mẹ dùng cả sinh mạng,
Bảo vệ đứa con, đứa con một của bà,
Với tình thương vô biên như thế,
Vị Bồ-tát thương hết thảy chúng sinh (1).

Phật giáo đầy ắp những hình tượng và ẩn dụ phong phú về tình thương cao cả giống như tình thương lý tưởng của người mẹ đối với con. Trong triết học Phật giáo, không có tình thương nào lớn hơn tình mẹ thương con, cũng không có sự hy sinh nào lớn hơn sự hy sinh của mẹ khi sinh con. Tình mẹ được tôn trọng như thế vì bài học tình thương và đức hy sinh của nó. Nhưng, tình mẹ cũng bị chê vì sự dính mắc với con cái bởi vì qua sự ràng buộc này người ta phải nếm trải khổ đau. Bài tiểu luận này khảo cứu về tình mẹ được lý tưởng hóa trong nhiều tác phẩm và kinh Phật như một hình mẫu của tình thương vô biên, Trung đạo và Bồ-tát đạo. Cũng bàn luận thêm vai trò của tình mẹ trong văn hóa Phật giáo và các nền văn hóa phụ quyền thống trị, nhất là trong truyền thống Trung Hoa.

Trong triết học Phật giáo, mọi người đều có tiềm năng chuyển hóa và tiềm năng nhận thức. Dù không có khái niệm về tội tổ tông, cũng có khái niệm ăn năn hoặc hối lỗi. Tuy nhiên, các nền văn hóa phương Tây, hầu hết người ta được dạy rằng họ là người có tội từ khi sinh ra. Đối với phụ nữ trong xã hội Công giáo, tội này được truyền xuống từ người mẹ đầu tiên, Eva, người đã dám tầm cầu tri thức. Trong tư tưởng Phật giáo không có loại tội lỗi chống lại phụ nữ như thế. Ấy vậy mà, các nền văn hóa phụ quyền của Đông phương đã đón nhận triết học Phật giáo để đáp ứng như cầu của những tập tục của họ. Nhưng, mặc cho những huấn thị có tính gia trưởng kia, tình mẹ và những gì chúng ta học được từ mẹ, tình thương và sự nuôi nấng chúng ta như những đứa trẻ

của mẹ, lý tưởng Bồ-tát, là con đường đi đến hòa bình.

Tình Thương Bao La

Tình thương bao la vô điều kiện và trùm khắp tất cả chúng sinh là tâm Từ (*metta*). Mục đích của tâm Từ là ước muốn tất cả mọi loài được an vui. Nó vô điều kiện. Nhưng, trước khi ban tình thương cho người khác, người ấy phải thương mình. Đức Phật dạy rằng nếu ai có thể giữ vững tâm Từ lâu chừng bằng tiếng khảy móng tay, người ấy có thể đạt Niết-bàn (2). Phát triển cái tâm an trú trong tâm Từ sẽ giúp hành giả thoát khỏi nỗi khổ ích kỷ và tham luyến. Để thành tựu tâm này, Đức Phật khuyên chúng đệ tử cố gắng đạt được cái tâm có một phần tư tâm Từ, một phần tư tâm Bi, một phần tư tâm Hỷ và một phần tư tâm Xả (3). Bốn phẩm hạnh này được biết là Phạm trú hay Tứ vô lượng tâm, trong đó, tâm vô lượng thứ nhất là tâm Từ. Tâm vô lượng thứ hai, tâm Bi (*karuna*), là ước muốn chấm dứt khổ đau cho người khác. Người mẹ lý tưởng trong Phật giáo thể hiện tinh thần dấn thân vô ngã và tình thương vô điều kiện dành cho con. Theo Sharan Salzberg, một hành giả và tác giả phật-tử thì:

Chính tâm Bi mới gỡ bỏ được cái then nặng nề, mở tung cánh cửa đến tự do, [và] khiến cho cái tâm lượng nhỏ nhen trở nên rộng lớn như vũ trụ. Tâm Bi sẽ lấy đi sự trì trệ và thiếu linh động trong tâm; nó trao đôi cánh cho những ai còn dính mắc với vùng đất khô cằn của cái tôi.

Chúng ta có thể hình dung tâm Bi là hiện thân của từ mẫu, người chỉ luôn hướng mọi suy tư và hành động vào việc chữa trị cho đứa con thơ đang bị bệnh của bà. Nó như thâm tình của người mẹ lúc hấp hối, bằng tất cả thương yêu, nói với con rằng cuộc sống giống như những làn sóng trên đại dương, là một phần của cái toàn thể. Mỗi làn sóng gợn lên rồi trở lại đại dương, nơi nó đến.

Tâm Bi cũng là sự thấu hiểu và chấp nhận. Nó phá vỡ những rào cản của sự đối ngẫu vốn được tạo ra bởi nền văn hóa gia trưởng. Tâm Bi là mong muốn tất cả chúng sinh thoát khỏi đau khổ. Sự thấu hiểu và chấp nhận biểu thị rõ đặc điểm tình thương vô điều kiện của mẹ dành cho con. Nếu chúng ta cũng thương nhau như mẹ thương con thì chúng ta sẽ hiểu tâm Bi.

Tùy hỷ với vận may cũng người khác là tâm Hỷ (*mudita*), niềm vui của sự thông cảm và tán thán, là Tâm vô lượng thứ ba. Nó là tâm thái không vị kỷ đòi hỏi phải hoàn toàn không có lòng đố kỵ. *Mudita* là một khái niệm lạ đối với xã hội cạnh tranh phương Tây. Tâm Hỷ nhấn mạnh rằng chúng ta không xem những nguồn lợi ích như có số lượng hạn định. Như người mẹ luôn có đủ tình thương cho tất cả các con, tâm Hỷ luôn có đủ vui vẻ để ca ngợi những thành công của kẻ khác.

Tâm vô lượng thứ tư, tâm Xả (*upekkha*), là tâm Từ, Bi và Hỷ với niềm vui và lợi lạc của tha nhân. Tâm Xả không phải là sự thờ ơ. Như người mẹ, tâm Xả là sự hiểu rõ rằng dù thương các con như nhau, nhưng theo tính khí của chúng bà đối xử có khác. Chẳng hạn, một đứa bị bệnh cần thêm sự săn sóc của mẹ, một đứa khác đang ở trường thì không cần nhiều đến sự chăm chút của bà, trong khi đứa thứ ba thì có thể lại cần nhiều sự răn dạy để giúp bà yên tâm hơn về nó. Người mẹ thương các con trong khi nhận thấy rõ những nhu cầu của mỗi đứa.

Trong mối liên hệ với người khác, tâm Xả nhận ra rằng các mối giao thiệp thường được xây dựng trên tính bất định: lời khen hoặc tán dương có thể tạo ra tình bạn, trong khi lời nói ác ý hoặc chỉ trích có thể tạo ra kẻ thù. Tâm Xả là khả năng thấy xa hơn sự độc đoán và nông cạn, và nhận ra rằng tất cả chúng ta đều mong muốn một điều giống nhau trong cuộc sống, cuối cùng là mong muốn rằng ta và những người ta thương có hạnh phúc. Một khi có cái hiểu biết này chúng ta sẽ quan tâm đến mọi người theo cùng một cách.

Tâm Xả có nghĩa là sự cân bằng. Mục đích của Tâm vô lượng này là để làm cân bằng Từ và Bi với tất cả chúng sinh và cân bằng những xúc cảm như tự tôn và tự ty, vui và khổ. Nó cho qua đi nỗi lo âu và sợ hãi về sự sống, về cái chết, và tin vào luật nhân quả, nghiệp báo.

Trong ánh sáng của niềm tin vào sự tái sinh của người con Phật, cách đối xử bình đẳng với hết thảy chúng sinh thì thật đầy nghĩa. Đức Phật dạy rằng quả thật rất khó để tìm thấy ai mà chẳng từng là cha, mẹ, anh em, chị em, con trai hoặc con gái của mình trong kiếp trước (4).

Salzberg cho rằng trong vòng luân hồi vô tận, chúng ta đã từng thực hiện tất cả những tâm thái hành nghiệp như: thương, giận, sợ hãi, giết hại, tổn thương, cướt đoạt, cứu giúp và phụng sự (5). Trong triết học Phật giáo, không có sự tách biệt với bất cứ chúng sinh nào vì chúng ta đã từng là mọi loài và từng làm mọi điều trước đó; không có ai thấp hơn hoặc cao hơn đối với bất kỳ ai khác. Một và mỗi kiếp sống có tương quan và liên hệ với nhau.

Ngài Long Thọ, bậc đại luận sư của triết học Phật giáo, nói:

Nếu chúng ta chia quả địa cầu này ra từng hạt nhỏ như trứng cá, số hạt này cũng không lớn bằng số lần mà mỗi chúng sinh hữu tình đã từng là mẹ của chúng ta.

Trung Đạo

Phật giáo là con đường Trung đạo. Trước và cho đến khi Đức Thích Ca Mâu Ni đản sinh, bất kỳ vị tầm cầu tâm linh nào cũng tìm về hoặc khổ hạnh hoặc hưởng lạc như con đường đi đến giác ngộ. Sau khi làm theo cả hai con đường và tự thấy không có kết quả, Đức Phật

tự mình khám phá con đường không cực đoan. Trưởng lão Narada nói:

Như người mẹ không thấy sự tách rời giữa bà với đứa con một của bà và bảo vệ nó bất chấp nguy hiểm tánh mạng mình, cũng vậy, người du hành tâm linh bước theo con đường Trung đạo này sẽ tỏa chiếu những tư duy từ ái đồng hóa mình với tất cả (6).

Phật giáo dạy rằng nhờ tiến theo con đường Trung đạo này chúng ta sẽ chấm dứt đau khổ và luân hồi (*samsara*) và tìm thấy sự giác ngộ. Trung đạo gồm có tám nguyên tắc sống, Bát chánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Những suy nghĩ về thương và hiểu hướng đến tất cả chúng sinh là chánh tư duy. Đức Phật dạy rằng hiểu và thương có năng lực xoa dịu nỗi khổ đau của tất cả chúng sinh (7). Hiểu rõ rằng trong cuộc sống có khổ đau, nguyên nhân của khổ là tham ái, và con đường dẫn đến chấm dứt khổ là Bát chánh đạo, là bản chất của trí tuệ và chánh kiến (8). Loại hiểu biết sâu sắc này cấu tạo thành Tứ thánh đế của Phật giáo.

Vai Trò Của Tình Mẹ

Vào thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cái điều được trông mong là một người nữ trở thành người mẹ và sinh con trai, mười đứa con trai là con số lý tưởng (9). Thiên chức làm mẹ được xem là "cái thang thích hợp để lên thiên giới"; nhờ làm tròn bổn phận của người mẹ, người phụ nữ đạt được vị trí ở các cõi cao hơn (10). Lại nữa, người phụ nữ sanh lên cõi trời có liên quan hệ đến việc trở thành người mẹ, trong tác phẩm *Những Phụ Nữ Đầu Tiên của Phật Giáo: Dịch và Chú giải về Trưởng Lão Ni Kệ*, Susan Morcott trích dẫn lời của Brahman Vaisista:

"Người thầy được tôn kính gấp mười lần người trợ giảng, người cha được tôn kính gấp trăm lần người thầy, và người mẹ được tôn kính gấp ngàn lần người cha." (11)

Lạt-ma Tsering Everest nói rằng trong truyền thống Đại thừa, không có hành động nào được kính trọng và đề cao hơn sự chịu đựng đau đớn, loại đau đớn cho phép một chúng sinh khác có được thân người và có cơ hội đạt đến giác ngộ (12).

Như thế người mẹ là hiện thân của tất cả cái gọi là trí tuệ, tự trọng, sức mạnh, tự hào, từ bi, vinh quang, chu đáo, lắng nghe, ân cần, hợp lý, khoan dung, và thương yêu. Tình mẹ lý tưởng được xem là hình mẫu cho tất cả tình thương:

Nếu quán về sự ân cần của mẹ đối với chúng ta, lòng hiếu thảo của chúng ta sẽ tăng lên. Trước khi chào đời, chúng ta được bảo vệ và được cưu mang trong bào thai của mẹ…Sự hiện diện của chúng ta không chỉ mang đến gánh nặng thể xác, mà còn là trách nhiệm làm hạn chế tự do của mẹ. Lúc sinh nở, chúng ta đã mang đến sự đau đớn kiệt sức cho mẹ, và rồi, mẹ ta liền lập tức quên tất cả điều đó và vui sướng như thể bắt được viên ngọc khi thấy chúng ta chào đời an toàn. Khi còn bé, chúng ta không thể tự chăm sóc, mẹ cũng không nhờm gớm tiêu giãi và chăm sóc chúng ta dịu dàng. Không có sự chăm sóc của mẹ chúng ta không thể còn sống đến ngày nay (13).

Tình mẹ là chuẩn mực đạo đức, chẳng phải bất kỳ người phụ nữ nào cũng có thể sinh một vị Phật. Vị ấy phải là Người Mẹ Chân Chính. Người phụ nữ sinh ra một vị Phật phải là "người đặc biệt về mọi phương diện" (14). Lúc chuẩn bị cho sự đản sinh của thái tử, người sau này trở thành Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mẹ Ngài đã phát nguyện với chồng, vua Tịnh Phạn rằng bà sẽ không tổn hại đến bất kỳ sinh vật sống nào, không trộm, không dùng chất say, không nói lời phù phiếm, đâm thọc, dối trá, không đố kỵ cũng không tà kiến. Thay vào đó, bà sống cuộc đời trinh bạch, "thân thiện với tất cả" và giữ mười một giới (15). Vài ngày sau khi sinh hạ thái tử, Hoàng hậu Maya mất và được tái sinh làm một thiên tử trên cõi trời Đâu Suất.

Ngoài ra, quả địa cầu nơi ta đang sống cũng là mẹ của chúng ta. Bà làm chứng về sự bất kính của chúng ta trong hình thức tàn phá môi trường, vũ khí chiến tranh và bà đang chịu khổ trong im lặng. Lại nữa, đất mẹ không ngừng tha thứ tất cả những gì đã làm tổn hại đến bà. Quả thật, sự hy sinh của mẹ được bộc lộ trọn vẹn trong tư tưởng Phật giáo.

Kinh Báo Hiếu Phụ Mẫu Thâm Ân liệt kê mười ơn sâu, hay mười sự hy sinh mà người mẹ đã dành cho con.

Ơn thứ nhất: bảo bọc và chăm sóc khi con còn trong thai.

Ơn thứ hai: chịu đau đớn khi sinh con.

Ơn thứ ba: quên hết đau đớn khi con được chào đời an toàn.

Ơn thứ tư: ăn đắng cay và để dành bùi ngọt cho con.

Ơn thứ năm: để con nằm nơi khô ráo và mình nằm phía ướt.

Ơn thứ sáu: cho bú mớm và ẵm bồng.

Ơn thứ bảy: tắm giặt, rửa ráy.

Ơn thứ tám: luôn nghĩ về con khi con đi xa.

Ơn thứ chín: quan tâm sâu sắc và tận tình.

Ơn thứ mười: hết mực yêu thương và cảm thông.(16)

Bình luận hình ảnh nữ giới trong Đại thừa Phật giáo, Diana Paul cho rằng "người mẹ tượng trưng cho sự chịu đựng, sự đau đớn, trói buộc và phụ thuộc" (17). Đối với Paul, trong Phật giáo Đại thừa, "tình mẹ rơi vào địa hạt thế tục, chẳng phải thiêng liêng" và mục đích là được giải thoát khỏi đau khổ và những trói buộc khác của bổn phận làm mẹ (18). Theo đó, Paul nhấn mạnh, "người mẹ không thể thoát khỏi khổ đau hoặc giải thoát khỏi những dính mắc cuộc sống vì sự ái thủ của bà với con cái" (19). Hơn nữa, ví dụ điển hình khác trong Kinh Đứa Trẻ và Năm Bà Mẹ, người phụ nữ bị ràng buộc và hết sức bị giới hạn bởi bổn phận của người mẹ và mối liên hệ với con (20).

Tình Mẹ Trong Truyền Thống Phật Giáo Trung Hoa

Khi đã truyền bá và hưng thịnh ở các nước khác, Phật giáo được tô điểm bởi những bối cảnh văn hóa khác nhau trong đó nó tìm thấy chính mình. Trung Hoa với nền triết học Khổng giáo hiện hữu trước đó có thể được xem là một ví dụ hoàn hảo vì nó cũng nhấn mạnh về sự hiếu thảo với cha mẹ. Alan Cole, tác giả và sử gia các tôn giáo châu Á, lưu ý rằng đạo hiếu trong truyền thống Trung Hoa được minh họa qua tình cha và con (21). Phật giáo ở Trung Hoa cũng công nhận sự nhấn mạnh đặt biệt về tình mẫu tử nhưng ơn của mẹ đối với con là loại ơn được báo đáp trước. Sự báo ân này, bao gồm thực hiện việc quyên cúng đến chùa Phật giáo địa phương cho các buổi lễ hằng ngày và tụng kinh Phật, tu dưỡng sẽ tạo ra phúc đức giải trừ tội lỗi (22). Cái vòng thọ ân và báo ân được hiểu là: (1) Ý thức về sự mang ơn của con đối với mẹ, ơn này cần được báo đáp trước (2) việc người con quyên cúng đến một cơ sở Phật giáo, với công đức được ghi nhận (3) những phương cách giúp các bà mẹ tránh được và giải quyết cái 'nợ bế tắc' trong gia đình. Mối đe dọa ngầm là nghiệp ác của con cái, tức là, bất hiếu với mẹ (23).

Điểm chính trong lối hành trì của truyền thống Phật giáo Trung Hoa là tin rằng về bản chất người nữ ô uế trong khi người nam ít hơn. Bất cứ điều phước đức nào được tích góp bởi người nữ đều đến từ con trai (24). Do đó, người vợ của con được xem là mối đe dọa cho lòng hiếu thảo vì thế bà lái anh ta ra khỏi bổn phận (làm chồng) và theo đuổi tình thương của người con dành cho mình (25). Trong Kinh Báo Hiếu, "tình mẹ" được thừa nhận là mang lại sự êm ấm và gia đình thăng tiến trong khi tình yêu của người "phụ nữ khác" kể cả người vợ, bị xem là mối nguy hiểm chống lại gia đình và xã hội (26).

Tịnh và nhiễm cũng được đưa vào khoa phẫu thuật về người mẹ. Nửa thân trên của mẹ, bao gồm mặt và ngực, được xem là tốt, vì chúng là nguồn gốc của sự nuôi dưỡng. Nửa thân dưới của người mẹ bị khinh thị vì (đó là) cuống sinh sản và kinh nguyệt, bị xem là phần thấp kém trong vũ trụ (27). Cole chỉ ra rằng người mẹ "có hai loại hy sinh về máu": sữa là sự hy sinh về "máu trắng", ơn này bao gồm trong loại ơn cần được báo đáp trước, tuy nhiên, máu lúc sinh nở và kinh nguyệt là uế bẩn phải được hóa thảy (28).

Lại nữa, người mẹ được biết như "phụ mẫu thâm tình" (29) và, theo đó, không có tình thương nào mạnh hơn tình mẹ thương con (30). Trong Kinh Phụ Mẫu Thâm Ân, người con trai được khuyến khích đáp lại tình thương này và yêu kính mẹ mình, không phải chỉ với chính bà, mà với cả người nữ trẻ hơn, có cái nhìn lý tưởng hóa về mẹ (31).

Còn trong những truyền thống Phật giáo khác, người mẹ được minh họa với những nét như trí tuệ, từ bi và sáng suốt. Ở Trung Hoa, ngoại trừ đức Quan Thế Âm, người mẹ không có dáng người cao nhã quý phái (32). Tuy nhiên, trẻ con được khuyên theo lời dạy của mẹ để có được sự bảo hộ của thần linh và được may mắn (33). Như được minh họa trong Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát, những điều kiện để được sinh về Tịnh Độ được giải thích rằng: như người mẹ trên tử sàng để lại lời trăng trối với con là hãy nhận thức về lý tưởng giác ngộ và báo đáp thâm ân cha mẹ qua việc dấn thân vào Bồ-tát đạo (34).

Bồ Tát Đạo

Vị Bồ-tát luôn muốn lợi lạc cho cuộc đời. Mẹ thương yêu đứa con một như thế nào thì vị Bồ-tát thương tất cả chúng sinh cũng như thế ấy. Một Bồ-tát thì thương chúng sinh đến độ vị ấy chỉ luôn muốn cống hiến đời mình vì lợi ích cho tha nhân. Vị ấy biết cái khổ mà cuộc đời đã báo trước, biết rõ nỗi đau đớn và ưu sầu khi mất người thân yêu, và biết rõ sự tàn phá của cái già, bệnh và chết. Vị Bồ-tát, dù nam hay nữ, đều đoái tưởng đến cuộc đời và cứu giúp người mà vị ấy có thể giúp. Nó mang đến sự dõng mãnh phi thường để phát thệ nguyện của vị Bồ-tát: Tôi mong đạt quả vị giác ngộ vì lợi lạc của hết thảy chúng sinh, và sẽ không vào Niết Bàn cho đến khi tôi đã cứu giúp ngọn cỏ cuối cùng đạt được Niết Bàn (35).

Trong Kinh Kalama, Đức Phật dạy rằng không nên theo Ngài vì lời dạy mà nên thực hiện mọi nỗ lực để đạt được sự hoàn thiện bản thân. Đây là nguyên tắc chính của Bồ-tát đạo. Trước khi Đức Phật thành đạo, Ngài đã hoàn thiện bản thân qua nhiều kiếp hành Bồ-tát đạo. Tự hoàn thiện là ý nói rằng Đức Phật nhắc nhở sự tương quan tương duyên của chúng ta với mọi loài. Con đường này gồm có ba giai đoạn chính: Sơ tâm, phát Bồ-đề tâm, và hành các hạnh Ba-la-mật (36). Lớn nhất trong các Ba-la-mật này là Bát-nhã-ba-la-mật, trí tuệ viên mãn, và là "Mẹ của các Đức Phật." Các Ba-la-mật là khả năng tiềm tàng của Tuệ Mẫu hiểu lộ

một cách tự nhiên qua vị hành giả miên mật (37).

Kinh Đại Bát Nhã được xem là thánh điển nền tảng của Đại thừa Phật giáo và là sự Chuyển Pháp Luân lần thứ hai. Kinh này tán thán pháp duyên khởi và Bát-nhã-ba-la-mật (38). "Phật Mẫu" sinh ra các đức Phật và Bồ-tát từ trí tuệ. Chư Phật và Bồ-tát nương nơi trí tuệ của Phật Mẫu mà ra đời. Joanna Macy, học giả Phật giáo, gọi đấy là: "Mẹ của các đức Như Lai," "Mẹ của các bậc Thiện Thệ," "Mẹ của các vị Bồ-tát," "Thầy của các đức Như Lai trong thế giới này," và "cội nguồn và bảo mẫu của sáu Ba-la-mật" (39). Như vậy, trí tuệ được kính trọng như hình tượng của mẹ. Đệ tử của Đức Phật, tôn giả Xá-lợi-phất tán thán Tuệ Mẫu trong bài tán kỳ diệu như sau:

Người đáng tán thán bất tận. Người hoàn toàn vô nhiễm, vì không có gì trong thế giới hư huyễn này có thể làm vấy bẩn người. Người là dòng ánh sánh tuôn chảy bất tuyệt và lan tỏa khắp từ chúng sinh hữu tình đến vô tình, người xua tan bóng mờ của đêm tối ảo vọng (40).

Phật Mẫu, Bát-nhã-ba-la-mật, là bậc thầy trí tuệ. Đặc điểm nữ tính trong loại trí này đã truyền tải được hình ảnh chói lọi của vị Bồ-tát đầy nhiệt huyết được hình dung qua các ví dụ như "một phụ nữ mang thai sắp sinh," "người mẹ chăm sóc đứa con một," và "người nam hẹn gặp một cô gái duyên dáng (41). Về Phật Mẫu, Lex Hixon nói: Kinh Bát Nhã Tam Muội viết rằng đối với chư Phật và các vị Bồ-tát, Bát-nhã-ba-la-mật "chính là bản tính, là huyền diệu, là người dẫn đường, là sức mạnh và là nguồn an lạc chân thực của các Ngài." (42)

Một cách bi mẫn, Bát-nhã-ba-la-mật tiết lộ cho chúng ta thấy thế giới như chính nó là (yathabutham), chẳng phải bằng nâng niu, âu yếu hay vỗ về mà bằng trí tuệ và cái nhìn thông suốt của người (43). Đức Phật dạy rằng hết thảy chúng sinh đang chịu khổ và do đó, (các chúng sinh ấy) truyền cảm hứng trong ta và họ cần tâm từ bi của chúng ta. Chư Bồ-tát dấn bước vào cõi kham nhẫn này để giải thoát chúng ta như những người mẹ. Và, như người mẹ, các ngài yêu thương chúng ta như con đỏ. Bằng tình thương chân thật, không cần đền đáp, chư Bồ-tát hy sinh tánh mạng mình để chấm dứt nỗi khổ của nhân thế. Tình thương này là tâm Từ bi. Hixon nói rằng "Chư Bồ-tát ...trở thành sự biểu hiện về nhận thức viên mãn của Thánh Mẫu Bát-nhã-ba-la-mật." (44)

Qua cái "màu đen chói rực của thai tạng", Tuệ Mẫu "sinh ra pháp bất sinh" cho sự giác ngộ tỉnh thức, và các vị Bồ-tát như là con trai và con gái tinh thần của ngài (45). Họ được "sữa trí tuệ" nuôi dưỡng để giữ vững "tấn lực và từ bi" (46). Người là bất diệt, như hư không (47) Người là sự tuần hoàn không có bắt đầu và kết thúc. Tuệ Mẫu kêu gọi chúng ta nên sinh từ thai tạng của người như các vị Bồ-tát, sẵn sàng cứu vớt và ứng biến qua trí tuệ của người với những phương tiện thiện xảo (*upaya*) (48). Tin vào phương tiện của người, xả bỏ hết tất cả ảo tưởng, trực nhận tính Không, và giải thoát mình khỏi sợ hãi. Câu chú của người chứa đựng sự tinh nguyên của Bát-nhã-ba-la-mật: *Gate, Gate, Paragate, Parasamgate, Bodhi, Swaha!* (vượt qua, vượt qua, vượt qua bờ bên kia, đến giác ngộ, Hạnh phúc thay!).

Lý tưởng Bồ-tát được biểu lộ qua các tấm gương Từ bi của đức Quan Âm, đức A Di Dà và đức Tara. Đức Quan Âm được biết đến như hình tượng người mẹ cho những ai cần đến mẹ và, với vài vùng Phật giáo, Ngài là "dáng vẻ người mẹ trong tư tưởng Đại thừa".(49) Đức Phật A Di Đà, vị giáo chủ của cõi Tịnh Độ, trong trường hợp cá biệt này Ngài được miêu tả như một người nữ, một từ mẫu trên tử sàng, bằng tất cả thương yêu, khuyên bảo và truyền niềm phấn khởi cho con gái, đức Quan Âm, để hành Bồ-tát đạo.(50) Tôn hiệu Tara có nghĩa là "Bậc Cứu Nguy." Tâm từ bi của Ngài đối với tất cả chúng sinh và muốn ngăn trừ khổ đau của họ lớn đến độ nó được cho là mạnh mẽ hơn cả tình mẹ thương con. Trong Tara Tantra, Ngài được biết đến như là "Tam Thế Phật Mẫu" và là vị cứu tinh đầy bi mẫn của tất cả chúng sinh.

Kết luận

Như ngài Walpola Rahula, vị Trưởng lão và sử gia, nhận xét, "Tình mẹ dành cho con không phải Phật giáo cũng không phải Công giáo: đó là tình mẹ" (51). Tình mẹ không phải chỉ dành cho Phật giáo. Hình ảnh người mẹ cho con bú là một trong những hình ảnh ấn tượng nhất của tình người (52). Hòa bình thật sự nằm trong mỗi chúng ta, dù phật-tử, tín đồ Công giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo, hay bất cứ phương pháp tu dưỡng tinh thần và tôn giáo nào trên thế giới chăng nữa, và sự hòa bình này có thể được tìm thấy bởi sự nối kết lại với sức mạnh của tình mẹ. Tình mẹ là tình cảm thánh thiện và vô tội đã nuôi dưỡng chúng ta khi còn bé. San sẻ tình thương này với thế giới như người mẹ dành tình thương cho con là một đại lộ hướng đến hòa bình và là món quà lớn nhất của chúng ta trao cho người.

Nguồn: *http://jarm.journals.yorku.ca/index.php/jarm/article/view/4955/4149*

Chú thích:

* **Lời người dịch:** *Bài viết này, trong nguyên tác tiếng Anh, các chú thích được chua vào liền sau mỗi câu trích dẫn. Ở đây chúng vẫn được giữ nguyên khi chuyển ngữ và đã được đưa vào phần 'hậu chú' để tiện cho việc theo dõi mạch văn trong tiếng Việt.*

1) *Metta Sutta, Sutta Nipata 143-151*
2) Gunapala Dharmasiri. n.d: *Fundamentals of Buddhist Ethics.* USA: Golden-Leaves, p. 43.
3) Bodhi, Bhikku. (trans). 1995. The Middle Length Discourses of the Buddha: *A New Translation of the Majjhima Nikaya*, 43:1.

4) Dharmasiri, n.d.: 45
5) Sharon Salzberg. 1995. *Loving-kindness:The Revolutionary Art of Happiness.* Boston: Shambhala Publications, p. 185
6) Narada. 1988. *The Buddha and His Teachings.* Kuala Lumpur: Buddhist Missionary Society, p. 326.
7) Thich Nhat Hanh. 1991. *Walking in the Footsteps of the Buddha: Old Path, White Clouds.* Berkeley: Parallax Press, p. 33
8) Walpola Rahula. 1978. *What the Buddha Taught.* Taiwan: The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation, p. 49
9) Susan Murcott. 1991. *The First Buddhist Women: Translations and Commentaries on the Therigatha.* Berkeley: Parallax Press, p. 75.
10) Narada, 1988: 311.
11) Susan Morcott , 1991: 77.
12) J. Mandell. 1995. "Buddhism and Mothering." in K. L. Tsomo, ed. *Buddhism Through American Women's Eyes.* Ithaca, NY: Snow Lion Publications, p. 57.
13) Susan Morcott, 1991: 77.
14) Diana Y. Paul. 1985. *Women in Buddhism: Images of the Feminine in the Mahayana Tradition.* London: University of California Press, p. 63.
15) Diana Y. Paul, 1985: 63.
16) Upasika Terri Nicholson. (trans.). n.d. "The Buddha Speaks the Sutra about the Deep Kindness of Parents and the Difficulty in Repaying It." Chinese Trans. Master Kumarajiva. Internet Address: web.singnet.com.sg/-alankhoo/ Parents.htm.
17) Diana Y. Paul, 1985:61.
18) Diana Y. Paul, 1985:61.
19) Diana Y. Paul, 1985: 66.
20) Diana Y. Paul, 1985: 65.
21) Alan Cole. 1998. *Mothers and Sons in Chinese Buddhism.* Stanford: Stanford University Press, p. 2.
22) Alan Cole, 1998: 3.
23) Alan Cole, 1998: 207.
24) Alan Cole, 1998: 10.
25) Alan Cole, 1998: 76.
26) Alan Cole, 1998: 132.
27) Alan Cole, 1998: 230.
28) Alan Cole, 1998: 231.
29) Alan Cole, 1998: 19.
30) Alan Cole, 1998: 139.
31) Alan Cole, 1998: 149.
32) Alan Cole, 1998: 227.
33) Alan Cole, 1998: 269, n. 37.
34) Diana Paul, 1985: 265.
35) Dharmasiri, n.d.: 92.
36) Dharmasiri, n.d.: 89.
37) Sandy Boucher. 1997. *Opening the Lotus: A Woman's Guide to Buddhism.* Boston: Beacon Press, p.61.
38) Sandy Boucher. 1997: 64.
39) Joanna Macy. 1991. *World as Lower, World as Self:* Berkeley: Parallax Press, p.109.
40) Lex Hixon. 1993. *Mother of the Buddhas: Meditation on the Prajnaparamita Sutra.* Wheaton: Quest Books, p.17.
41) Joanna Macy, 1991: 109.
42) Lex Hixon, 1993:116.
43) Joanna Macy, 1991: 111.
44) Lex Hixon, 1993: 40.
45) Lex Hixon, 1993: 96.
46) Lex Hixon, 1993: 4.
47) Joanna Macy, 1991: 110.
48) Joanna Macy, 1991:113.
49) Diana Paul, 1985: 266.
50) Diana Paul, 1985: 266.
51) Walpola Rahula, 1978: 6.
52) Richard J. Davidson and Anne Harrington. 2002. *Visions of Compassion: Western Scientists and Tibetan Buddhists Examine Human Nature.* New York: Oxford University Press, p. 71.

MẤY BẬN THU PHAI

Cặm cụi dịch Ức Trai
Thu phai đà mấy bận
Lá lay hay mộng lay
Người đã xa xa lắm

Đêm lạnh không tiếng dế
Chỉ có tiếng thạch sùng
Tiếng trời là tiếng gió
Cửa sổ khép hờ rung

Đời nay đâu có khác
Cái ác vẫn hoành hành
Giả danh và thâm độc
Bạo quyền còn nhe nanh

Thương tâm dân kiệt máu
Đất nước phải còi xương
Đọc người xưa càng thấu
Đám vua quan bất lương

Hồn quê trong mỗi chữ
Thơ Ức Trai sáng trưng
Cặm cụi ngồi dịch mãi
Để học và nhớ ơn.

thơ

NGUYỄN LƯƠNG VỴ

Ghi chú: Ức Trai là tên hiệu của đại thi hào Nguyễn Trãi (1380 – 1442.) *Ức Trai Thi Tập* là tập thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi.

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Nên thận trọng lời nói

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

Thuở xưa tại Kinh đô Ba La Nại có một người hai chân bại xụi, nhưng anh ta có tài búng sạn thật giỏi. Do đó, những trẻ em trong thành thường đẩy xe chở anh ta ra ngoài cửa thành, để anh dưới gốc cây biểu anh lấy sạn búng lá cây thành hình thú này thú nọ chơi, rồi cho anh tiền.

Một hôm, đức Vua ngự chơi vườn thượng uyển đi ngang qua chỗ ấy, những đứa trẻ kinh sợ bỏ chạy chỉ còn anh què ở lại. Đức Vua trông thấy bừa bãi dưới đất những lá cây lủng lổ có hình thú rất ngộ nghĩnh mới phán hỏi quan hầu cận. Quan ấy biết rõ, mới tâu qua mọi lẽ.

Đức Vua đòi anh què đến hầu rồi phán:

- Này gã kia, Trẫm có một vị quân sư, có tật ham nói, khi trẫm muốn nói điều chi, thì quân sư cướp lời nói hết, Trẫm không nói gì được. Ngươi có phương kế chi làm cho ông không nói nhiều được không?

- Tâu Hoàng thượng! Nếu có vài cân phân dê, hạ thần có phương kế làm được.

Đức vua truyền đem anh què về triều, để anh ngồi một bên ngai, sau một tấm màn có khoét một lỗ và để gần anh một cân phân dê khô. Đoạn, Ngài hội triều thần bàn luận việc nước.

Vị quân sư quen tật cướp cả lời nói của mọi người. Khi ông há miệng thì bị anh què dò theo lỗ rèm búng một viên phân dê khô vào miệng. Nhưng vì ham nói quá, ông nuốt riết viên phân dê để nói nữa.

Đến chừng Đức vua trông thấy anh què đã búng hết cân phân, Ngài mới bảo Quân sư:

- Này Quân sư! Vì tật ham nói, nên khanh nuốt hết một cân phân dê khô mà vẫn chưa biết mình. Dạ dày của khanh không thể tiêu hóa được cân phân ấy, vậy khanh về nên uống thuốc xổ đi!

Quân sư cả thẹn ra về. Từ ấy không còn nói nhiều nữa.

Đức vua mới phán:

- Nhờ người bại này, mà lỗ tai của Trẫm đỡ bực bội.

Sau đó Vua ban cho anh què thâu thuế một làng rộng lớn vài ngàn dân số để sinh sống…

Sau một thời gian, có một người đến học nghề với anh bại nói trên. Sau khi học rành nghề, người ấy muốn thử tài mình, mới suy nghĩ, nếu mình búng sạn mà nhằm búng thử vào bò, heo, dê, ngỗng cùng gà vịt của người thì sợ bị họ đền, và sợ mình bị phạt.

Một hôm gặp Đức Phật Độc Giác, anh chàng bèn nghĩ: "Nếu ta thử tài với người khác, sẽ bị cha mẹ vợ con anh em họ kiện thưa, còn người này cô độc, là kẻ vô thừa nhận dầu ta thử mà có chết cũng không sao!"

Nghĩ thế, anh mới búng một viên sạn vào lỗ tai Đức Phật Độc Giác, viên sạn đi xuyên qua lỗ tai bên này thấu qua lỗ tai bên kia, theo như người thường phải chết tại chỗ, nhưng Đức Phật Độc Giác dùng thuyền định về đến tư thất mới nhập diệt.

Anh ta tìm đến tư thất của Ngài để xem thử kết quả, thấy tín đồ bận lo hỏa táng và than khóc, anh mới khoe:

- Mấy người biết không? Ngài mà chết đấy là do tài búng sạn của tôi!

Tưởng khoe như vậy người ta khen mình, nào ngờ tín đồ tức mình lôi anh ta ra đánh chết. Vì tội giết chết Đức Phật, anh ta bị sa vào địa ngục A Tì…

Thông Kha

"Các ngươi thường tự giữ gìn lời nói, đừng nói lời vô nghĩa, nên nói hợp thời hợp pháp, những lời nói ngoài việc lợi ích cho người, dù là nói chơi cũng không nên nói."

THỜI KINH

Bên trời đêm nở Pháp Hoa
Thời kinh mầu nhiệm sáng lòa càn khôn
Ngón tay Phật chỉ vô ngôn
Suối từ bi chảy qua hồn cát khô

Hóa thân từng hạt mê đồ
Đài sen chánh giới thơm Bồ Đề Tâm
Mười phương nghi ngút hương trầm
Dưới trăng thiền tọa niệm thầm Như Lai

thơ XUYÊN TRÀ
Atlanta ngày 12 tháng 7, 2018

THIỀN PHẬT GIÁO ĐÃ GIÚP CHO 12 TRẺ EM THÁI LAN GIỮ TÂM BÌNH TĨNH TRONG HANG ĐỘNG

Tịnh Thủy chuyển ngữ

Huấn luyện viên của đội bóng Lợn Hoang đã từng sống tại một tu viện Phật giáo trong một thập niên và đã dạy cho 12 em trong đội banh của mình thiền trong hang động.

Hình ảnh đội bóng trước khi gặp sự cố ở Tham Luang

Khi 12 chàng trai trẻ Thái Lan bị mắc kẹt trong một hang động và được giải cứu từng người một được phát hiện đầu tiên bởi các thợ lặn người Anh cách đây một tuần, được báo cáo là đang thiền định.

"Hãy nhìn xem họ đang ngồi chờ đợi như thế nào. Không ai khóc hay than gì cả. Thật đáng kinh ngạc," mẹ của một trong những cậu bé nói với AP, đề cập đến một video được chia sẻ rộng rãi về thời điểm các chàng trai trẻ được tìm thấy.

Hóa ra là huấn luyện viên của họ, Ekapol Chanthawong, người đã dẫn họ đi bộ vào hang động khi bị ngập lụt vào ngày 23 tháng 6, đã được huấn luyện thiền định như một tu sĩ Phật giáo trong một thập niên, trước khi trở thành một huấn luyện viên bóng đá. Theo nhiều nguồn tin, anh đã dạy các bé trai, tuổi từ 11 đến 16, thiền định trong hang động để giữ cho các em bình tĩnh và duy trì năng lượng của chúng suốt hai tuần.

Bà Tham Chanthawong, dì của anh Ekapol, cho AP hay anh có thể ngồi thiền trong 1 giờ và điều đó chắc chắn đã giúp anh và 12 em cầu thủ giữ bình tĩnh trong hoàn cảnh ngặt nghèo.

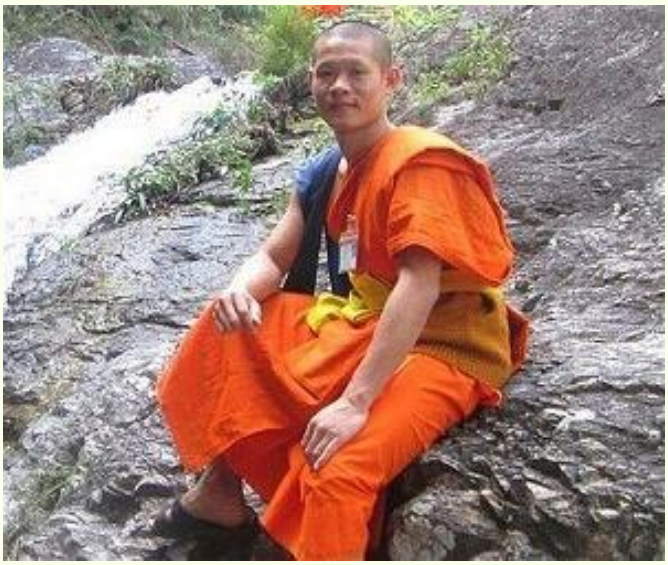

Huấn luyện viên Ekapol Chanthawong - Ảnh Dailymail

Ekapol, 25 tuổi, sau khi bị mồ côi đã sống tại một tu việnPhật Giáo lúc ở tuổi 12. Theo báo Straits Times, anh đã được đào tạo để trở thành một tu sĩ trong 10 năm ở một tu viện ở huyện Mae Sai, tỉnh Chiang Rai Thái Lan, nhưng phải nghỉ giữa chừng để về nhà lo cho bà bị bệnh. Sau đó, anh được thuê làm trợ lý huấn luyện viên cho đội bóng đá có tên gọi là Wild Boars tức Heo rừng hay Lợn Hoang..

Bà Tham Chanthawong, dì của anh Ekapol, cho hay anh có thể ngồi thiền trong 1 giờ và điều đó chắc chắn đã giúp anh và các cầu thủ giữ bình tĩnh trong hoàn cảnhngặt nghèo.

Các vị lãnh đạo tu viện cho hay Ekapol là người có trách nhiệm và ngồi thiền một cách đều đặn. Anh vẫn giữ liên lạc thường xuyên với thiền viện sau nhiều năm. Vị trụ trì ở đó nói với tờ Wall Street Journal

Kinh nghiệm Thiền định của anh ta là một tài sản hữu ích trong một tình huống cực

kỳ căng thẳng như bị mắc kẹt trong một hang động thực sự là không có gì ngạc nhiên. Thiền Phật giáo đã có khoảng 2,600 năm, kể từ khi Đức Phật bắt đầu dạy nó như một công cụ để đạt được sự minh bạch rõ ràng và an tâm, và cuối cùng, giải thoát khỏi đau khổ.

Gần đây, các nhà nghiên cứu khoa học đã cho thấy trong các trường hợp lâm sàng rằng thiền chánh niệm (một thực hành thiền định cụ thể và một bài giảng dạy trong Phật giáo Thái Lan và các nơi khácтрên thế giới) có thể làm giảm lo âu và trầm cảm cũng như đau khổ.

Mặc dù không có nhiều nghiên cứu ngẫu nhiên về thiền định và sức khỏe tâm thần, một nhà phân tích của viện Johns Hopkins, một cơ quan nghiên cứu chất lượng chăm sóc sức khỏe đã phát hiện ra rằng thiền định, và đặc biệt là thiền chánh niệm, có vai trò trong việc trị trầm cảm, lo lắng và đau khổ nơi người lớn – tựa như thuốc nhưng không có tác dụng phụ. Thiền cũng có thể, đến một mức độ thấp hơn, giảm tần số tâm lý đau khổ. Nghiên cứu về trẻ em vẫn còn khá sơ bộ, mặc dù ngày càng nhiều trường học đang thực hiện các chương trình dạy thiền chánh niệm.

Như Sư Anh Thích Pháp Dụng, một đệ tử lớn của Thiền sư Thích Nhất Hạnh, đã nói với tôi trong một cuộc phỏng vấn vào năm 2016: Trong thiền định, "Bạn đang tu tập [an bình, từ bi, và sáng suốt] để bạn có thể truyền năng lượng cho người khác. Khi bạn ngồi với một người bình tĩnh, bạn có thể trở nên bình tĩnh. Nếu bạn ngồi với một người bị kích động và căm thù, bạn có thể trở nên kích động và căm thù."

Tính đến ngày 11.7, cuộc giải cứu đã thành công tất cả 12 em đã được đưa ra khỏi hang trong khi anh Ekapol được cho là tình nguyện là người ra sau cùng.

Trong một phim hoạt hình được lưu hành ở Thái Lan, một nghệ sĩ biểu diễn Ekapol với một vòng đầy những con lợn nhỏ, thiền định một cách an bình.

Nguyên văn bản tin:

https://www.vox.com/2018/7/9/17548512/thai-cave-rescue-soccer-boys-meditation-buddhism
Tác giả Eliza Barclay @ elizabarclayeliza.barclay @ vox.com
Cập nhật ngày 10 tháng 7 năm 2018, 11:36 am EDT
Tịnh Thủy chuyển ngữ
Thư Viện Hoa Sen

Đây là minh họa một cách chính xác 12 em được đem ra khỏi hang như thế nào. Chiều dài tổng cộng khoảng 3 miles trong đó có một chỗ ngập trong nước dài 0.6 mile (khoảng 1 cây số). Một thợ lặn đặc nhiệm SEAL đi đầu mang bình dưỡng khí cung cấp cho em ở giữa và một thợ lặn SEAL khác hộ tống em ở giữa bơi phía sau. Tất cả các em và thành viên cứu cấp đều được cho uống thuốc chống hoảng sợ (anti-anxiety) vì phải hoạt động trong môi trường cheo leo hiểm trở không có ánh sánh ngoài đèn pin và kéo dài khoảng 5 tiếng đồng hồ. (Ảnh cảo báo Insider)

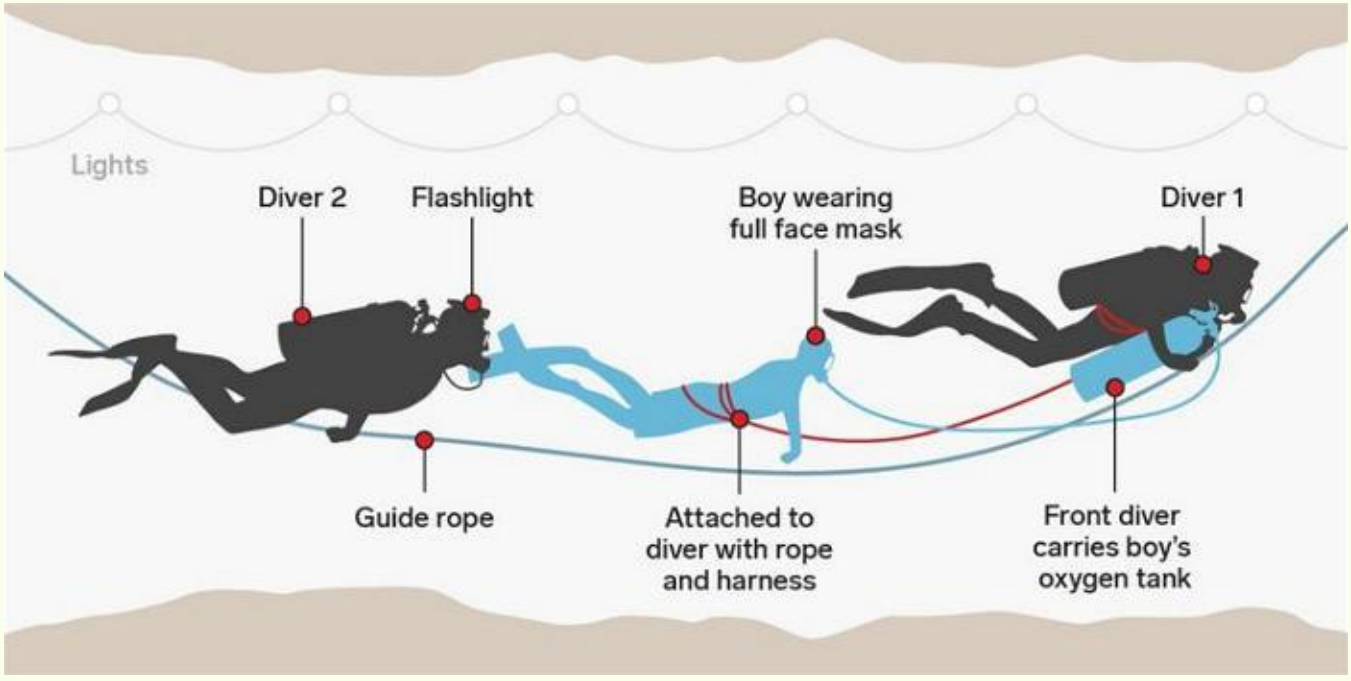

Hiếu Hạnh

CHÂN HIỀN TÂM

Từ nhỏ đến lớn...

Là đến khi cha mẹ mất, chẳng bao giờ nghe ông bà nhắc đến hai chữ hiếu hạnh. Chưa hề nghe ông nói: "Con phải hiếu hạnh với mẹ cha." Chỉ nghe ông bảo: "Mẹ ngủ, con đóng cửa nhẹ thôi." "Con đi khẽ thôi, không thì mẹ thức giấc." "Con lớn hơn em thì phải nhường em một chút." Chỉ là những việc lặt vặt như thế. Có lẽ ông nghĩ tôi còn quá nhỏ, chưa đủ để ý thức về hai chữ hiếu hạnh nên không nói. Còn tôi, tuân lệnh cha vì sợ ông hơn là ý thức điều đó cần thiết cho mình hay cho một gia đình êm ấm. Cũng không ý thức đó là biểu hiện của lòng hiếu hạnh. Cho đến ngày, tôi có thể ý thức được ít nhiều về một vấn đề gì đó thì ông đã không còn.

Mẹ, lại càng không nói. Mẹ sống lâu hơn cha mười mấy năm, nhưng cũng không hề nghe bà nói gì về hai chữ hiếu hạnh. Có thể, bà không biết gì về món quà mà con trẻ được ban tặng do việc hiếu hạnh mang tới. Có thể, với bà hiếu hạnh không cần thiết cho cuộc đời con trẻ bằng nghề nghiệp và tiền bạc. Cũng có thể bà biết tất cả nhưng không nói, vì nghĩ nói ra chắc gì nó đã nghe v.v... Có rất nhiều lý do khiến hai chữ hiếu hạnh không đến tai tôi. Chỉ không biết chính xác là lý do nào. Sống với mẹ ngần ấy năm mà chẳng hề biết con người mẹ thế nào, mẹ suy nghĩ ra sao...

Cho đến ngày mẹ mất...

Đó là lần đầu tiên, tôi ý thức ít nhiều về thứ mà thiên hạ gọi là tình mẫu tử thiêng liêng.

Tôi đã khóc và nói với chư Phật rằng tôi bất hiếu. Thân tuy lớn mà trí không hơn đứa con nít. Chưa đủ lớn để ý thức về những gì nên làm và không nên làm đối với mẹ cha.

Tôi đã nói với chư Phật, là tôi mong muốn gặp lại bà để làm những gì mà tôi chưa làm được. Tôi tin có kiếp trước, kiếp sau và tin những kẻ hữu duyên sẽ gặp lại nhau. Tôi đã nguyện khi nào gặp lại mẹ, sẽ làm mọi thứ để trả cái hiếu chưa tròn.

Mẹ mất, tôi tụng tám vạn biến chú vãng sinh như thiên hạ đã dạy. Ngày đó chưa biết tu là gì. Cũng chưa gặp được Hòa thượng. Còn đang lang thang đây đó. Người ta chỉ cái gì, chỉ biết thành tâm làm cái đó. Tụng hơn tám vạn biến. Dư chút đỉnh phòng cho thiếu sót.

Ngày cha mất, mẹ mang tiền cúng dường khắp nơi. Tôi cũng làm như thế cho bà. Tôi đi khắp các chùa ở Sài gòn, Biên Hòa, Thủ Đức để làm việc đó. Hy vọng mẹ được bình an.

Mẹ mất, hai mắt không nhắm sát. Người ta nói: "Tại đi mà tâm không yên." Tôi vuốt mắt cho bà cũng không thấy động tịnh. Anh vuốt, bà chịu nhắm. Tại anh hứa chăm sóc hai đứa nhỏ. "Mẹ cứ yên tâm mà đi." Và bà đã yên tâm. Anh hiểu bà hơn tôi. Chẳng trách ngày còn sống, bà rất thương anh. Anh trưởng thành và mềm mỏng. Tôi thì cái gì cũng cứng ngắt, lại hay nóng nảy, hở chút là nhăn với bà.

Khi bà đi, phải thay cho bà đúng cái áo mà bà thích. Bà thích cái áo xanh bông trắng tôi đã mua tặng bà Tết năm đó. Bà không thích cái áo màu lam, nên cứ dán chặc người xuống giường, không cho ai thay áo. Đến khi mang đúng cái áo đó ra, mọi thứ mới yên ổn. Người ta nói kiểu đó khó siêu thoát...

"Khó" không có nghĩa là "không."

Thánh nữ Bà la môn trong kinh Địa Tạng, vì mẹ mà phát tâm trải dài sanh tử độ thoát chúng sanh trong ba đường khổ. Nguyện khi nào chúng sanh thành Phật hết rồi, cô mới thành Phật. Bà cụ thoát khỏi địa ngục, sanh thiên và đời vị lai cũng thành Phật, độ vô số chúng sinh. Trên đời này, không có gì không giải quyết được nếu biết cách giải quyết.

Tôi đến với đạo, không phải vì có hiếu với mẹ cũng không vì để trả hiếu cho mẹ, chỉ là vì thấy cuộc đời bế tắc quá, không có đạo chắc sống không nổi.

Không biết đã lần nào dám phát nguyện để cứu mẹ thoát chốn tam đồ chưa. Chỉ nhớ một lần, trong cơn mơ, thấy mẹ buồn buồn, tôi đã ôm bà vào lòng và phát thệ nguyện rằng: "Nguyện đời đời trải dài sanh tử, độ thoát tất cả chúng sanh trong các đường khổ để mẹ được yên vui mãi mãi." Nguyện xong, thấy mưa gió sấm sét đầy trời. Chắc tại phát tâm hùng hồn quá. Hùng đến nổi tỉnh hồn dậy luôn. Thành thử gì cũng dễ quên mà phần phát nguyện đó vẫn nhớ. Chỉ là... trong mơ.

Tu là báo hiếu

Hiếu hạnh được dạy rất kỹ trong các kinh luận. Nhưng tôi thấy người ta hay đồn thổi đạo Phật không bàn đến hiếu hạnh. Chắc tại thấy bỏ cha bỏ mẹ đi tu, nên tưởng đạo Phật chỉ dạy cắt ái ly gia, không ngó gì đến cha mẹ. Thật ra Phật dạy rất kỹ về hiếu hạnh, về việc con cái phải hiếu hạnh với cha mẹ thế nào. Dù trong cái duyên phải bỏ cha, bỏ mẹ đi tu thì trong việc đi tu ấy đã có sẵn phần công đức hồi hướng cho cha mẹ. Ở nhà lo cho cha mẹ chưa chắc đã bằng xuất gia tu hành, rồi dùng công đức tu hành đó hồi hướng cho cha mẹ. Đối với con cái cũng vậy. Mình lo toan cho chúng, không bằng mình tu hành cho có công đức, rồi dùng công đức đó hồi hướng cho chúng.

Nghe tới đó, đừng hỏi tôi "Biết vậy sao

còn ở đó, không xuất gia”?

Chỉ là nằm ở quan điểm của chính tội: Tu là ở tâm, không phải ở chùa hay ở nhà. Ở nhà mà chịu trừ bỏ tham sân, phá bỏ những nghiệp tập của mình, đó là tu. Vào chùa, nếu buông lỏng thương ghét, phát huy phân biệt, thêm lớn cao mạn thì tuy có “đi” mà không có “tu.” Ở nhà, nếu chạy theo tham dục, hết tán dóc, lại lên mạng, rồi coi tivi, không niệm Phật, cũng không tụng kinh, không có chút thời khóa tu tập nào cho mình thì không tu. Vào chùa, nếu giữ vững giới luật, thời khóa tu hành nghiêm túc và làm lợi ích cho mọi người, đó là tu. Dù chưa thể thực hành công phu miên mật, chỉ mới dừng ở mặt giữ giới và giúp đỡ mọi người, như một trưởng lão thời Phật Bảo Tạng, vẫn quí vô cùng.

Thời đức Bảo Tạng Như Lai, chúng hội đông. Trong việc tu tập, Phật dạy rằng: “Nên nhớ thiền định. Chớ có giải đãi. Cũng cần tìm phương tiện tụng tập kinh giới.” Trong chúng, nhiều người không làm được. Như Lai phải hạ cấp xuống: “Tì-kheo nào mà các căn ám độn, không thể thực hành thiền pháp thì nên tu ba pháp của bậc thượng nhân. Đó là tọa thiền, tụng kinh và siêng năng giúp đỡ việc chúng.” Trưởng lão do tuổi đã lớn không kham nổi thiền pháp, nên đã suy nghĩ: “Ta nay đã già yếu, không kham nổi thiền pháp, nay nên tìm cách làm pháp siêng năng giúp đỡ.” Nghĩ rồi, liền quyết định vào thành, xin dầu thắp đèn về cúng dường đức Bảo Tạng Như Lai, khiến ánh sáng không dứt. Rồi nguyện mang công đức đó hồi hướng, để tương lai luôn gặp được pháp hội như vậy, thánh chúng như vậy, nghe pháp như vậy, và tu tập mà thành tựu quả vị Phật trong tương lai. Sau đó trưởng lão thành Phật, hiệu là Nhiên Đăng Như Lai.

Thành với tôi, nói đến tu, thì ở nhà hay ở chùa đều tu được, vấn đề là có tu hay không. Dù là tu ít mà có tu, rồi dùng công đức tu hành ít ỏi đó hồi hướng cho con đường thành Phật của mình là được. Cũng y công đức đó mà hồi hướng cho những kẻ hữu duyên. Còn vào chùa mà việc chung không làm, tu cho bản thân cũng không tu, giới luật cũng không giữ, thì thôi nên ở nhà, vào chùa thêm rầu nồi canh của thiên hạ.

Hiếu hạnh không nên đặt ở môi

Ngày còn mẹ, hiếu không tròn. Mẹ mất, người ta nói không siêu thoát. Thành làm việc gì cũng hay nghĩ mẹ còn đó. Đã nghĩ mẹ còn đó thì… “làm vậy mẹ buồn, mẹ lo,” đương nhiên không làm nữa. Tâm mình đối với con cái thế nào, cứ y tâm đó mà làm cho mẹ.

Mình nuôi dạy con, không mong tương lai nó nuôi lại mình. Chỉ cần chúng lo được cho bản thân là đủ. Còn ở đời, không thể tránh được những bất trắc. Vấn đề là thái độ của chúng đối với những bất trắc đó thế nào? Vững chãi hay suy sụp? Con cái không tự lo được

cho bản thân hoặc suy sụp trước những bất hạnh của mình, cha mẹ sẽ chẳng yên. Thành với tôi, việc tự lo cho bản thân và vững chãi trước những nghịch cảnh hay cám dỗ, là nhân tố quan trọng trong mục báo hiếu. Nếu tôi có định, có tuệ và tạo được nhiều phước đức cho mình, nhất định cha mẹ yên vui. Cái yên vui đầu tiên, là không phải lo lắng vì sự yếu kém ngu si của con cái. Cái yên vui thứ hai là biết con cái không còn rơi vào các đường khổ. Bản thân con cái cũng yên vui, không chỉ do định tĩnh được trước những hiểm nguy mà còn có công đức hồi hướng cho cha mẹ, dù ông bà chỉ nhận được 1/7 công đức đã tạo dựng đó.

Khi thấy gia đình bên cạnh, anh em tranh giành tố tụng lẫn nhau, dân phố rồi đến công an phải vào tận nơi giải quyết sự việc. Còn đứa con gái, khi lo cho em út, chỉ biết lo chứ không quan tâm em út đối xử với mình thế nào. Tốt cũng được. Không tốt cũng được. Tôi nhận ra rằng: Việc anh chị em trong nhà hòa thuận, thương yêu và biết đùm bọc lẫn nhau để giữ gìn truyền thống êm ấm của gia đình, cũng là cái duyên khiến cha mẹ vui lòng. Việc này đòi hỏi sự chung sức của anh chị em trong gia đình. Chung sức được thì khỏe. Không chung sức được thì mình làm một mình. Người đời không thể giải quyết sự việc êm đẹp, vì họ không thể bỏ qua những gì xúc phạm đến họ. Nhưng với người tu, nếu thật có đạo trong người, thì không có gì không thể làm được. Có đạo là có tình thương. Những gì người đời không thương được, người có đạo vẫn thương được. Đã lấy từ tâm làm nền tảng thì mọi việc nhất định xong. Cha mẹ thấy mình xử sự khi nào cũng với lòng rộng mở thì nhất định yên tâm. Nếu việc đã không thuận, mà còn đay nghiến, ghét bỏ, đi rao cùng khắp thiên hạ, cốt giữ uy tín cho mình thì chỉ tạo thêm rạn nứt, mà uy tín chưa chắc đã giữ được. Chẳng ích lợi gì cho mình và cho anh chị em trong nhà, lại còn bôi tro trét phấn lên mặt cha ông.

“Giữ gìn truyền thống gia đình,” là lời dạy của đức Phật dành cho gia chủ Ca Thi La Việt, khi cha ông qua đời. Đương nhiên phải giữ

gìn những gì thuộc thiện pháp. Đó là lời Phật dạy cho hàng phật-tử tại gia không tu giải thoát. Nhưng tôi thấy nó cũng giúp mình buông xả khá nhiều trong những quan hệ giao tiếp không vui. Chỉ cần nghĩ làm vậy là phá vỡ hết những gì cha mẹ đã gầy công tạo dựng là tự nhiên tâm mình buông xả dễ dàng. Thành việc giữ gìn truyền thống này cũng giúp buông đi những loại ý nghiệp bất thiện. Ý nghiệp đã buông thì thân nghiệp khẩu nghiệp cũng buông. Nó giúp mình nghĩ đến cái chung mà bỏ đi cái tâm riêng tư nhỏ hẹp của mình. Mình tu thiền thì được cái lợi là người đời giữ gìn mà có khi rơi vào định chấp. Mình tu thiền, nhờ giữ mà buông. Buông ở mình nhưng không chấp đối với người.

Cha không nói với tôi về hai chữ hiếu hạnh, nhưng cha dạy tôi cách thể hiện hiếu hạnh. Hiếu hạnh không thể chỉ dừng ở bờ môi chót lưỡi mà phải được thể hiện thành hành động ngay từ những ngày còn bé. Nhưng vì không ý thức được đó là hiếu hạnh, là việc tối cần thiết giúp con người hạnh phúc, nên tôi đã bỏ mặc nhiều thứ, chỉ làm những gì mà cha đã dạy trong những ngày cha còn sống. Không hề biết rằng bất hiếu khiến cuộc sống của mình ẩn nhiều bất hạnh.

Phật đã nói đến hiếu hạnh, dạy con trẻ cách hiếu hạnh, nói đến cái quả hạnh phúc mà con trẻ nhận được từ hiếu hạnh. Cũng nói bất hiếu đưa đến quả khổ thế nào. Nó giúp con trẻ ý thức nhiều hơn đối với việc hiếu hạnh.

Nhẹ nhàng một chút vẫn hơn

Ngày nay, nhìn cách con cái thương cha mẹ theo kiểu "nhà binh," tôi thường dùng từ đó để chỉ cho tình trạng khắt khe qui tắc mà con cái đối với cha mẹ, tôi nhớ lại cái thuở còn trẻ của mình. Khi mẹ làm việc gì đó cho tôi, nếu không đúng ý, sự bực bội liền xuất hiện. "Ai bảo mẹ làm, để yên đó đi." Vì mẹ là mẹ mình nên nhiều khi lời ăn tiếng nói không cần giữ kẻ. Nhưng tôi không nói ở mặt đó. Tôi muốn nói đến mặt khác. Là mình chỉ quan tâm đến việc đúng ý hay không đúng ý của mình, mà không quan tâm tấm lòng bà đã dành cho mình. Đúng là không đúng ý mình, nhưng bà đã vì mình mà làm việc đó. Nếu mình nghĩ đến tấm lòng bà đối với mình, thái độ của mình sẽ khác đi. Nhưng mình ít nghĩ được như vậy, vì mình chỉ quan tâm đến cái ý của mình.

Ngay cả những việc muốn tốt cho mẹ, mình cũng bắt bà phải theo mình, chứ không quan tâm đến phần tâm sinh lý mà bà phải gặp khi phải thay đổi một thói quen. Mình thiếu sự mềm mỏng, một phần vì chưa đủ trí tuệ để nhìn thấu mọi việc, một phần do tình thương của mình đối với mẹ không đủ lớn để có thể mềm mỏng hơn.

Shoun là một thiền sư thuộc tông Tào Động, cha Sư qua đời sớm, vì thế Sư phải săn sóc mẹ già.

Khi nào đến thiền phòng, Sư cũng mang

mẹ theo. Và vì có mẹ, Sư không thể ở chung với các nhà sư khác. Sư phải dựng một cái chòi nhỏ để ở cùng mẹ. Sư chép thuê kinh điển để có tiền sinh sống và nuôi mẹ già.

Sư thường vào chợ mua cá cho mẹ. Mọi người bàn tán vì nhà sư thì không được ăn thịt cá. Sư không quan tâm nhưng bà cụ thấy đau lòng khi nghe người khác chê diễu con mình. Và vì thế bà ăn chay và trở thành một ni cô.

Mẹ mất, Sư không có mặt ở nhà.

Khi sắp mất, Sư báo với đệ tử rằng Sư sắp ra đi vào lúc chính ngọ. Sư đốt hương trước mẹ và người thầy của mình, rồi làm bài kệ:

"Tận lực năm mươi sáu năm nay
Đã tạo đường riêng ở chốn này
Mưa dừng mây hết trời quang đãng
Trời xanh hiện hiển mảnh trăng đầy."

Sư đi khi tiếng tụng kinh của đệ tử đang vang vọng.

Người đời thường do ái luyến mà chu tất mọi sự. Nếu không ái luyến thì rơi vào bỏ mặc. Người có đạo, không bỏ mặc cũng không ái luyến. Chỉ vì duyên như thế thì làm như thế. Làm cho trọn. Nghiệp cũ tiêu đi.

Giờ nếu còn mẹ, có lẽ cách xử sự của tôi sẽ khác. Có thể do tuổi đời chồng chất, kinh nghiệm thêm nhiều, mất mát đã xảy ra, nên con người thành như thế. Cũng có thể, do đạo trong người đã phát huy được ít nhiều, nên mình bớt chấp nhặt hơn đối với thế nhân.

Dù là gì, thì mọi nên hư trong cuộc đời này đều được ghi nhận lại trong tạng thức của mỗi người.

Mỗi kiếp, rút kinh nghiệm được một chút thì một lúc nào đó, hiếu hạnh sẽ được thực hiện nhuần nhuyễn ngay từ khi còn nhỏ mà không cần phải đợi ai nhắc nhở mới biết. Nhất định là vậy. Mọi thứ sẽ thành tự nhiên khi chúng ta huân tập nó chuyên cần và có ý thức. Tổ Hiền Thủ nói "Tập lâu thành tánh" là vậy.

(Nguồn: thuvienhoasen.org)

Suy Nghĩ Mùa World Cup

Nguyên Giác

Thế giới đang sôi nổi với các trận bóng đá World Cup 2018. Những người say mê bóng đá đang nhìn về các đội tuyển đang thi tài ở nước Nga, dán mắt vào các màn hình TV hay máy điện toán, đọc các lời bình luận và quan sát xem bóng đang vào chân ai và sẽ đá về hướng nào. Người Phật tử nghĩ gì về bóng đá? Các ngôi chùa tại Việt Nam có nên tụ tập các em lại để dạy đá banh và để lập các đội bóng đá khi các em nghỉ hè, hay vào những giờ nghỉ sau lớp, hay những ngày nghỉ cuối tuần hay không? Có phải giúp các em tập luyện bóng đá cũng còn tốt hơn để các em chơi game điện tử, vừa hại sức khỏe, vừa mất thì giờ và tiền bạc?

Truyền thống vẫn thường nghĩ về Đạo Phật với hình ảnh Đức Phật ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, hay các vị sư ngồi thiền hay đi khất thực. Họa hiếm, nghĩa là rất ít khi, chúng ta nhìn thấy Đạo Phật được mô tả qua hình ảnh thể thao.

Theo sử liệu, khi Đức Phật còn là Thái tử Tất Đạt Đa đã được giáo dục cả văn lẫn võ. Đến năm 12 tuổi ngài đã thông thạo các môn học Ngũ Minh (năm môn học thế gian: Thanh minh, Công xảo minh, Y phương minh, Nhân minh và Nội minh). Năm 13 tuổi, Thái tử được truyền thụ võ nghệ. Trong một cuộc thi võ với 500 thanh niên trước vương triều, Thái tử thì đã thắng tất cả các môn thi (bắn cung, đánh kiếm, cưỡi ngựa, đấu vật…). Thậm chí sức khỏe phi thường, khi thi bắn cung, ngài đã nâng được chiếc cung rất nặng trước giờ chưa ai nâng nổi và bắn xuyên qua 7 lớp bia đồng trong khi người giỏi nhất cũng chỉ bắn xuyên được 3 lớp.

Hình như vì lòng tôn kính, chúng ta chưa thấy họa sĩ nào vẽ hình Thái tử Tất Đạt Đa phi ngựa hay đấu vật, như dường đó là những chuyện rất nhỏ, không cần tập luyện. Dĩ nhiên, đó là thời chưa tầm đạo.

Câu hỏi là, Đức Phật dạy gì về các môn thể thao? Có vẻ như, nếu có cũng không nhiều. Lời dạy thường là, các sư hãy tìm nơi góc rừng vắng, ngồi tu thiền quán.

Trong Kinh Pháp Cú, bài Kệ 204, Đức Phật dạy: *Sức khỏe là món quà lớn nhất, biết đủ là tài sản lớn nhất, bạn tin cậy là người thân tốt nhất, Niết Bàn là an lạc lớn nhất* (Dịch theo bản của học giả Daw Mya Tin: *Health is the greatest gift, contentment is the greatest wealth, a trusted friend is the best relative, Nibbana is the greatest bliss*).

Sự tích đi kèm với bài Kệ 204 là chuyện Vua Pasenadi của vương quốc Kosala. Một hôm, Vua Pasenadi tới tu viện Jetavana sau khi dùng bữa điểm tâm. Bởi vì buổi sáng hôm đó, Vua ăn nhiều cơm với thịt nấu cà ri, nên trong khi nghe kinh, Vua ngủ gà ngủ gật hầu hết thời kinh. Thấy Vua ngủ gật như thế, Đức Phật khuyên nhà vua rằng hàng ngày hay ăn cơm ít, giảm số lượng tới mức tối thiểu một phần mười sáu (1/16) số lượng Vua đang ăn hiện nay.

Nhà vua vâng lời, và sau đó khám phá rằng khi ăn ít như thế, nhà vua gầy ốm hơn, nhưng nhẹ nhàng và nhanh nhẹn hơn, và sức khỏe tốt hơn. Khi Vua Pasenadi trình với Đức Phật như thế, Đức Phật mới đọc bài Kệ 204 trong Kinh Pháp Cú.

Đây cũng là điểm suy nghĩ về chữ "*sức khỏe*" trong câu đầu bài kệ: có một số bản dịch Kinh Pháp Cú dịch là "*không bệnh*."

Hiển nhiên, giữa sức khỏe và không bệnh khác nhau xa lắm. Người "không bệnh" có thể sẽ không đủ "sức khỏe" để chạy và đá banh trên sân cỏ tới 90 phút đồng hồ. Như thế, muốn có sức khỏe là phải luyện tập. Có phải Đức Phật khuyên là chúng ta hãy tập thể dục, chơi thể thao? Chỗ này hẳn là phải đọc kinh điển nhiều mới dám nói, nên xin để các học giả nghiên cứu; chúng ta người đời thường chỉ nên nhìn xem xã hội chung quanh để quan sát, xem những gì thuận pháp, có lợi cho mình và cho người mà làm.

Thêm nữa, chúng ta cũng có thể xem Đức Phật như người đã khởi đầu dạy pháp kiệm ăn, giữ thân mình thon gọn, nhanh nhẹn...

Nhưng, thể thao đời nay lại có chuyện thắng với thua, hai hình ảnh dị biệt. Cứ xem World Cup trên truyền hình là thấy: phe thắng sẽ tưng bừng la hét, phất cờ phóng xe như bay; phe thua ngồi tấm tức khóc, bùi ngùi an ủi nhau. Thường là như thế.

Bởi vậy, bài Kệ 201 trong Kinh Pháp Cú viết rằng: *Chiến thắng sẽ sinh khởi oán thù căm hận, chiến bại sẽ thê thảm khổ đau; người tịch tĩnh sống hạnh phúc trong khi xa lìa cả thắng và bại.*

Đó là hạnh của người con Phật. Tuy nhiên, nếu bạn đá banh cho một đội tuyển quốc gia, hễ thua là dân cả nước thê thảm. Thôi thì, tùy thuận chúng sanh, hễ ra sân đá banh là ráng chiến thắng vậy.

Thực sự, thể thao vẫn gắn bó với nhiều truyền thống Đạo Phật. Thí dụ, truyền thống đua ghe Ngo tại Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Báo Giác Ngộ số ngày 19/11/2015 có bản tin nhan đề "Đồng bào Khmer lưu giữ truyền thống đua ghe Ngo"…

Bản tin nói rằng nhiều chùa có riêng đội ghe Ngo. Ngay cả Phật học viện cũng có. Bản tin viết: *"...Suốt 5 năm nay, cứ đến mùa đua ghe Ngo là tất cả thành viên trong gia đình ông Phone đều thu xếp công việc gia đình để chuyên tâm phục vụ cho đội ghe ngo của Trường Trung cấp Pali Nam Bộ."*

Bản tin cũng nói, một số chùa lập riêng đội ghe Ngo để tập luyện cho mùa thi đua ghe. Mỗi đội đua ghe Ngo lại có một nhóm hỗ trợ cơm nước, trích:

"Dù không phải là vận động viên bơi ghe Ngo nhưng từ năm 1988 đến nay, bà Trần Thị Chu ở xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú luôn sát cánh cùng với đội ghe Ngo chùa Tom Pok Sok của mình để lo cơm nước cho các vận động viên.

Bà Chu chia sẻ: "Từ nhỏ tôi đã rất thích môn thể thao này nên suốt 26 năm qua, cứ tới mùa đua ghe Ngo là theo nấu cơm cho đội ghe. Vì lòng yêu thích nên khi tới mùa đua ghe Ngo là sẵn sàng đi phục vụ".

*Còn gia đình bà Liêu Thị Chênh ở ấp Bưng Lức, xã Đại Ân 2, huyện Trần Đề đã tham gia phục vụ đội ghe ngo chùa Đơm Pô từ hơn 10 năm nay. Bà Chênh cho biết: "Tới mùa đua ghe Ngo là con cháu trong gia đình đều đóng góp công sức và chi phí, cùng nhau hỗ trợ cho đội ghe của chùa Đơm Pô tập luyện. Vì yêu thích nên trong gia đình có đến 4 người tham gia thi đấu"…"(*ngưng trích)

Hình như các chùa và Phật tử Miền Tây mình chỉ xem thể thao như mùa lễ hội, như niềm vui… Đơn giản như thế. Nhưng Phật Giáo Thái Lan lại được nhiều vận động viên thể thao xem như nơi nương tựa tâm linh, có sức mạnh huyền bí giúp chiến thắng.

Thí dụ, như bản tin Zing nhan đề "U22 Thái Lan nhờ nhà sư làm phép, xin bùa tại SEA Games 29" vào ngày 12/08/2017 viết, trích:

"Trước khi lên đường sang Malaysia dự SEA Games 29, đội tuyển U22 Thái Lan đã tìm đến các nhà sư được cho rằng từng "làm phép" mang đến may mắn cho CLB Leicester City.

Mùa 2015-16, Leicester City qua mặt nhiều tên tuổi lớn để vô địch Premier League. Trên hành trình tới ngôi vương, nhiều người cho rằng đóng góp của nhà sư Thái Lan rất quan trọng. Năm đó, Chủ tịch Vichai của CLB thường xuyên đến xin các nhà sư làm phép mang đến may mắn cho "Bầy cáo"…"(ngưng trích)

Một bài báo trên Buddhistdoor Global trong tháng 10/2010 của nhà nghiên cứu Alastair Gornall nói rằng nhiều võ sĩ quyền thuật Thái Lan trước khi lên đấu võ đài thường tới chùa để xin các nhà sư ban phước lành, thậm chí có khi mời các nhà sư tới xem trận đấu (even have monks in the audience!) để an tâm xuất quyền ra chiêu. Gornall bày tỏ không hài lòng về phong tục đó, vì đấu võ là đi ngược truyền thống bất bạo động của Phật pháp.

Một truyền thống thể thao được biết khắp thế giới là Chùa Thiếu Lâm, nơi xuất phát môn võ Thiếu Lâm, mẹ đẻ các môn võ thuật Trung Hoa.

Tự Điển Wikipedia ghi nhận như sau:

"Có lẽ người nổi tiếng nhất có liên hệ với chùa Thiếu Lâm là Bồ đề đạt ma. Ông là một nhà sư được cho là từ Ba Tư hoặc Nam Ấn Độ sang Trung Quốc vào thế kỉ thứ 5 hay thứ 6 để truyền bá Phật giáo. Trường phái Phật giáo do Bồ-đề-đạt-ma lập ra ở Thiếu Lâm trở thành nền tảng cho Thiền tông sau này… Sau khi vào Thiếu Lâm tự, truyền thuyết kể rằng Bồ-đề-đạt-ma thấy các nhà sư không có hình thể mạnh khỏe cho thiền định và họ thường ngủ gục trong khi thiền. Chuyện kể rằng Bồ-đề-đạt-ma ngồi thiền quay mặt vào tường trong một hang đá cạnh chùa trong chín năm, sau đó ông giới thiệu một hệ thống các bài tập thể dục được cho là thập bát La-hán chưởng hay là các bài tập co giãn cơ bắp kinh điển Đạt-ma. Dần dần những động tác này phát triển thành võ thuật. Theo truyền thống, các nhà sư Thiếu Lâm phát triển kỹ năng võ thuật để phòng thủ sự tấn công của kẻ địch, như là một phương tiện giữ gìn sức khỏe, và như là một kỉ luật về tinh thần và thể chất."(ngưng trích)

Như thế, ban đầu, trong truyền thống Trung Hoa, võ thuật là để giữ sức khỏe, để giảm bệnh, để ngồi thiền mà không ngủ gục, để tự vệ…

Nhưng xem kìa, quả banh đang lăn trên sân cỏ… Mùa này là World Cup… Môn bóng đá cũng có một số tuyển thủ nổi tiếng thế giới theo Đạo Phật.

Các Phật tử Tây phương nổi bật trong làng bóng đá là: Mehmet Scholl, Mario Balotelli Barwuah, Roberto Baggio, Fabien Barthez.

Trong đó có Mehmet Scholl, sinh ngày 16/19/1970. Vị trí đá nổi tiếng của ông là tiền vệ cho đội Đức quốc. Bây giờ tuổi lớn, không đá nữa, nhưng về làm quản trị và huấn luyện túc cầu.

Theo Wikipedia, Mehmet Scholl (tên khai sinh là Mehmet Yüksel sinh 16-10-1970) là tiền vệ người Đức gốc Thổ Nhĩ Kỳ.Ông là cầu thủ rất nổi tiếng của Bayern Munich và là một trong những cầu thủ gốc Thổ thành công nhất và được yêu mến nhất tại Đức. Sở hữu kỹ thuật, kiến tạo và khả năng sút phạt tốt, Scholl là một trong những tượng đài của Hùm xám khi thi đấu liên tục cho Bayern từ năm 1992 đến 2007 (15 năm).

Trong khi đó, một cầu thủ Phật tử Ý nổi tiếng là: Mario Balotelli Barwuah (sinh ngày 12 tháng 8/1990) là tiền đạo người Italy gốc Ghana, anh chơi cho câu lạc bộ Nice và đội

tuyển bóng đá quốc gia Ý. Anh nổi tiếng không chỉ bởi tài năng bóng đá khi tuổi đời còn rất trẻ mà còn bởi những tai tiếng do tính cách nóng nảy, quậy phá, vô kỷ luật cả trong lẫn ngoài sân cỏ. Chính vì điều này anh được mọi người đặt cho nhiều biệt danh như Super Mario vì tài năng của anh, hay biệt danh "Ngựa chứng" để nói về tính cách ngông cuồng, vô kỷ luật của Balotelli. Hãy tin rằng, với thời gian tu tập thiền quán, tính anh Barwuah sẽ đằm hơn, sẽ rời xa mọi chuyện nóng nảy quậy phá.

Một cầu thủ Phật tử Ý nổi tiếng chân đá huyền thoại có tên là Roberto Baggio. Anh Baggio sinh ngày 18 tháng 2/1967 tại Caldogno, Veneto, là một cựu cầu thủ bóng đá chuyên nghiệp người Ý, một trong những cầu thủ tài năng và nổi tiếng nhất thập niên 1990 cũng như những năm đầu thập niên 2000. Baggio từng cùng đội tuyển Ý tham dự 3 kỳ World Cup, và là cầu thủ Ý duy nhất ghi được bàn thắng trong cả ba kỳ. Ông là cầu thủ xuất sắc nhất của đội tuyển Ý tại World Cup 1994, người đã dẫn dắt đội bóng áo thiên thanh vào đến trận chung kết và chỉ chịu thua trước Brasil trên chấm phạt đền, đáng chú ý hơn cả chính Baggio lại là một trong 3 cầu thủ của tuyển Ý sút trượt penalty dẫn đến thất bại của đội bóng.

Theo Wikipedia, Baggio đã giành được cả hai danh hiệu cao quý nhất của bóng đá thế giới khi còn thi đấu, Quả bóng vàng châu Âu (1993) và Cầu thủ xuất sắc nhất năm của FIFA (1993).

Khi Baggio từ ACF Fiorentina chuyển sang Juventus F.C. với giá chuyển nhượng kỉ lục thế giới vào năm 1990, cổ động viên biểu tình 3 ngày trước trụ sở ACF Fiorentina và chỉ giải tán khi cảnh sát chống bạo động vào cuộc. Trận cuối ông chơi ở Serie A (Brescia gặp A. C Milan tháng 3/2004), tuy Baggio không ghi bàn cho Brescia nhưng cổ động viên 2 đội đều đứng bật dậy vỗ tay chúc mừng ông. Ông được mệnh danh là "đuôi ngựa thần thánh" bởi đuôi tóc sau của ông. Ông là một Phật tử nổi tiếng.

Một cầu thủ Phật tử Pháp nổi tiếng là Fabien Barthez. Anh nói minh bạch rằng tất cả thành công của anh là nhờ tu học theo Đạo Phật. Tên đầy đủ là Fabien Alain Barthez, sinh ngày 28/6/1971, sinh ở Lavelanet, Pháp quốc. Vị trí: Thủ môn.

Theo thông tin trên Wikipedia, tuyển thủ Fabien Alain Barthez từng đoạt một số huy chương khi chơi ở vị trí thủ môn cho Marseille, Manchester United và cùng với đội tuyển bóng đá quốc gia Pháp giành chức vô địch tại World Cup 1998, Euro 2000 và lọt vào trận chung kết World Cup 2006. Ông cùng với Peter Shilton là 2 thủ môn giữ kỷ lục giữ sạch lưới nhất trong giải vô địch bóng đá thế giới, trong 10 trận. Ở câu lạc bộ, ông đã từng chiến thắng tại giải Cúp các đội vô địch bóng đá quốc gia châu Âu, một số danh hiệu tại Giải vô địch bóng đá Pháp và Giải bóng đá Ngoại hạng Anh.

Như thế, chúng ta thấy rằng thể thao với Đạo Phật vẫn hòa hợp nhau dễ dàng… Với điều kiện, không bạo động, không gây tổn thương cơ thể đối thủ. Cũng có thể sử dụng thể thao như phương tiện rèn luyện cơ thể để có sức khỏe, không bệnh, hay dùng như lễ hội, dùng như phương tiện giáo dục thiếu niên…

XEM WORLD CUP NGHĨ ĐẾN VIỆC TU

Muốn vô địch phải giỏi hay xuất sắc
Nhiều tư duy chiến thuật linh hoạt thay
Khổ công luyện miệt mài suốt tháng ngày
Qua cọ xát thường xuyên nhiều đối thủ

Phải đam mê kiên trì trong hứng thú
Với tinh thần đồng đội quyết thăng cao
Lấy màu cờ sắc áo niềm tự hào
Hy sinh thảy những cá nhân ích kỷ

Thành siêu sao ghi nhiều bàn thắng quý
Giúp đội nhà giành vô địch thăng hoa
Vẫn luyện tập khi thoải mái ở nhà
Những lạ hay đều gắng công khổ luyện

Là siêu sao phải bảo toàn các tuyến
Vừa ghi bàn nhiều chiến thuật tư duy
Mang vinh quang hãnh diện dưới quốc kỳ
Lắm mồ hôi gian nan đầy thử thách

Giải trí thôi công phu cũng lắm cách!
Thắng mừng vui thất bại quá ê chề
Tu giải thoát vượt hết mọi khen chê?
Muốn đạt đạo cũng ngày đêm tu tập…

thơ

THÍCH VIÊN THÀNH

Kỷ niệm mùa World Cup 2018

NÊN CÚNG KỴ ÔNG BÀ TỔ TIÊN NHƯ THẾ NÀO

*(**Câu Chuyện Dưới Cờ** — bài viết hàng tuần của GĐPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)*

Cúng kỵ ông bà tổ tiên, cha mẹ đã qua đời là để truy tiến báo ân. Cùng nhắc lại hạnh nghiệp người quá vãng để răn dạy cháu con phải nhớ cội nguồn mà lo trau dồi tánh đức. Đó là một việc làm đúng đắn ý nghĩa. Đó là điểm son trong sinh hoạt truyền thống dân tộc và đạo lý của tôn giáo chúng ta. Do vậy việc làm quý ở chỗ tâm thành chứ không phải cỗ bàn thịnh soạn.

Lợi dụng những ngày ấy để sát sanh hại vật, ăn uống linh đình là tạo ác nghiệp khổ báo. Chẳng những không lợi cho người sống mà còn gây họa cho kẻ đã qua đời. Đó là chưa kể đôi khi ta giết người để cúng người. Oan trái biết bao. Bởi do mê si mà chúng sanh luân hồi thăng giáng trong ba cõi sáu loài. Trong chúng kinh soạn tập thí dụ có ghi lại câu chuyện kể rằng:

Ngày xưa có một trưởng giả, rất mực tín kính Tam Bảo, nhân từ yêu thương và giúp đỡ mọi người, nên khi chết liền được sanh thiên. Còn thân xác thì con cháu làm lễ hỏa táng lấy xá lợi bỏ vào một cái hộp để lên hương án mà thờ. Gia quyến dùng trầm hương phẩm vật quý giá cúng tế linh đình xúm nhau khóc kể thật là thảm thiết.

Trưởng giả ở thiên cung nhìn xuống thấy con cái mình dại dột vì thương cha ông mà làm những chuyện vô ích nên muốn thức tỉnh.

Trưởng giả liền hóa thân làm một chú mục đồng tay ôm bó cỏ, tay dắt con trâu đi qua cổng nhà. Đến đây trâu bỗng nhiên ngã lăn ra chết. Đứa nhỏ vạch miệng trâu đút cỏ vào mồm rồi bảo trâu ăn, trâu không ăn được. Đứa nhỏ la hét om sòm. Con cháu vị trưởng giả thấy chuyện nực cười, đồng chạy ra khuyên can:

- Này chú bé kia, sao lại khờ khạo đến thế. Trâu đã chết làm sao ăn được mà hoài công la hét quát tháo ầm ĩ thế!

Đứa bé đáp:

- Trâu của tôi mới chết, miệng vẫn còn đây, bụng vẫn còn đó. Hy vọng nó có thể còn ăn uống được. Còn coi ngươi! Ông trưởng giả đã chết thân xác ông đã hỏa táng. Nhục thân giờ đây chỉ còn có chút tro xương, thế mà các ngươi giết hại sinh vật, bày biện cúng tế linh đình, khóc lóc kể lể minh tác, thì lại có khôn gì, sao bảo ta khờ khạo.

Cả nhà trưởng giả ngạc nhiên và đồng tỉnh ngộ.

- Ô ngươi thật là kẻ thông minh, nhưng ngươi là con ai, và ngươi từ đâu đến đây. Một âm thanh từ trên cao và rất xa vọng xuống:

- Ta là cha ông các ngươi đây. Nhờ một lòng tín kính tam bảo, giúp đỡ săn sóc ủy lạo mọi người mà nên khi thác ta được sanh thiên thấy các ngươi không lo tu hành, mải mê chìm đắm trong tình quyến thuộc làm điều vô bổ nên hiện xuống để cảnh tỉnh các ngươi.

Nhìn lại cậu bé, trâu và cỏ đã biến mất. Toàn gia đình hướng vào hư không đảnh lễ và nguyện sẽ y giáo hành trì.

Lại nữa trong kinh có dạy: "Nếu ai vì thân bằng quyến thuộc quá vãng mà tác tạo các việc công đức thì bảy phần người chết chỉ hưởng một phần mà thôi. Các phần còn lại người sống đều hưởng cả."

Kết hợp giữa tôn giáo và phong tục của dân ta, Phật tử chúng ta nên tổ chức trai soạn kỷ niệm; giới thiệu cuộc đời công đức, sự nghiệp của tiền nhân làm gương cho cháu con; giới thiệu bà con xa gần cho cháu con đồng biết và cùng một lòng phát tâm cầu nguyện cho hương linh người quá vãng tội chướng, nghiệp chướng thảy tiêu trừ; hẹn ngày hội ngộ nơi Tây phương An lạc quốc hay Long Hoa Thắng Hội của đức Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc vậy.

Đó là cách thù ân chúc tán thắng diệu nhất nên làm.

(Trích *52 Câu Chuyện Dưới Cờ*—Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi)

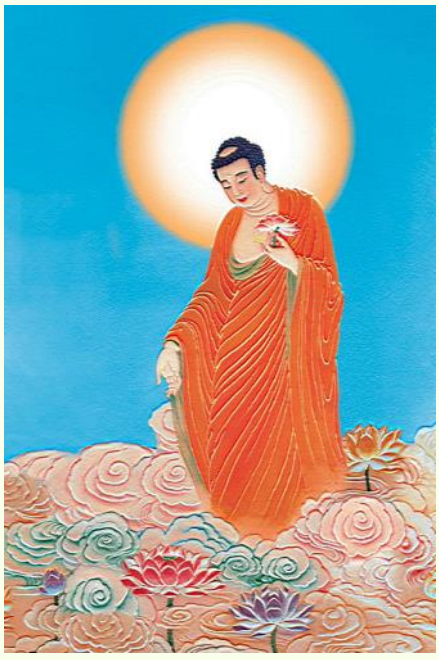

LỊCH SỬ TRUYỀN BÁ PHẬT GIÁO THỜI LÝ, TRẦN THUỘC MINH VÀ TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH

(*Phật Pháp Thứ Năm* — *tài liệu tu học của GĐPTVN*)

Nói đến lịch sử Phật Giáo là phải nói đến lịch sử dựng nước và giữ nước của Dân tộc vì suốt chiều dài lịch sử của dân tộc Việt Nam không ai có thể chối cãi được sự hòa quyện giữa Phật giáo với Dân tộc Việt Nam như nước với sữa. Hay nói một cách trang trọng và chắc thật hơn là: "Dân tộc còn thì Đạo Pháp còn - Dân tộc mất thì Đạo Pháp mất."

Trong bậc Kiến chúng ta đã được học quá trình du nhập, phát triển và tồn tại của lịch sử Phật Giáo Việt Nam từ thời Du nhập đến triều đại Đinh - Lê. Giờ đây chúng ta lại tiếp tục tìm hiểu về giai đoạn các Triều đại tiếp theo của Dân tộc Việt Nam.

I. PHẬT GIÁO ĐỜI NHÀ LÝ (1010 - 1225):

Lý Công Uẩn con nuôi của nhà sư Chùa Cổ Tháp là Lý Khánh Vân, thọ giới với Ngài Vạn Hạnh Thiền sư được vận động đưa lên làm vua lập lên cơ nghiệp nhà Lý. Lý Công Uẩn lên ngôi hiệu là Lý Thái Tổ mộtø vị vua có cội nguồn từ Phật giáo nên khi lên ngôi hết lòng lo cho dân cho nước, biết lấy đức trị dân nên Triều đại nhà Lý nước nhà rất an lạc.

Lý Thánh Tôn đã từng tâm sự với quân thần "trẩm thương dân như thương con trẩm."

Triều đại nhà Lý có Quốc sư Vạnh Hạnh cố vấn, nước ta một thời hùng mạnh, không những đẩy lùi 30 vạn quân Tống trên sông Như Nguyệt mà còn ngoại giao lấy lại Châu Quảng Nguyên và sau đó vẫn giao hảo với nhà Tống.

Phật giáo đời Lý thật là thời kỳ cực mạnh. Ngay thời Lý Thái Tổ đã xây dựng 8 ngôi chùa lớn: Hưng Thiên Ngự, Vạn Quế, Thăng Nghiêm, Thiên Vương, Cẩm Y, Thanh Thọ, Thiên Quang và Thiên Đức. Trùng tu các chùa khắp các làng xã. Hỗ trợ cho các Tăng sĩ giảng đạo khắp nơi. Sai sứ sang Trung quốc thỉnh Kinh. Ngài còn dựng thêm Chùa Chân Giáo ngay trong nội thành thỉnh các Tăng sĩ đến đó giảng đạo cho nhà vua, hoàng tộc và các quan thường được nghe.

Đời Lý Thái Tôn dựng Chùa Diên Hựu (Chùa Một Cột) kiến trúc rất đặc biệt. Đời Lý Thánh Tôn xây Tháp Bảo Thiên cao 12 tầng, cao 20 trượng và một qủa chuông (ở Huyện Thọ Xương) nặng 12.000 cân. Nhà Lý làm vua được 9 đời, cả thảy được 216 năm, các vị vua kế nghiệp Thái Tổ cũng nhân từ đức độ sùng mộ đạo Phật, hết mình chăm lo việc nước, nước nhà thật là thái bình thịnh vượng. Nhưng đến đời Lý Cao Tôn, nhà vua qúa nhỏ, lên ngôi mới có 3 tuổi, Tô Hiến Thành làm phụ chính. Vị vua cuối cùng là Lý Huệ Tôn, lúc này nhà Lý suy vong, trong triều thì nội loạn, ngoài dân chúng không được yên ổn. Năm 1224 Huệ Tôn truyền ngôi cho con gái Lý Chiêu Hoàng rồi xuất gia ở Chùa Chân Giáo. Sau Lý Chiêu Hoàng truyền ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Thế là sự nghiệp nhà Lý chấm dứt.

Suốt các triều đại nhà Lý, từ Lý Thái Tôn đến Lý Anh Tôn, các vua đều có các Tăng Thống cố vấn. Ngoài các ngôi chùa xây dựng trong đời Thái Tổ, Thái Tôn, Thánh Tôn các vị vua về sau tiếp tục xây chùa đúc chuông, tất cả đến 200 ngôi chùa, các Tăng sĩ truyền bá giáo lý sâu rộng vào quần chúng, dân chúng đều sống an lành trong đạo đức nhân nghĩa, các vị vua cũng dựa vào giáo lý đạo

Phật để trị quốc, tích cực xây dựng Đạo pháp. Các Tăng Thống không những uyên thâm Phật Pháp mà còn là những nhà bác học lúc bấy giờ.

Vạn Hạnh Thiền sư học đạo với Thiền ông Đạo Giả (đời thứ hai của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi). Ngài rất thông minh, ứng xử rất mau le, không những chỉ giúp nhà vua hiểu thấu giáo lý mà còn giúp nhà vua kể cả về chính trị lẫn quân sự).

Ngoài Vạn Hạnh Thiền sư còn có các Thiền sư danh tiếng như Đa Bảo Thiền sư (đệ tử Ngài Khuông Việt, Huệ Sinh Thiền sư học đạo với Ngài Định Huệ Thiền sư, Định Hương Trưởng lảo, Thuyền Lão Thiền sư (cả hai là đệ tử Đa Bảo Thiền sư), Viên Chiếu Thiền sư (đệ tử Ngài Định Hương), Ngô Án Thiền sư (đệ tử của một vị Sư người Chiêm Thành).

Ngoài ra trong thời Lý Thánh Tôn lại còn có Thảo Đường Thiền sư người Tàu, đệ tử Ngài Tuyết Đậu Thiền sư bên Tàu rất giỏi văn chương và thông luận Phật pháp, Lý Thánh Tôn phong làm Quốc sư và cho khai giảng lớp giáo lý tại Chùa Khai Quốc trong thành Thăng Long, thu thập đệ tử rất đông, Lý Thánh Tôn cũng thọ giáo với Ngài. Ngài lập ra phái Thiền thứ 3 tại Việt Nam gọi là Phái Thảo Đường.

Hai trăm năm Phật giáo cực thịnh nước nhà

hùng mạnh, thái bình, văn hóa phát triển. Nhưng vào cuối đời Lý thì Phật giáo bị đình đốn.

II. PHẬT GIÁO ĐỜI NHÀ TRẦN (1225 - 1400):

Trần Cảnh lên làm vua mới có 8 tuổi niên hiệu là Thái Tôn. Vì vua còn nhỏ nên việc triều chính trong tay Thái sư Trần Thủ Độ. Năm Kiến Trung thứ 7 (1231) vua Thái Tôn sắc cho nhân dân vẽ hình Phật để thờ (thật ra do quyết định của Trần Thủ Độ để che mắt thiên hạ, chứ Thủ Độ thường làm việc trái với đạo lý, bức tử vua Lý Huệ Tôn ở Chùa Chân Giáo để về kết hôn với người chị họ nguyên là vợ của Lý Huệ Tôn).

Năm 1237, vua bỏ ngôi báu vào tu ở núi Yên Tử sau do sự bức ép của Thủ Độ vua phải bỏ triều. Khi về Yên tử Thái Tôn học đạo với Phù Vân Quốc sư, lớn lên Thái Tôn rất thông hiểu đạo Phật, Ngài làm hai bộ sách: "Thiền Tôn Chỉ Nam" và "Khóa Hư" rất có giá trị. Kế nghiệp Trần Thái Tôn là Trần Thánh Tôn.

Trần Thánh Tôn vừa sùng đạo Phật lại vừa mở mang nho học. Kế tục Trần Thánh Tôn là Trần Nhân Tôn. Hồi niên thiếu dù đã lập làm Hoàng tử Ngài cũng thường trốn vào núi Yên Tử tập Thiền. Khi lên ngôi Hoàng đế, Ngài vẫn giữ mình thanh tịnh, tu tập pháp Thiền. Ngài thọ giáo với Tuệ Trung Thượng sĩ. Ngài dành nhiều thời giờ nghiên cứu Kinh điển. Năm 1323, truyền ngôi cho con là Anh Tôn, sau đó ít năm Ngài vào tu ở núi Yên Tử.

Trong thời Trần Nhân Tông, quân ta đã chiến thắng quân Mông Cổ xâm lược. Cuộc chiến thắng lẫy lừng làm rạng rỡ non sông, thế giới khâm phục. Nhờ các đại tướng tài ba như Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Toản, Trần Nhật Duật, Trần Bình Trọng, Trần Khánh Dư, v.v Trần Anh Tôn lại là học trò của Pháp Loa Tôn sư, hiểu thông giáo lý cũng dựa vào Phật pháp lấy đức trị dân, dân chúng cũng được thái bình. Nhưng đến đời Minh Tôn về sau, đình thần nhiều người gian nịnh, vua thì nhu nhược (các vua sau khi lên ngôi chỉ có trên dưới 10 tuổi). Vận nước đã suy lại thêm các nước ngoài dòm ngó, mưu đồ xâm lăng. Vị vua cuối cùng của nhà Trần là Trần Thiếu Đế (lên ngôi lúc 2 tuổi). Nhà Trần làm vua 12 đời, tổng cộng 175 năm.

Trần Nhân Tôn xuất gia hiệu là Hương Vân Đại đầu đà, lập trường giảng pháp đào tạo Tăng sĩ. Môn đồ của Ngài (cả tăng sĩ và cư sĩ) đến hàng vạn. Ngài thường đi khắp nơi để giảng đạo, khuyên dân làm điều thiện. Ngài hấp thụ tư tưởng phóng khoáng không câu nệ cố chấp của Tuệ Trung Thượng sĩ nên Thiền của Ngài có những nét đặc thù. Chính Ngài mở đầu phái Thiền Trúc Lâm, phái Thiền thứ 3 của Việt Nam (lúc Ngài tịch Anh Tôn dâng tôn hiệu: "ĐẠI THÁNH TRẦN TRIỀU TRÚC LÂM ĐẦU ĐÀ TỈNH TUỆ GIÁC HOÀNG ĐIỀU NGỰ TỔ PHẬT").

Vị kế truyền là Ngài Pháp Loa. Ngài ngộ đạo sớm, tinh thông kinh điển, Ngài Hương Vân lập Ngài làm giảng sư và kế thế trụ trì Chùa Siêu Loại làm chủ sơn môn Yên Tử. Sau đó Ngài truyền giới xuất gia cho Tuyên Từ Hoàng Thái Hậu và Thiên Trinh Trưởng Công Chúa. Lúc viên tịch, Ngài truyền Tâm ấn cho Ngài Huyền Quang Tôn sư: Huyền Quang có soạn 2 quyển: "Chư Phẩm Kinh" và "Công Văn Lập." Lúc Ngài tịch nhà Vua ban tư hiệu "Trúc Lâm Đệ Tam Đại Tự Pháp Huyền Quang Tôn Giả" vì Ngài chính là vị Tổ thứ 3 của Phái Trúc Lâm này.

Nhìn chung lại, Phật giáo đời Trần cũng rất thịnh nhưng đến đời Trần Anh Tôn cũng pha lẫn đạo giáo nhiều có lẽ sự pha lẫn bắt đầu từ đời Lý. Chuyện Từ Đạo Hạnh muốn báo thù cho cha nên vào ẩn trong Từ Sơn lấy đạo hiệu là Từ Hạnh, chuyên trì thần chú Đại bi và các pháp thuật khác, khi pháp thuật đã thông, trở về báo thù cho cha. Câu chuyện này chứng tỏ đạo Phật đã có màu sắc Đạo giáo.

Lại trong Tăng đồ cuối đời Trần đã nhiều vị tha hóa thiên về cúng bái hơn tu tập. Nhà vua (đời Trần Thuận Tôn năm thứ 9 mở kỳ thi sát hạch Tăng chúng tuyển làm các chức coi việc các cung, trông coi các đền và trông coi các chùa, nhiều Tăng sĩ cũng tồi tệ, đi thi để tranh giành chức coi giữ cung vua và các miếu. Thật là một hiện tượng đánh dấu sự suy đồi của đạo Phật.

III. ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO ĐỜI LÝ, TRẦN:

Chúng ta đã thấy Phật giáo thời nhà Đinh bắt đầu thịnh đạt và hưng thịnh nhất vào đời Lý, Trần. Phật giáo đã trở thành Quốc giáo. Nước nhà lúc này cũng là giai đoạn hùng cường nhất, Phật giáo và dân tộc có mối tương quan mật thiết, ý hướng xây dựng một nền văn hóa Việt Nam độc lập của các Thiền sư rất rõ rệt.

- **Về phương diện học thuật:** có công đào tạo các lớp tri thức không cổ chấp, biết dung hợp các ý thức hệ dị biệt của Nho - Lão - Phật.
- **Về phương diện văn hóa:** dựng lên một thời đại thuần từ, lấy đức từ bi làm căn bản cho chính trị.
- **Về văn học:** các thiền sư là những người đóng góp vào vấn đề sáng tác nhiều nhất trong nước dù phần lớn những sáng tác này chủ đề về Phật giáo.
- **Về mỹ thuật các công trình:** kiến trúc và điêu khắc Phật giáo (chùa, tháp, chuông, tượng, v.v...) là những đóng góp mỹ thuật quan trọng nhất trong thời đại.

Chúng ta đã thấy các Thiền sư mở trường dạy học không những cho Tăng sĩ mà còn cho Cư sĩ nữa. Vạn Hạnh đã đào tạo cho Lý Công Uẩn. Tri thiền trên núi Cao Dã đã đào tạo nên Tô Hiến Thành và Ngô Hòa Nghĩa, nhiều Thiền sư am tường cả Tam giáo (Khuông Việt, Vạn Hạnh, Viên Thông v.v…) họ đã dạy cho môn đệ những điều tinh hoa nhất trong khoa học, xã hội và chính trị của Nho giáo, những kiến thức Nho giáo được sử dụng theo tinh thần Phật giáo

quả đã đóng góp khá nhiều cho học thuật và chính trị đời Lý.

Nhưng về sau, những nhà Nho thiếu căn bản Phật học trở nên giáo điều, cố chấp, chật hẹp, thái độ ấy đã gây ra chia rẽ và tạo nên sự loạn lạc trong nước.

Hoàng Xuân Hãn đã viết trong tác phẩm Lý Thường Kiệt *"đời Lý có thể gọi đời thuần từ nhất trong lịch sử nước ta. Đó chính là ảnh hưởng đạo Phật."*

Tiếc thay cuối thời đại nhà Trần các quan lại trong triều đình chia rẽ, ganh tỵ nhiều kẻ dua nịnh. Nhà Vua thì quá nhỏ tuổi, nhu nhược, không chủ động được. Nước nhà dần dần đến chỗ suy vong. Phật giáo thì cũng pha lẫn Đạo giáo, Tăng sĩ nhiều người suy thoái nên cũng không thịnh đạt mà bắt đầu suy đồi.

IV.- PHẬT GIÁO THỜI NHÀ MINH ĐÔ HỘ ĐẾN TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH:

Đến đời Trần Thiếu Đế thì bị Hồ Quý Ly ép phải nhường ngôi để lập nên triều đại nhà Hồ. Nhưng sau đó nhà Minh đem quân đánh nhà Hồ và đặt ách thống trị Đại Việt. Nhà Minh thực hiện chính sách đồ hộ tàn ác và cho tịch thu kinh sách Phật giáo đốt phá chùa chiền (đầu thế kỷ 15).

Mười ba năm sau Bình Định Vương Lê Lợi (với sự tham mưu của Nguyễn Trãi) đứng lên phất cờ khởi nghĩa đánh đuổi quân Minh giành lại độc lập và lập nên nhà Hậu Lê.

Trong thời kỳ nhà Minh đô hộ chính sách đồng hóa Đại Việt của Tàu, được thi hành triệt để vì lẽ nếu để Đại Việt độc lập văn hóa sẽ dẫn đến độc lập chính trị. Các quan lại nhà Minh nghiêm khắc áp đặt nền văn hóa Tàu lên Đại Việt. Nho học đã chiếm địa vị nòng cốt trong văn học, Phật giáo bị đẩy ra khỏi hệ tư tưởng của vua quan để thay thế hệ tư tưởng Tống Nho, đạo Phật đã suy thoái lại càng suy thoái hơn. Các nho sĩ thời Hậu Lê đáng lẽ phải nhận rõ âm mưu thâm độc của nhà Minh. Nhưng vì hai thế kỷ vừa không ý thức được về nền văn hóa dân tộc, vừa kỳ thị Phật giáo nên đã phá vỡ sự dung hợp giữa Nho và Phật đã có từ thời Lý - Trần.

Thời Trịnh Nguyễn phân tranh kéo dài đến 45 năm.

Đến năm 1771, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ ở Tây Sơn (nên gọi là nhà Tây Sơn), đem quân đánh chúa Nguyễn rồi ra Bắc diệt chúa Trịnh. Vua Lê lúc nầy là Lê Chiêu Thống sang cầu viện nhà Thanh bên Tàu. Quân nhà Thanh được cớ giúp vua Lê đem quân sang thôn tính Đại Việt.

Nguyễn Huệ sau khi lên ngôi Hoàng Đế lấy hiệu là Bắc Bình Vương, đem quân ra Bắc đánh tan 20 vạn quân Thanh rồi củng cố triều đình, chấm dứt cảnh Nam Bắc phân tranh kéo dài ròng rã 45 năm.

Trong thời này giặc dã bên Tàu nổi lên, suốt một đời vua Càn Long không mấy khi được thái bình, nhiều vị cao tăng sang Đại Việt để hòa hoãn. Do đó Phật giáo có cơ nguyên phục hồi.

Ở Đàng Ngoài có Ngài Chuyết Chuyết sang giảng dạy đạo Phật ở chùa Khán Sơn (Thăng Long) sau đó dời về chùa Phật Tích (Bắc Ninh). Kinh điển Ngài để lại ở chùa Phật Tích khá nhiều, một số kinh đã được khắc bản đề ấn loát trong thời ấy. Thiền sư Chuyết Chuyết thuộc thế hệ thứ 34 dòng Lâm Tế, hai vị đệ tử xuất sắc của Ngài là Minh Hành (người gốc Trung Hoa) và Minh Lương là người Đại Việt.

Trong thế kỷ 17 có vị cao tăng người Việt là Thiền sư Chân Nguyên đệ tử của Thiền sư Minh Lương. Ngài cùng các đệ tử khôi phục lại Thiền phái Trúc Lâm bằng cách sưu tầm, hiệu đính khắc bản, và lưu hành những tác phẩm Thiền Trúc Lâm.

Trong đó vị đệ tử được tiếp nối y bát của truyền thống Trúc Lâm là thiền sư Như Hiện. Vị đệ tử thứ hai là Thiền sư Như Trừng lập được một thiền phái lấy tên là Liên Tông (nhưng về sau cả hai phái nầy lại nhập làm một). Nhìn chung vì có ý thức về một nền Phật giáo dân tộc nên các vị Thiền sư đã ra công trùng san những tác phẩm Phật học Lý Trần: trùng khắc "Thánh Đăng Lục," trước tác "Thiền Tông bản hạnh," trùng san "Thiền Uyển Tập Anh Ngữ Lục," "Kế Đăng lục," "Thánh Đăng Lục," "Thượng sĩ ngữ lục," "Khóa Hư lục," "Tam Tổ Thực Lục," "Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Lục." Ngoài ra còn có Thiền sư Hương Hải ở lưu vực sông Xích Đằng tỉnh Hưng Yên.

Ở Đàng trong, ngay sau khi Doãn Quốc Công Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hóa, Ông đã để ý đến việc lập Chùa. Năm 1601 dựng chùa Thiên Mụ ở xã Hà Khê, huyện Hương Trà, dựng lại chùa Sùng Hóa trên nền một ngôi chùa Cổ ở xã Triêm Ân, huyện Phú Vang. Năm 1607 lập chùa Kính Thiênở Thuận Trạch, Quảng Bình.

Vào thế kỷ 17 ghi nhận sự có mặt của các Thiền sư Trung Hoa sau đây:

- Thiền sư Viên cảnh và Viên Khoan ở Quảng Trị; Thiền sư Tử Dung (pháp tự là Minh Hoằng) khai sơn chùa Ấn Tôn; Thiền sư Giác

Phong khai sơn chùa Thiên Thọ; Thiền sư Từ Lâm khai sơn chùa Tù Lâm; Thiền sư Thạch Liêm khai sơn chùa Thiền Lâm ở Thuận Hóa; Thiền sư Pháp Bảo khai sơn chùa Chúc Thánh; Quốc sư Hưng Liên trụ trì chùa Tam Thai ở Quảng Nam; Thiền sư Pháp Hóa khai sơn chùa Thiên Aán ở Quảng Ngãi; Thiền sư Tế Viên khai sơn chùa Hội Tông tại Phú Yên; Thiền sư Nguyên Thiều khai sơn chùa Thập Tháp Di Đà ở Bình Định, chùa Quốc Ân, Hà Trung ở Thuận Hóa. Một vị cao tăng lúc nầy là Hòa thượng Liễu Quán một thiền sư nổi tiếng của phái Lâm Tế, đã có công lớn trong bước đầu phục hưng Phật giáo ở Đàng Trong.

Vào thế kỷ thứ mười tám, khi các chúa Nguyễn mở rộng bờ cõi về phương Nam thì một số cao tăng cũng theo làn sóng di cư đến trấn tích tại các vùng đất mới. Ở Đông Phố Gia Định có Thiền sư Đạt Bổn từ Quy Nhơn vào lập chùa Thiên trường năm 1755 đời chúa Nguyễn Phúc Khoát. Chùa Tập Phước cũng tại Gia Định (theo sách "Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên" thì có 2 giả thiết về vị khai sơn: Một là Thiền sư Viên Quang tu tại chùa Giác lâm, một là Thiền sư Mật Hoằng; cả hai đều thuộc phái Nguyên Thiều gốc ở chùa Thập Tháp đời 36 dòng Lâm Tế).

Ở Tây Ninh có Thiền sư Đạo Trung (đệ tử đời thứ tư của môn phái Liễu Quán) khai sơn chùa Linh Sơn ở núi Điện Bà năm 1763 và chùa Long Hưng ở Thủ Dầu Một năm 1794.

Ở Hà Tiên Thiền sư Hoàng Lung người Quy Nhơn dừng chân tại núi Bạch Tháp ở phía Bắc đỉnh Vân Sơn.

Ngoài ra thời kỳ này có phái Tào Động được truyền vào Đại Việt, ở Đàng Ngoài do Thiền sư Thuỷ Nguyệt sang du học ở Trung Hoa mang về (hiện các chùa Hàm Long, Hòa Giai và Trấn Quốc ở Hà Nội đều thuộc tông phái Tào Đông), ở Đàng Trong do hai Thiền sư Hưng Liên và Thạch Liêm đưa tới.

Tóm lại đã đành vì Nam Bắc phân tranh đã khiến cho nhiều trai tráng xuất gia để trốn lính, và do đó khiến số tăng sĩ thất học trở thành đông đảo. Nhưng qua gần nửa thế kỷ được sự giáo hóa của một số cao tăng đã tạo được một số trung tâm tu học chân chính đáng kể.

(Trích lược "Việt Nam Phật giáo Sử luận" của Nguyễn Lang)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Việt nam Phật giáo sử lược của Thích Mật Thể Phật học viện Trung phần xuất bản năm 1960 .
- Việt Nam Phật Giáo Luận của Nguyễn Lang , nhà xuất bản Văn học Hà nội xuất bản 1994.

PHÙ DU

nổi chìm tình nọ duyên kia
duyên đi dặm bắc, tình về dặm nam
tôi reo vui cõi trăng tàn
bóng sương lủi thủi chưa tan cuộc mù
kể từ chăn lạnh vài thu
giường xô lệch một gối hư bên mình
tôi reo hoài cõi trăng trinh
nổi chìm trong một sông tình phù du
tôi reo chưa ngất điệu mù
chừng như đã tận thiên thu mộng này.

thơ PHÙ DU

THIỀN PHÁI TÀO ĐỘNG TỚI VIỆT NAM

(Chương XXIII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang

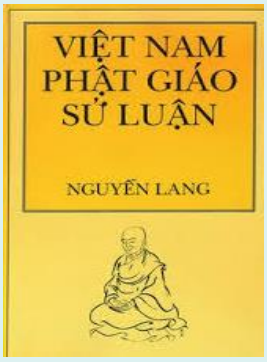

(tiếp theo kỳ trước)

THẠCH LIỆM VÀ TÀO ĐỘNG Ở ĐÀNG TRONG

Ở Đàng Trong Đại Việt, người đầu tiên truyền bá thiền Tào Động có lẽ là thiền sư Hưng Liên. Ông lập đạo tràng ở chùa Tam Thai Quảng Nam và được tôn làm quốc sư. Chương trước đã nói về ông. Tiếc là hiện nay chưa khảo cứu được về công trình hoằng pháp và sự truyền thừa của ông. Chùa Tam Thai bị đổ vỡ hủy hoại trong cuộc chiến tranh vào cuối thế kỷ thứ mười tám, tài liệu thất lạc hết. Chùa này được trùng tu năm 1825 đời vua Minh Mạng.

Thiền sư Thạch Liêm hiệu Đại Sán Hán Ông, người Giang Tây, sinh năm 1633, xuất gia hồi thiếu niên ở chùa Thượng Lam, theo hầu thiền sư Giác Lãng (89). Năm mười sáu tuổi Giác Lãng qua đời, không biết ông đã được tiếp tục và thụ giới với vị nào. Sau ông nhập chúng làm giảng sư chùa Trường Thọ ở Quảng Đông do thiền sư Thực Hành trú trì. Sau khi Thực Hành mất, ông được thừa kế trú trì chùa Trường Thọ. Nhờ tài hội họa và kiến trúc sẵn có, Thạch Liêm đã biến chùa Trường Thọ thành một nơi danh thắng ở Quảng Đông.

Theo lời đề nghị của quốc sư Hưng Liên, chúa Nguyễn Phúc Trăn đã hai lần mời ông sang Đại Việt, nhưng ông chưa đi được. Mãi đến năm 1694, khi chúa Nguyễn Đăng Chu cho người sang mời ông mới quyết định ra đi. Cùng đi với ông có độ một trăm người, trong đó hơn phân nửa là tăng chúng. Đoàn người đi trên hai chiếc thuyền buôn mang theo rất nhiều pháp khí kinh tượng để tổ chức giới đàn. Thuyền của ông tới đảo Tiêm Bút La vào ngày 27 tháng giêng năm Ất hợi (1695). Chúa Nguyễn Phúc Chu cho thuyền đi đón, rước về định cư ở chùa Thiền Lâm, Thuận Hóa (90). Khoảng một ngàn người thợ làm việc trong ba ngày đêm, cất mười gian phương trượng và lưu xá cho đoàn tăng khách tạm trú.

Trong những công tác mà Thạch Liêm đã thực hiện được trong thời gian lưu trú tại Đàng Trong, có thể nói rằng công tác quan trọng nhất là tổ chức giới đàn Thiền Lâm. Giới đàn này tổ chức từ mồng một đến ngày mười hai tháng tư năm Ất hợi (1965). Giới đàn có đến ba ngàn giới tử trong đó số giới tử xuất gia lên tới 1.400 vị vừa tỳ khưu vừa sa di. Chương trình của giới đàn như sau:

– Ngày 24 tháng ba các giới tử xuất gia nhập giới đàn.

– Ngày mồng một truyền giới sa di. Thạch Liêm thượng đàn thuyết pháp, có chúa và các quan đến nghe.

– Ngày mồng sáu truyền giới tỳ khưu. Quốc mẫu và vương huynh thiết lễ trai tăng cúng dường các vị tăng sĩ mới thụ giới, và ghi chép lời pháp ngữ của Thạch Liêm.

- Ngày mồng tám tháng tư, Phật đản, làm lễ trao Bồ Tát giới cho chúa Nguyễn Phúc Chu, quốc mẫu, công chúa và những người quyến thuộc trong nội cung. Lễ truyền giới được tổ chức ở chùa Giác Vương Nội Viên trong phủ Chúa. Thạch Liêm viết cho chúa một cuốn sách ngắn, chỉ bày cách tu tập, gọi là *Hộ Pháp Kim Thang Thư*. Buổi chiều, lễ truyền giới Bồ Tát cho các vương huynh là Lệ Truyền Hầu và Thiều Dương Hầu cùng một số các quan được tổ chức tại chùa Thiền Lâm.

– Ngày mồng chín tháng tư, lễ truyền giới Bồ Tát cho chư tăng được cử hành tại chùa Thiền Lâm. Các vương huynh công chúa cúng dường trai tăng và thỉnh Thạch Liêm thuyết pháp, rồi ghi chép pháp ngữ.

– Ngày mười hai tháng tư, Thạch Liêm và quốc sư Hưng Liên thống suất hai dãy tân giới tử, tất cả một ngàn năm trăm vị tăng đều mang bình bát, chống tích trượng làm lễ "cổ Phật khất thực" trong thành phố, và đến phủ chúa tạ ơn chúa Nguyễn đã thành tựu công đức cho đại giới đàn. Lễ cúng dường cơm chay được thiết lập tại phủ chúa. Giới đàn bế mạc chiều hôm ấy.

Trong giới đàn này, giới điệp cấp phát cho giới tử đều có đóng kèm ấn của phủ chúa.

Một giới đàn khác sau đó đã được tổ chức tại chùa Di Đà ở Hội An ngày mồng bảy âm lịch năm ấy. Khoảng trên ba trăm người đã xin thụ giới. Giới đàn ở đây được tổ chức rất đơn giản, nhưng giới điệp cũng được đóng kèm ấn chúa.

Giới đàn Thiền Lâm có một tầm quan trọng lớn: đó là một giới đàn tổ chức cho cả nước; các tỉnh đều có giới tử về thụ giới. Ta nhớ là thiền sư Liễu Quán cũng đã từ Phú Yên

ra để thụ giới sa di ở giới đàn này. Phái Tào Động trước kia chỉ có ảnh hưởng ở Quảng Nam, nay đã lan ra khắp xứ.

Đáng lý thiền sư Thạch Liêm đã về từ tháng bảy âm lịch năm đó, nhưng vì gió bão cản trở nên ông lưu lại Đại Việt để dưỡng bệnh. Từ Hội An ông được chúa Nguyễn Phúc Chu cho người vào đón ra chùa Thiền Mụ. Ông ở Thiền Mụ cho đến ngày 24 tháng sáu năm tới mới xuống thuyền về Quảng Đông, Thạch Liêm qua Đại Việt năm 62 tuổi, mất năm 71 tuổi (1704).

CON NGƯỜI CỦA THẠCH LIÊM

Thiền sư Thạch Liêm là một nghệ sĩ. Ông sở trường về nhiều môn: thi văn, hội họa, chữ viết, thủ công. Mao Tế Khả đề tựa tập thơ *Ly Lục Đường* của Thạch Liêm đã viết:

"Trượng nhân là bậc bác nhã khôi kỳ, càng sở trường về thi ca; cho đến các môn như tinh tượng, lịch luật, diễn xạ, lý số, triện lệ, đơn thanh, môn nào cũng siêu việt."

Chùa Trường Thọ ít ra cũng có đến một trăm tăng sĩ. Những vị theo Thạch Liêm qua Đại Việt đã hơn năm mươi người rồi. Vì giỏi tiểu thủ công nghệ nên Thạch Liêm tổ chức kinh tế tự túc trong chùa. Với gỗ lê, gỗ đàn, đồng thau, đá hoa, chùa đã chế ra nhiều dùng có giá trị nghệ thuật như bàn, ghế, bình phong, cẩm đôn, hộc tộ, bát, đĩa, v.v… Chùa cũng tổ chức dệt vải lụa. Thạch Liêm là một họa sư, những bức họa của ông rất được khen ngợi. Trong tập *Họa Gia Thi Sở đời Thanh* tác giả là Lý Tuấn Chi viết về Thạch Liêm như sau: "Đại Sán tự Hán Ông, người Lĩnh Nam, tu ở chùa Kim Lăng, có tài vẽ chân dung khéo. Năm Mậu ngọ, đời Khang Hy (1678), ông có vẽ cho Trần Gia Lăng một bức hình, có đề lời, mặt đẹp râu dài, tinh thần hoạt bát, thời ấy hầu như khắp danh nhân trong nước đều có đề vịnh. Có biên soạn *Ly Lục Đường Tập.*"

Nhờ có cơ sở kinh tế tự túc, không những chùa Trường Thọ được Thạch Liêm kiến thiết mau chóng, mà rất nhiều văn nghệ sĩ nghèo trong nước cũng được ông giúp đỡ. Sự giao du của ông với văn nghệ sĩ trong xứ rất rộng. Tập thơ *Ly Dục Đường* của Thạch Liêm có phụ đính 34 bức tranh do tác giả vẽ nên có văn của các danh sĩ như Khuất Ông Sơn, Thanh Lê, Dược Đình, Vương Thế Trinh, Từ Phàm, Ngô Ý, Ngô Thọ Tiềm và Cao Tằng Vân đề ở lạc khoản. Tập thơ lại có tới mười mấy danh sĩ đề tựa. Nói tóm lại là ông giao thiệp thân mật với hầu hết các văn nhân nổi tiếng của thời đại ông.

Cũng vì tiếng tăm của ông lừng lẫy như thế nên có nhiều kẻ ghen ghét và chống đối ông kịch liệt, cho ông là "ngạo mạn, dối trá, buôn lậu," v.v… Thực ra tính ông cương trực và ưa nói thẳng nên bị nhiều người ghen ghét. Vì bị dèm pha cho nên năm 1702 ông bị quan án sát Quảng Đông là Hứa Tự bắt giam tra hỏi, rồi đuổi về Cống Châu, Giang Tây. Ở Cống Châu, ông lại mở đạo tràng ở chùa Sơn Tự; tăng đồ quy tụ rất đông và đạo tràng lại bành trướng

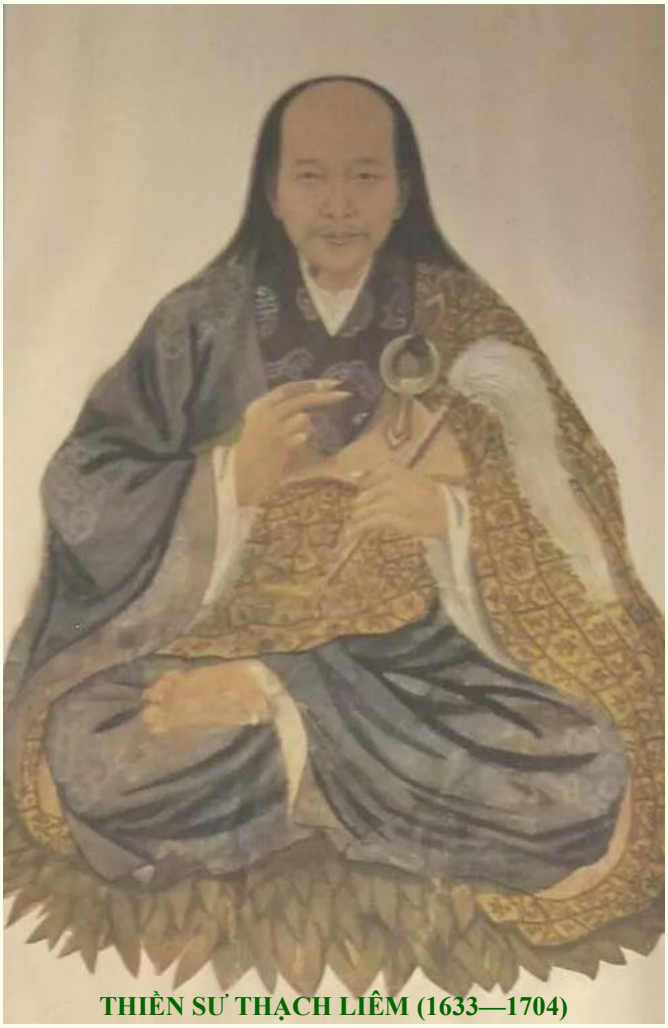

THIỀN SƯ THẠCH LIÊM (1633—1704)

lớn lao như cũ. Quan sở tại là quan tuần vũ Giang Tây lại cho bắt ông áp giải về nguyên quán. Ông chết trên đường đi. Đó là vào năm 1704.

Quan án sát Quảng Đông Hứa Tự Hưng là người thế nào? Năm 1695, khi còn làm chức đồng tri ở Mân Châu, ông đã bị cách chức vì tội làm nhục thuộc viên và hạch sách đòi ăn hối lộ, tiền bạc, ngựa… Qua năm 1699 nhờ tiền bạc được phục chức, và sau đó được bổ đi án sát Quảng Đông. Một người như thế cố nhiên không thể chịu nổi thái độ ngang ngạnh của một ông thầy tu nghệ sĩ như Thạch Liêm, mà Thạch Liêm cố nhiên cũng không chịu cúi đầu khuất phục một vị quan quyền như thế. Tâm sự của ông về việc bị ganh ghét được ông tỏ bày chút ít trong sách *Hải Ngoại Kỷ Sự* (91). Ông viết: "Lại còn một bọn người ngu dốt làm ma làm quái, bới lông tìm vết, bày đặt chuyện thị phi. Nhưng chuyện thị phi ấy đâu có rõ ràng; chúng chỉ vì lòng ghen ghét cho nên tự trong bóng tối khuấy cho sóng động mòi xao, bày chuyện đặt điều làm cho người ta không chịu nổi để khoái chí mình. Nhưng ta đâu có nao núng, bởi việc đều vô ảnh vô tông, tất cả đều trôi theo dòng nước. Những thử thách kia chỉ

làm cho ý kiến thêm tinh, hạnh nguyện thêm vững, càng mài không mòn, càng nhuộm càng không đen. Rốt cuộc bọn họ lại giúp ta như thầy nghiêm bạn tốt vậy."

Sách *Hải Ngoại Kỷ Sự* cũng phản ánh tính cương trực của Thạch Liêm. Cái gì ở xứ khách mà ông muốn khen thì ông khen, còn cái gì ông muốn chê là ông chê. Sự khen chê có khi không chính xác, vì sự thấy nghe của ông về văn hóa và phong tục Đại Việt có khi không được rộng rãi và minh xác; cũng có thể vì ông lấy văn hóa Trung Quốc làm tiêu chuẩn để xét đoán văn hóa Đại Việt khiến ta có thể không bằng lòng khi đọc *Hải Ngoại Kỷ Sự*. Tính nói thẳng là một tính rất tốt, nhưng sự nhận xét không được thấu đáo là một khuyết điểm. Dù sao, ông đã phải trả một giá quá đắt về tính nói thẳng của ông.

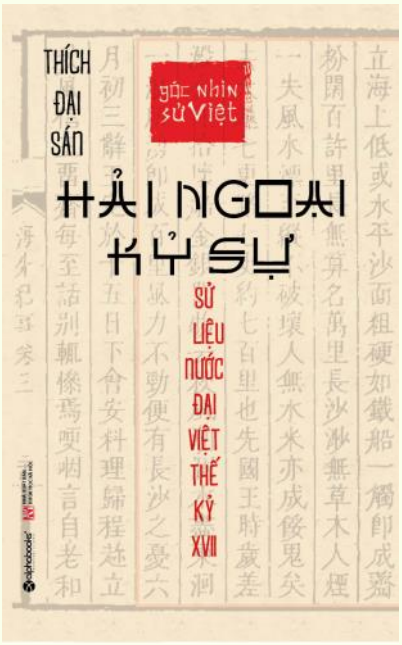

Một điều đáng tiếc trong cuộc du hành Đại Việt của ông là, ngoài quốc sư Hưng Liên là đệ tử của ông, ông không được gặp những cao tăng khác lúc bấy giờ đang hành đạo tại Đại Việt. Trong số những vị này, có những vị từ Quảng Động tới như ông. *Hải Ngoại Kỷ Sự* không hề nhắc đến những vị như Tử Dung, Tế Viên, Pháp Hóa, Từ Lâm, Minh Hải, v.v… nghĩa là những vị đang chủ trương các đạo tràng lớn lúc bấy giờ như Ấn Tôn, Quốc Ân, Chúc Thánh, Từ Lâm, Thiên Thọ… Ông đã không có sự cộng tác của các vị cao tăng có mặt lúc bấy giờ ở Đại Việt, ngay trong giới đàn chùa Thiền Lâm. Sự kiện này có nhiều lý do. Lý do đầu tiên là ông thuộc phái Tào Động. Lý do thứ hai: ông là khách đặc biệt của quốc vương. Lý do thứ ba là bài bố cáo mà ông viết cho dán ở các chùa trong xứ nhiều tháng trước ngày khai mạc giới đàn Thiền Lâm đã tự đánh giá sự hành đạo tại Đại Việt quá thấp.

Đã đành vì chiến tranh giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài đã khiến cho nhiều trai tráng cạo đầu đi tu để trốn lính, và do đó số tăng sĩ thất học trở thành đông đảo, nhưng sự giáo hóa trong gần nửa thế kỷ của một số các vị cao tăng (như Nguyên Thiều chẳng hạn) có mặt đã tạo được một số trung tâm tu học chân chính đáng kể. Điều này không hề được nói đến trong bài bố cáo của Thạch Liêm. Bài bố cáo để ra nhiều trang công kích những vị tăng không chân chính. Ví dụ ông viết: "Có kẻ giày cỏ chưa mang qua một đôi, cửa chùa chưa bước qua hai bậc, một ngày kia khi làm ông thầy, sợ người ta biết rõ chân tướng, mới làm bộ lim dim con mắt, sửa giọng thanh cao, làm trò giải thoát. Những hạng người đó lạm dự vào hàng sa môn chẳng biết hổ thẹn, mượn danh hiệu Phật làm chuyện bán buôn, điều to lớn cho đạo là chỗ ấy." Rồi ông kết luận: "Trong buổi Phật pháp suy vong, há nên lấy ngoa truyền ngoa khiến tăng sĩ khắp nước chẳng biết đạo xuất thế là gì, ù ù cạc cạc trong cơn tùy mộng. Lão tăng chẳng nỡ làm thinh ngồi đó, nên chẳng tránh khẩu nghiệp, nói thẳng vài lời."

Đúng là thiền sư đã không tránh khẩu nghiệp, đã nói thẳng, nhưng giá ông được Hưng Liên cho biết rõ hơn về tình hình Phật Giáo Đại Việt thời đó thì khẩu nghiệp ông đã nhẹ hơn và đã ít bị cô lập hơn.

Tuy nhiên, trong bức thư giử cho hữu thừa tướng Tống Công (có lẽ là Tống Phúc Tài), Thạch Liêm công nhận rằng "vì tới Đại Việt chưa bao nhiêu ngày, nên chưa thấu rõ hết những chỗ ẩn vi của tình trạng," và ông can chính quyền đừng bắt bớ những tăng đồ thất học. Số là trong khi nói chuyện với Thạch Liêm, vị thừa tướng này tỏ ý lo cho sự kiện có nhiều phần tử bất hảo trong giới tăng già, và nói rằng "phải cuốc hết cỏ dại, lúa tốt mới có thể mọc lên," nghĩa là phải *trừng trị* những tăng đồ thiếu học. Thạch Liêm nói: "Những phần tử tăng già do từ trước đến nay chưa được giáo hóa Phật pháp, không biết rõ thế nào là bổn phận người xuất gia, nay nếu ta bỗng nhiên lấy pháp luật mà trừng phạt họ một cách nặng nề thì đó gọi là "không dạy mà giết," một chính sách "bạo ngược," không phải là chính sách của kẻ nhân từ vì lòng trắc ẩn mà muốn giáo hóa họ." Ông lại đề nghị nên để tăng sĩ giáo hóa tăng sĩ, chính quyền không nên dự vào: "Từ ngày cắt tóc đi tu, người xuất gia từ bỏ gia đình, niệm Phật, tụng kinh, nghĩ rằng mình đã là người đứng ngoài cuộc, thoát khỏi lưới đời, bao nhiêu quyền che chở từ bi đều nắm cả trong tay vị sư trưởng… Chính quyền địa phương thường nên chọn những bậc tôn sư minh chính để chủ trì pháp tịch, thập phương vân thủy đều lấy đó làm nơi nương dựa tinh thần. Người trên nghiêm tu giới luật, lượng sức mà giáo hóa, khiến cho mọi người biết được bổn phận mình mà gắng sức tu trì, dần dần chuyển phàm thành thánh. Căn khí chính đại tự nhiên nắm thẳng lấy con đường hướng thượng mà tinh tấn tu hành. Nhưng ở chốn thiền lâm, thánh phàm ở chung, thế nào cũng có kẻ ngu ngoan cuồng vọng làm trái giới pháp. Đối với những người này thì phải thiết lập thanh quy: tội nhẹ thì sám hối quỳ hương, tội nặng thì trục xuất cởi áo…" Thạch Liêm lại nói rằng không nên trông đợi tất cả mọi phần tử tăng già đều trở thành những đại thiền sư. "Vả lại quốc gia thiết lập chùa chiền, chẳng phải chỉ để tạo nên một số tăng sĩ biết "giáo ngoại biệt truyền, trực

chỉ nhân tâm thành Phật," mà cũng là để có những vị tăng sớm hôm đốt hương cầu nguyện cho các bậc cho các bậc thánh minh để ngồi giữ nước, cho trong triều có nhiều bậc hiền lương chính trực biết lấy trung hiếu tiết nghĩa mà giáo hóa, khiến thiên hạ vui lòng làm việc thiện, bốn phương hòa bình, nhà tù bỏ trống…" Lá thư này Thạch Liêm viết gần một năm sau ngày nói chuyện với Tống Phúc Tài. Có lẽ bức thư này đã ảnh hưởng nhiều đến chính sách tôn giáo của chúa Nguyễn Phúc Chu. Thay vì thanh lọc tăng già bằng những cuộc bắt bớ hay thi cử, triều đình chú trọng đến việc nâng cao uy tín các bậc chân tu địa phương bằng cách ban biển ngạch sắc tứ và câu đối cho những chùa nơi họ hành đạo (92).

---

(89) Thiền sư Giác Lãng Đạo Thịnh hiệu Trượng Nhân, người Kiến Ninh, họ Trương, xuất gia hồi mười chín tuổi với thiền sư Thụy Nham ở núi Mộng Bút. Sau đến tham học với thiền sư Nguyên Lai ở chùa Năng Nhân, núi Bắc Sơn. Sau nữa lại tham khảo với Đông Uyển Cảnh và đắc pháp với vị này.

(90) *Đại Nam Nhất Thống Chí* chép: "Chùa Thiền Lâm ở xã An Cựu, tương truyền do Hòa thượng Thạch Liêm kiến tạo, cách trí rất u tịch. Ngụy Tây Sơn thái sư Bùi Đắc Tuyên chiếm ở. Sau Đắc Tuyên thất bại. Người trong làng nhân theo nền cũ sửa chữa lại. Bản triều khoảng đời Gia Long, Thừa Thiên cao hoàng hậu bỏ tiền ra kiến trúc lại. Nay dần dần hư nát, chỉ còn ngôi chính điện. Phía tả chùa có một quả chuông đồng lớn cao hơn bốn thước vòng lưng sáu thước, dày bảy tấc, có khắc chữ "Lê Vĩnh Thịnh thập nhị niên chú."

(91) Sách này do Thạch Liêm viết trong thời gian lưu trú tại Đại Việt. Sách chia làm sáu cuốn, ghi chép cuộc hành trình của tác giả và những bài văn thơ tác giả đã làm trong thời gian ấy. Sách lại có bốn bài tựa; một trong bốn bài được ký tên Đại Việt Quốc Vương Nguyễn Phúc Chu, đệ tử thọ Bồ Tát Giới, pháp danh Hưng Long, viết ở phương trượng Tịnh danh trong Giác Vương Nội Viện. Bài tựa này viết vào tháng Sáu năm Giáp Tý (1696), trước ngày hồi hương của Thạch Liêm. (Có lẽ tác giả tính nhầm. Năm 1696 phải là năm Bính tý-**N.H.C.**). Sách được khắc bản vào khoảng năm 1699. Bản của chúng tôi sử dụng là bản được tàng trữ trong Đông Dương Văn Khố tại Đông Kinh, Nhật Bản. Một bản dịch quốc ngữ của Viện Đại Học Huế được thực hiện năm 1963, chỉ tiếc các dịch giả không am tường mấy về danh từ Phật học nên có nhiều chỗ làm oan cho tư tưởng Thạch Liêm.

(92) Ở các tỉnh ta thấy những ngôi chùa mang biển ngạch sắc tứ ký tên Thiện Túng Đạo Nhân (đạo hiệu của Chúa Nguyễn Phúc Chu) hoặc Từ Tế Đạo Nhân (đạo hiệu của chúa Nguyễn Phúc Khoát).

VU LAN BUỒN

Công ơn dưỡng dục sinh thành
Lớn tày non bể con đành khất sao
Chưa nuôi cha mẹ ngày nào
Kể từ chân trót bước vào bể dâu

Chiều nay phiêu dạt về đâu
Mà hồn lữ thứ nhuốm màu Vu Lan
Mẹ hiền chín tháng cưu mang
Hai năm bú mớm vì con trọn đời

Hiếu làm sao cảm đất trời
Mấy mươi năm nặng những lời nhớ mong
Ước gì như Lê Thánh Tông
Chăm hoàng thái hậu giốc lòng khẩn xin

Thuốc thang ăn uống tự mình
Thay áo khâm liệm thực tình đạo con
Dễ ba mươi sáu năm ròng
Ngự triều ngày lẻ chẳn thăm mẹ già

Vua Tự Đức của Nguyễn gia
Triều thần hủ bại nước nhà lâm nguy
Từ Huấn Lục tháng năm ghi
Lời mẹ dạy đấng trị vì quốc gia…
Làm trai phụng dưỡng mẹ cha
Trung quân ái quốc sau là lập thân

Bao năm quảy bước phong trần
Hao gầy hiếu hạnh muôn phần xót xa
Vu Lan treo nỗi nhớ nhà
Xa mờ cố quận biết là thấu chăng.

thơ LƯU LÃNG KHÁCH

CHÙA VẮNG TRONG ĐẶC KHU

Trần Khải

Chùa vắng, là nói chùa không có tăng sĩ. Đặc khu là nói về Xishuangbanna Dai Autonomous Prefecture ở vùng cực nam tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

Có thể phiên âm Xishuangbanna là Tây Song Bản Nạp, và Dai là chỉ về sắc tộc Thái. Prefecture là đơn vị hành chánh được cai trị theo quy chế đặc biệt, nằm dưới cấp tỉnh, nhưng bao gồm nhiều huyện. Chữ Autonomous có nghĩa là tự trị, nhưng không có nghĩa tự trị theo nghĩa quốc tế, mà chỉ có nghĩa là cán bộ lãnh đạo đặc khu tự trị có toàn quyền hành động rồi báo cáo về thiên triều Bắc Kinh sau - kiểu tiền trảm hậu tấu. Bởi vì, đặc khu luôn luôn là nơi phức tạp.

Trung Quốc có một vài đặc khu để cai trị theo quy chế đặc biệt, thường là ở biên giới, nơi có hơn 50% sắc dân thiểu số. Báo chí thế giới gần đây chú ý tới một số biến động ở các đặc khu Tây Tạng – như Ganzi Tibetan Autonomous Prefecture ở tỉnh Sichuan (Tứ Xuyên), Diqing Tibetan Autonomous Prefecture ở tây bắc tỉnh Yunnan (Vân Nam) – và các đặc khu ở tỉnh Xinjiang (Tân Cương).

Tuy nhiên, Đặc khu Tây Song Bản Nạp lại rất mực bình yên, nơi phẳng lặng không gợn sóng, và là nơi đại đa số dân tu theo Phật Giáo Theravada.

Trung Quốc là nơi có nhiều tông phái Phật giáo, trước kia và cả bây giờ. Câu hỏi có thể nêu lên rằng, hệ phái Phật giáo nào tại TQ thường bị chính phủ Bắc Kinh bỏ quên nhất? Câu trả lời: Phật giáo Thượng tọa bộ, còn gọi là PG Nam Tông, còn gọi là Theravada ở Trung Quốc.

Thậm chí, đối với nhiều người quan sát tin tức trên thế giới, Phật giáo TQ thường được nhắc tới là Bắc Tông và PG Tây Tạng. Không có bao nhiêu bản tin nói về hệ phái PG Nam Tông TQ. Một phần, vì họ là thiểu số, nhưng phần lớn vì khu vực họ tập trung rất êm ả, không có nhiều biến động để các nhà báo quốc tế chú ý. Có một lý do nữa: có thể vì đa số họ thuộc sắc tộc thiểu số ở phía nam, và tinh thần Đại Hán của các quan chức Bắc Kinh dễ dàng bỏ quên họ. Một thời, dân tộc Đại Hán đã chinh phục miền Nam tỉnh Vân Nam từ nhiều thế kỷ trước, đã trấn áp khốc liệt nhiều cuộc nổi dậy của các sắc tộc địa phương, và bây giờ các nhóm sắc tộc khu vực này không còn sức nào để đối kháng hay đòi ly khai, tuy rằng văn hóa rất mực dị biệt.

Bài viết nơi đây dựa vào nhiều nguồn, trong đó phần chính dựa vào bài "Theravada Buddhism and Dai Identity in Jinghong, Xishuangbanna" (PG Nam Tông và Căn Cước Người Thái ở thị trấn Jinghong, Xishuangbanna) của GS James Granderson trên khóa mùa Xuân 2015 của SIT Study Abroad, và bài "The Soft Power Limits of Chinese Theravada Buddhism" (Hạn Chế Quyền Lực Mềm của PG Nam Tông TQ) của học giả Zi Yang trên tạp chí *The Diplomat* ngày 15/8/2017.

Nói một lời ngắn gọn là: PG Nam Tông TQ không là cái gì trong mắt triều đình Bắc Kinh.

Trong nhiều thế kỷ, Vân Nam là cửa ngõ của TQ để vào Đông Nam Á. PG Nam Tông tiến vào tỉnh Vân Nam từ thế kỷ thứ 7, xuyên qua Miến Điện và ảnh hưởng sâu đậm trong các sắc dân Dai, Blang, và Palaung trong khu vực này.

Dân tộc Dai, dịch ra tiếng Việt là người Thái. Sắc tộc Thái là một trong các sắc dân chính trong Khu Tự Trị Xishuangbanna Dai (người Thái Tây Song Bản Nạp). Sắc tộc Thái cũng sống rải rác ở Lào, Việt Nam, Thái Lan, Miến Điện. Dân tộc Palaung dịch ra tiếng Việt là Đức Ngang hay Băng Long. Dân tộc Blang, dịch ra tiếng Việt là Bố Lãng. Tổ chức truyền giáo Asia Harvest USA của Tin Lành Hoa Kỳ đưa ra cuộc nghiên cứu nói rằng người Blang và các dân tộc khu vực này phần lớn, có thể là 80%, theo PG Nam Tông, đôi khi cùng lúc thờ tổ tiên và vật tổ. Tuy nhiên, GS Granderson cho biết tỷ lệ Phật tử phải đông hơn nhiều, ít nhất là với sắc dân Thái, có lẽ đại đa số theo PG Nam Tông, vì đi đâu trong đặc khu cũng nhìn thấy

người dân có xâm chữ trong Kinh Phật trên cổ, vai, lưng bàn tay, cổ tay, cánh tay….

Phật Giáo Nam Tông tại Trung Quốc như thế chỉ ảnh hưởng khu vực biên giới gần Miến Điện và Lào. Nhiều thập niên trước, PG Nam Tông tại Trung Quốc cũng bị thiệt hại lớn trong thời kỳ đầu chủ nghĩa CS với cớ chống phong kiến, đập phá chùa chiền, bắt nhiều vị sư hoàn tục, trong khi sinh hoạt nghi lễ PG bị cấm. Khởi đầu đàn áp là cuối thập niên 1950s, nhưng cao điểm là Cách Mạng Văn Hóa, lúc đó nhiều kinh văn trên lá cũng bị đốt, chùa tháp điêu tàn trong toàn bộ khu vực PG Nam Tông tại Hoa Lục này. Ngôi chùa có tên The Xishuangbanna General Buddhist Temple, là ngôi chùa Nam Tông lớn nhất tại TQ xây từ thế kỷ thứ 8 lúc đó bị xóa sổ hoàn toàn, sau đó xây lại theo kiến trúc Thái Lan.

Và rồi sau Cách Mạng Văn Hóa, chùa mới cho xây lại, nhưng sự hồi phục của các sinh hoạt tôn giáo rất chậm. Chính thức, nhiều ngôi chùa được phép xây lại, nhưng chính quyền địa phương từ chối trả lại một số khu đất các ngôi chùa bị tịch thu thời Mao. Việc học Phật cũng chậm rãi, phần vì các cán bộ quan sát, nghi ngờ, phần vì kinh sách khu vực này viết bằng ngôn ngữ Cổ Thái (Old Dai language), kết hợp chữ Thái cổ thời pha trộn chữ Pali – nghĩa là, những gì các cán bộ không hiểu, vì cán bộ từ thế giới rất khác của tiếng Hán.

Nhưng chữ Cổ Thái cũng chính là căn cước Phật giáo Nam Tông, là tự hào về nền văn minh cổ thời của dân trong Đặc Khu Xishuang-banna.

Trên đường phố Jinghong, thậm chí ngay trên khu vực làng mạc êm ắng ở Manzhang, dễ dàng nhìn thấy ảnh hưởng Phật Giáo Nam Tông trên làn da cư dân: nhiều người, già lẫn trẻ, nam lẫn nữ, xâm trên da từ cổ trở xuống các câu kinh Phật bằng ngôn ngữ hình tượng của họ. Người thường có khi không hiểu hết các câu kinh Phật đó trên da họ, hiểu tận tường chỉ là các vị sư trong Xishuangbanna và dọc biên giới Thái Lan và Miến Điện.

Phật giáo Nam Tông tại TQ đang gặp nan đề là thiếu tăng sĩ. Trung bình tại Vân Nam, cứ hai ngôi chùa PG Nam Tông chỉ có một nhà sư. Vì thiếu tăng sĩ, nhiều chùa phải đóng cửa, chỉ trừ trong các ngày lễ lớn của Phật giáo. Hiện nay thống kê cho thấy 18.8% các ngôi chùa trong khu vực Xishuangbanna Prefecture là "chùa trống" (nghĩa là, chùa không có tăng sĩ ở trong). Tại các thị trấn Pu'er và Lincang, tỷ lệ chùa trống là 40%. Trong khi đó, tại Dehong Prefecture, tỷ lệ chùa trống là 90.1%, và tại Mang City, 98.2%.

Hãy hình dung tới con số 90% chùa không có sư, và hãy hình dung tới 98.2% chùa không có sư.

Các vị sư ngoại quốc từ Miến Điện và Lào thường được mời sang các chùa Vân Nam để làm các nghi lễ hay thuyết giảng. Tuy nhiên, chính phủ nhìn họ bằng cặp mắt không tin tưởng, bởi vì họ không được tin cậy về chính trị, không hiểu gì và cũng không ca ngợi gì về chính sách nhà nước TQ về xã hội chủ nghĩa, về thống nhất quốc gia và về hòa hợp sắc tộc.

Bên cạnh yếu tố chính trị và thiếu tăng sĩ, nan đề với PG Nam Tông ở TQ còn là thiếu ngân sách và thiếu Phật học viện. Mỗi năm, chính phủ TQ cấp ngân sách lớn để tân trang các ngôi chùa PG Tây Tạng và giáo dục các tu sĩ PG Tây Tạng; một phần cũng vì Tây Tạng bị Bắc Kinh xem như nơi nhạy cảm chính trị. Nhưng PG Nam Tông bị Bắc Kinh bỏ quên, vì cộng đồng tôn giáo này được Bắc Kinh xem là "nhóm dân thiểu số gương mẫu."

Bất kể quá nhiều dị biệt giữa sắc dân Thái và dân Hán tộc, sắc tộc Thái chưa bao giờ kích động ly khai. Ngay cả khi có người cùng sắc tộc bên kia các biên giới, sắc dân Thái tại TQ không hề bộc lộ ý định ly khai. Cũng vì không có vấn đề gì, cho nên Bắc Kinh không cấp nhiều ngân sách cho các ngôi chùa PG Nam Tông, trong khi cấp rất nhiều tiền cho các hoạt động của PG Tây Tạng.

Chỉ có 3 Phật học viện tại TQ dạy các môn học về PG Nam Tông. Nhưng cả 3 đều thiếu ngân sách. Thêm nữa, phẩm chất giáo dục lại kém so với các Phật học viện PG Nam Tông tại Thái Lan. Do vậy, ước mơ lớn của các học tăng trẻ là hoàn tất đại học tại một trong các đại học PG tầm cỡ thế giới ở Thái Lan, Đại học Maha-chulalongkornrajavidyalaya University hay Ma-hamakut Buddhist University.

Cũng từng có những cuộc nói chuyện về việc xây trường dạy ngôn ngữ Pali cao cấp đầu tiên ở TQ tại Vân Nam kể từ 2012, nhưng có không gì xúc tiến chỉ trừ việc mua một khoảnh đất.

PG Nam Tông tại TQ không thể là một tác nhân quyền lực mềm tại Trung Quốc. Do vậy chính sách nhà nước Bắc Kinh cũng không đặt trọng tâm vào Phật giáo Nam Tông như một công cụ chính trị quốc tế. Cơ chế cũng không cho cộng đồng PG Nam Tông vận động được gì tại Bắc Kinh. Điều này dễ hiểu vì TQ là nơi các vị sư phải được chính phủ chấp nhận mọi thứ, dù là xin đi du lịch ra hải ngoại hay thực hiện một nghi lễ tôn giáo đơn giản trong khi đang ở

hải ngoại. Và tình hình này thấy rõ sẽ còn như thế, kéo dài trong tương lai gần.

Thực ra cũng dễ hiểu. Chính phủ Bắc Kinh chú tâm vào PG Tây Tạng vì còn lo ngại sức lôi cuốn của Đức Đạt Lai Lạt Ma đối với người Tây Tạng trong và ngoài Hoa Lục. Bắc Kinh cũng chú tâm vào PG Bắc Tông vì xem như chiếc cầu để nối kết cộng đồng PG ở Đài Loan và ở các Phố Tàu khắp thế giới. Trong khi đó, PG Nam Tông không có sức mạnh mềm nào để Bắc Kinh bận tâm…

Xin được kết nơi đây với một bài thơ, được viết để tặng người bạn thân vừa mới xuất gia tại một ngôi chùa Nam Tông ở Florida. Một thời, bạn này hoạt động từ thiện, lập hội Vì Dân Foundation. Nhiều năm trước, trong một chuyến đi từ thiện ở Campuchia, bạn này bị người lạ đâm 3 nhát dao trọng thương. Việc từ thiện bây giờ bạn này đã bàn giao cho nhà văn Tưởng Năng Tiến. Bây giờ, bạn là Sư Minh Trí. Sau đây, xin có vài dòng thơ tặng sư.

Tiễn sư qua bờ kia

Ôm bình bát, sư đi
khắp mây trời đắp y
tiễn sư về góc núi
kiếp này mấy phân ly

Đứng ngồi đều vì dân
ngực còn đau dao đâm
nước mắt ngập ba cõi
Quan Âm hóa toàn thân

Một thuở ra đi vương lụy
chân mỏi hai bờ Sông Hằng
quay đầu mới hay Minh Trí
tóc rơi theo bụi bên đàng.

Trần Khải

VẪN THẦM THIẾT THA

Này em một dải giang hà
Mình rong chơi giữa Sa-Bà tháng năm
Có gì lưu luyến trong tâm
Vẫn thương muôn thuở vẫn thầm thiết tha

Này em nguồn cội sơn hà
Mình và muôn loại đều là cộng sinh
Tử-sanh một cuộc đăng trình
Cũng đồng một thể hữu tình với nhau

Mình đau vật cũng biết đau
Có cùng cảm giác, đỏ màu máu tươi
Một thời gian ngắn ở đời
Muôn loài cùng với con người tương thân

Ăn chay an lạc tinh thần
Sống đời hoà hiếu xa gần mến thương
Ăn chay bảo vệ môi trường
Sóng từ bi tỏa bốn phương đất trời

Này em nhắn nhủ đôi lời
Mấy mươi năm lẻ cuộc chơi hồng trần
Mỗi ngày lại một thanh tân
Kể từ quyết bỏ nợ nần máu xương

Niềm vui ở giữa con đường
Người và vạn vật vấn vương cõi này
Cộng sinh duyên nợ đã dày
Đã nhiều tương tác người hay chăng người

Một ngày mình lại rong chơi
Mẹ thiên nhiên với nụ cười hỷ hoan
Mai kia trời đất hãy còn
Tình thương chan chứa ở non nước này.

thơ

HIỀN NGUYỄN
Đồ Bàn Thành, 4/2018

The Story of the Followers of Non-Buddhist Doctrines

Dhammapada, Verses 268 & 269

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (268) and (269) of this book, with reference to some non-Buddhist ascetics.

To those who offered them food or other things, those ascetics would say words of blessing. They would say, "May you be free from danger, may you prosper and get rich, may you live long," etc. At that time, the followers of the Buddha did not say anything after receiving something from their lay-disciples. This was because during the first twenty years after the Buddha's attainment of Buddhahood, they were instructed to remain silent on receiving offerings. Since the followers of the Buddha were silent when ascetics of other doctrines were saying things, which were pleasing to their disciples, people began to compare the two groups.

When the Buddha heard about this, he permitted the Bhikkhus to say words of blessing to their disciples after receiving offerings. As a result of that, more and more people invited the followers of the Buddha for alms. Then, the ascetics of other doctrines remarked with disdain: "We adhere to the practice of the muni and keep silent, whereas the followers of Samana Gotama go about talking exuberantly in the eating places." On hearing those disparaging remarks, the Buddha said, "Bhikkhus! There are some who keep silent because they are ignorant and timid, and some who keep silent because they do not want to share their profound knowledge with others. Only one who has overcome evil is to be called a muni."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verses 268 & 269: Not by silence does one become a muni, if one is dull and ignorant. Like one holding a pair of scales, the wise one takes what is good and rejects what is evil. For this reason he is a muni. He who understands both internal and external clusters of clinging is also, for that reason, called a muni.

WISE

Silence alone does not make the fool wise.
Digging up truth, rejecting all unbeneficial,
understanding both worlds, one is called wise.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

Đối thoại Cha và Con gái

THANH THỊ

Mấy hôm nay, trời vào hè oi bức khó chịu lạ. Buổi sáng mà không khí cứ rít ráp, nực nội, sự cáu bẳn hẳn từ đó mà phát sinh thêm. Cũng vì tính cách không chịu ngồi yên một chỗ, lúc nào cũng kiếm việc gì đó làm, nay vì đi lại khó khăn, không tiện làm việc, dù cho việc nhỏ như lau nhà, quét sân cũng không dễ làm; ông già đứng ngồi không yên, chốc lát lại đi ra đi vào, đốt điếu thuốc lá, rít hơi dài rồi cứ trầm ngâm.

Nhìn gương mặt hốc hác, cháy nắng, vì bệnh mà buồn xo của ông, cô con gái lớn pha ly trà nóng đặt kế bên ông, rồi lấy trong tủ lạnh ra ly nước rau diếp cá xay tận tay đưa:

"Ba uống đi cho mát!"

Ông ho khan một tiếng rồi cầm lấy ly nước:

"Ừ, cảm ơn Cô!"

Uống ngụm nước mát rồi ông lên tiếng hỏi:

"Cô tính học xong rồi làm chi nữa?"

Cô con gái thủng thẳng trả lời:

"Thì con về chùa cầm tạp dề với chuông mõ!"

Nói xong cô liền cười khiến ông cũng tức cười theo. Ông lại nói:

"Cầm tạp dề với chuông mõ thì cần chi đi học mấy năm trời uổng rứa."

Cô kéo ghế ngồi bên cạnh ông rồi nói:

"Ba nói rứa cũng không sai, cầm tạp dề với chuông mõ thì không cần học cao cũng cầm được, nhưng người có học thì có thể cầm tạp dề đứng bếp nấu cơm mà cơm ngon hơn, cầm chuông mõ mà tiếng chuông mõ nghe thanh cao giải thoát hơn!"

Ông già lại rít một hơi thuốc lá khi điếu thuốc đã cháy hơn phân nửa:

"Cô nói vậy là sao? Ba không hiểu!"

Cô con gái rót cho mình ly trà rồi từ tốn trả lời:

"Thì ba thấy đó, người đời cũng học, người tu cũng phải học, học cả đời, có ai không học mà nên được đâu. Có người học trường lớp hẳn hoi, người thì chẳng cần trường lớp vẫn thành công sự nghiệp. Người tu cũng rứa, có người đi học từ sơ cấp, trung cấp, học viện, rồi cao học, mười mấy hai mươi năm, học xong lại ra làm việc trong giáo hội, cống hiến thời gian và sự hiểu biết của mình, dốc lực làm việc vì ý nghĩa 'phụng sự chúng sanh'. Cũng có người, chẳng đi học gì nhiều, chỉ ở chùa sớm tối kinh kệ, quét tước dọn dẹp, làm công việc trong chùa, rồi cũng xong một đời người. Nhưng ba biết không? Người tu họ không giống với người đời nhiều lắm. Người tu chú trọng chuyển hóa thân tâm, họ phải luôn kiểm thúc thân mình sao cho đúng oai nghi của người xuất gia, vì có những hành động, với người thế gian là bình thường, nhưng với người tu lại là việc đáng trách, không phù hợp. Ví dụ như, ngồi gác chân lên bàn, hút thuốc, nói cười lớn tiếng… những việc như rứa với người đời là bình thường chứ với người tu là bất thường à! Với nữa, tâm người tu thì phải nhu nhuyến, gặp chuyện bất ngờ thì cũng phải bình tĩnh xử lý chứ không la hét ỏm tỏi. Người tu phải rèn tâm từ bi trong mọi lúc, mọi nơi, đặt tình thương và sự buông xả lên trên hết."

Ông già lặng nghe cô nói hết rồi nói tiếp:

"Nhưng có người học nhiều về cũng đâu có làm việc, có người không đi học cũng làm việc từ thiện này kia quá trời đó Cô!"

Cô con gái lại nhấp ngụm trà rồi trả lời:

"Cũng có trường hợp đó chứ ba, nhưng mỗi người mỗi chí hướng, mỗi phát nguyện khác nhau. Trường lớp, bằng cấp là cơ hội để họ được học theo một chương trình cụ thể, được đào tạo bài bản và khoa học thì họ sẽ có phương pháp học và tự nghiên cứu, nếu sau khi học xong một cấp học nào đó, họ cảm thấy không cần thiết phải trải qua trường lớp mà muốn tự nghiên cứu thì cũng được thôi, nếu họ có ý chí và quyết tâm thì chắc chắn họ vẫn sẽ thành tựu pháp học của mình. Con vẫn cho rằng, người tu luôn cần phải học, mọi lúc mọi nơi và cả đời, vì

TRỞ VỀ MỤC LỤC

đối với giáo pháp Phật thì việc học một thời gian hay một đời người vẫn không đủ. Nhưng con vẫn rất trân trọng quý Thầy Cô không đi học qua trường lớp, chỉ quanh quẩn bên hiên chùa, làm việc quét dọn hay nấu cơm cho chúng, phục vụ chúng, vì nếu dụng tâm chân thật vào từng việc làm thì công đức không thể tính hết được vậy. Bản thân con nghĩ, vấn đề tu thì phải học nhưng việc qua trường lớp hay không đó là nhân duyên, phát nguyện của mỗi người. Con đường tu thành tựu ở chỗ chuyển hóa bản thân, nhưng cũng cần gieo chủng tử pháp vào trong nghiệp thức của mình, vì con đường thành Thánh, thành Phật đâu chỉ thể một đời được đâu!"

Ông già với tay để đầu lọc điếu thuốc đã tắt ngúm lên gạt tàn rồi lại với tay lấy ly trà, ông tiếp:

"Coi bộ rứa cô muốn học xong về chùa tự nghiên cứu thôi hả!? Hay đi học nữa đi, nghe nói đi du học tốn tiền dữ lắm, nhưng mà nếu cô thích đi thì ba hỗ trợ ít nhiều chi đó. Học cho biết, rồi cho bằng người ta!"

Cô con gái lần này không nhịn được mà cười lớn:

"Học cho hơn người ta chứ học bằng thì ăn thua chi!"

Ông già nghe cô tếu táo vậy lại cười lớn hơn:

"Ừa, thì học cho hơn!"

Nhưng rồi ông lại trầm ngâm:

"Cô tính không đi học nữa thiệt hả!? Hay đi trụ trì, giờ ba thấy quý Thầy Cô về vùng mình trụ trì rồi làm từ thiện dữ lắm!"

Cô con gái lại lắc đầu:

"Thôi ba ơi, con á, nguyện cả đời không trụ trì, không chùa chiền, không đệ tử. Cứ vậy thong dong nghiên cứu kinh sách, ai cần chi thì phụ giúp một tay, xong việc rồi thôi! Ba thử nghĩ coi, ai học xong hay tu một thời gian cũng lập chùa, trụ trì hết thì nước mình sẽ có bao nhiêu chùa? Với lại, người trụ trì phải thừa trí tuệ và sức lực, cũng như phước đức phải lớn mới kham nổi những khó khăn của một người lãnh đạo ngôi chùa. Người trụ trì phải hy sinh rất nhiều, đôi khi những chuyện trái ý nghịch lòng họ cũng phải làm đó, thẳng quá cũng không được, dây đàn căng quá sẽ đứt mà chùng quá thì gãy sẽ không kêu, trụ trì cũng như rứa đó. Con tự thấy mình tài hèn, sức mọn, thôi thì yên phận tu thân, dưỡng tâm, hết lòng với Phật sự chùa tổ, huynh đệ cần giúp chi thì giúp, thời gian rảnh rỗi còn lại chuyên tâm trao dồi ý chí, hun đúc tâm Phật, được rứa là mừng rồi!"

Ông già xoay người ngồi thẳng dậy trên chiếc ghế bố, ông suýt xoa cái chân đang bó bột của mình rồi tiếp:

"Ba thấy chừ họ làm từ thiện nhiều lắm á cô!"

Cô con gái rót thêm trà vào ly ông già và ly của mình rồi trả lời:

"Thì cũng nhiều thật, nhưng ai biết đằng sau đó là quá trời vấn đề. Đạo Phật mình cũng đề cao vai trò của phúc lợi xã hội, từ thiện, cứu tế, nhưng thời buổi hiện nay, người với người thường nghi hoặc lẫn nhau, sự thiếu tin tưởng lẫn nhau dẫn đến việc từ thiện hay vận động này kia kéo theo bao hệ lụy. Con từng nói với vài vị thân quen và nhận đây cũng nói cho ba hiểu, lẽ dĩ nhiên con không thờ ơ trước hoàn cảnh khó khăn vì bệnh tật hay thiên tai, nhưng việc từ thiện và cứu tế hiện nay do vì người với người sống ít tin tưởng nhau, nên không khéo khi mình vận động lại mang điều tiếng. Con không sợ điều tiếng cho bản thân mà chỉ sợ điều tiếng cho tập thể cộng đồng Tăng thân, thôi thì nếu bản thân con có khả năng hỗ trợ hay giúp đỡ ai đó, con sẽ tự thân mình làm và âm thầm làm. Còn việc vận động giúp đỡ này kia, con sẽ không làm. Trừ những trường hợp vì ngôi già lam nào đó ở vùng quê nghèo, những vị tu sĩ ở đó sống đời phạm hạnh, vì cảm đức mến tài mà con sẽ gợi ý cho vài vị thân cận cúng dường gieo duyên, chỉ rứa thôi!"

Ông già tính quẹt điếu thuốc nữa nhưng cô con gái kịp thời nói:

"Ba đừng hút nữa, hút nhiều không tốt đâu, bệnh ba chừ là phải kiêng cử đủ thứ, chứ không là đi sớm à!"

Ông già nghe vậy bèn cầm ly trà uống rồi hỏi:

"Cô có bi quan quá không vậy? Ba thấy họ làm từ thiện rần rần mà!"

Cô cười rồi hỏi lại:

"Sau cái từ thiện rần rần đó ba thấy thêm được gì!?"

Ông già liền đáp:

"Họ được nhiều người biết đến hơn, cũng coi như nổi tiếng hơn."

Cô cười tươi tiếp lời:

"Ba thấy rứa thì hiểu rồi đó! Con không muốn nói nhiều về vấn đề này đâu."

Ông già bèn nói sang chuyện khác:

"Rứa khi mô cô đi!?"

"Chắc mai á ba," cô ngập ngừng trả lời.

Ông già làm thinh không nói gì nữa, mặt xịu xuống, buồn hiu. Cô biết nhưng đành im lặng, không biết nói sao với ông già. Việc học đang vào kỳ cuối, không ở nhà lâu hơn được. Mấy hôm nay, nhà có cô về, đi tới đi lui trong nhà, ông già đỡ buồn hẳn. Mai cô đi lại rồi, nhà rộng thênh lại vắng tanh. Ông già chống cặp nạng đi ra hiên ngồi tiếp, thầm buồn cho bản thân, già cả, bệnh tật không có con bên cạnh, suy nghĩ ấy cứ quấn vào ông không dứt. Ông bèn vọng vào nói:

"Hay cô xin nghỉ thêm vài ngày, ở chơi với ba thêm vài hôm."

Cô con gái nghe vậy bèn cười, trả lời:

"Buồn rồi phải không? Nghe con đi là ba buồn rồi chứ gì? Rứa mà có khi mô nghe ba nói thương con đâu hè!? À mà không được rồi, con vô đi học rồi còn thi cử tùm lum, ở chúng đi lâu vậy người ta quở chết!"

Ông già lại lặng thinh, không nói gì nữa. Bản thân ông biết cô con gái tu sĩ này

của ông chẳng quyến luyến gì gia đình, nghe tin ông bệnh chỉ về thăm cho tròn đạo hiếu. Cô giờ đã là người của muôn nhà, là con Phật rồi, có phải con của riêng ông nữa đâu, lại không có quyền đòi hỏi hay trách móc gì. Ông chỉ buồn một nỗi không tên của tuổi già, già lại hóa ra con nít, ưa có người thủ thỉ bên cạnh, rứa thôi!

Hôm cô con gái rời nhà trở lại chùa, trời mưa lất phất bay như năm nào, ông lặng thinh chống nạng tiễn đưa. Cô con gái lại pha trò dặn dò:

"Ba hút thuốc ít thôi, hút nhiều rồi chết sớm để của dượng ăn hết đó!"

Ông cười như mếu, bảo: "Ai ăn được của ba, ba để đó cho cô hết đó! Tùy cô xử lý."

Cô con gái lại cười, nụ ccười thường trực mà không nói lời nào, quay lưng đi. Mưa vẫn lất phất bay trong buổi chiều chập choạng, ông già lặng lẽ chống cặp nạng rồi di chuyển vào nhà, đến bên bàn thờ mẹ Quan Âm, thắp một nén hương, thầm khấn: "Cầu Phật, Quan Âm Bồ tát gia hộ cho cô con gái bướng bỉnh, trực tính của con chân cứng đá mềm, vượt qua mọi thử thách trên đường tu, thành tựu ý nguyện cao đẹp trong cuộc đời."

Không còn tiếng nói cười tinh nghịch và khuyến lơn, ông già lặng lẽ ngồi vào chiếc ghế bố, hướng ra cửa nhìn xa xăm, bên kia là núi, trước nhà mưa trắng xóa, mắt ông già bỗng nhòa đi trong mưa,...

Viết nhân ngày làm biếng,
Thanh Thị
3/6/2018

thơ

DẠO MÁT NỬA ĐÊM

Thiền sư hướng dẫn học thiền
Bao nhiêu đệ tử khắp miền về đây
Một anh chàng trong nhóm này
Đêm thường lén dậy chuồn ngay ra ngoài
Vượt tường xuống phố dạo chơi
Lang thang khắp nẻo dưới trời thong dong.
Một đêm đi kiểm soát phòng
Thiền sư thấy một giường không có người
Vắng đi một đệ tử rồi
Nhìn quanh sư thấy ở nơi sát tường
Ghế cao kia để sẵn sàng
Giúp người đệ tử dễ dàng leo qua,
Sư bèn dời chiếc ghế ra
Tự mình đứng thế vào, và lặng yên.
*
Sau khi thỏa thích chơi đêm
Anh chàng quay trở về thiền viện ngay
Trèo tường xuống phía ghế này
Nào hay sư đã đứng thay đó rồi,
Trèo đầu thầy nhảy xuống thôi
Xuống xong mới biết! Chao ơi! Muộn phiền!
Thế là lộ việc đi đêm
Nên vừa hoảng sợ, lại thêm bẽ bàng.
Thiền sư khẽ nói dịu dàng:
"Sáng nay lạnh lắm, sương giăng ngoài trời
Giữ gìn cho ấm thân người
Kẻo mà cảm lạnh! Nhớ lời nghe con!"
Vừng dương vừa ló đầu non
Anh chàng từ đó chẳng còn đi đêm.

TÂM MINH NGÔ TẰNG GIAO

(thi hóa phỏng theo Midnight Excursion
trong tập truyện văn xuôi 101 ZEN STORIES
của Nyogen Senzaki và Paul Reps)

Những vì sao

TN GIỚI ĐỊNH

Bầu trời trên cao xa, có đêm thì trăng sáng rực trần gian, chị Hằng như đang mỉm cười nhìn xuống trần gian, còn chú cuội bên cây đa đang thiêm thiếp ngủ; có bữa thì tối thui như đêm ba mươi, ngửa bàn tay không thấy. Lúc thì trời quang mây tạnh, mưa thuận gió hòa, khi thì phong ba bão táp, tàn hại thiên nhiên, phá bỏ biết bao công trình vĩ đại mà con người đã bỏ thật nhiều sức lực tiền của để xây dựng qua nhiều thế kỷ, nhiều triều đại. Nhưng dù sao đi nữa, trời đất có biến đổi, vũ trụ cứ xoay vần, chúng ta vẫn mang ơn trời đất đã cho mình đầu đội trời, chân đạp đất, mang ơn cha mẹ sanh thành dưỡng dục; mang ơn thầy tổ tác thành giới thân huệ mạng cho mình, để từ đó làm thêm thang bước lên đạo hạnh thanh cao, làm một con người cao cả hơn trên tất cả mọi chúng sanh đang hiện diện trên hành tinh này. Mang ơn những bạn hiền cùng sách tấn tu tập hoặc chia xẻ chân tình, giúp nhau những công việc trong đời sống thường nhật, mang ơn những người bạn có lúc làm mình đau lòng đến chảy nước mắt; mang ơn đàn na tín thí đã nhịn ăn nhín mặc hỗ trợ tứ sự cho hành giả an tâm tu tập; xin hồi hướng tất cả phước báu đến cho muôn loài ngạ quỷ, súc sanh đang chịu nhiều khổ đau trong chốn địa ngục.

"Tỳ Gia đêm nay người cứu tinh
Trần gian trăng sao ngàn lung linh
Ánh mai vừa chói ngàn tia sáng
Là đấng Như Lai hiện bóng hình."

Đức Thế Tôn Thích Ca xuất hiện trên thế gian là ánh hào quang rực sáng, chiếu rọi khắp nhân sinh, xua tan bao u minh đang ngự trị trong tâm hồn của chúng sanh từ vô lượng kiếp. Ngài là ngọn hải đăng cho những người đi trong đêm tối không sợ lầm đường lạc lối; là vị thầy hay chữa lành bịnh thân tâm cho muôn người; là vị cứu tinh của những con người đang bị ngược đãi bởi những kỳ thị sang hèn; giải tỏa những khổ đau của những vị vua vì tham quyền cố vị mà tàn sát tình thâm cốt nhục. Giải cứu, giáo hoá những kỷ nữ đi vào Phật pháp chứng được thánh quả, là vị cứu mạng của những đàn thú vật đang đến lò mổ, thiêu sống... Suốt một đời đem thân mạng mình phụng sự tha nhân mà không hề mong được đáp trả. Rồi một sáng tinh sương giữa hai cây Ta la nơi rừng Câu Thi Na… Đức Phật đã vào cõi vô dư tịch tịnh, pháp âm trong bài kinh Di Giáo vẫn là nền tảng để chư đệ tử hành trì tu tập sau khi không còn đức Như Lai trên trần thế.

Đức Như Lai như ánh sáng đêm rằm, soi sáng tâm hồn những ai có duyên trực tiếp hoặc gián tiếp được một lần thọ nhận không ít thì nhiều cũng có ích lợi cho thân tâm. Tuy Như Lai không còn hiện diện trên trần thế, nhưng giáo pháp bắt nguồn từ Ấn Độ vẫn luân lưu tuôn chảy qua các quốc độ, dù văn hóa phong tục địa phương, địa lý, có nhiều tông phái phát triển cách hành trì có khác nhau nhưng mục đích duy nhất là đưa con người tu tập đến chỗ tịnh hóa thân tâm, ví như trăm sông đều đổ về biển cả, giáo pháp Như Lai cũng vậy chỉ có một vị duy nhất là giác ngộ giải thoát.

Chư Lịch Đại Tổ Sư tiếp nối ngọn đuốc, Tổ Tổ tương truyền trải qua hơn hai mươi lăm thế kỷ, từ Tây Thiên qua Đông Độ đến Việt Nam các nước Á Châu như Thái Lan, Lào, Miến Điện, Campuchia, hiện tại Phật Giáo đang dần đâm chồi nẩy lộc ở các nước tây phương. Mỗi ngọn đèn, có diệu dụng khác nhau, có ngọn tỏa sáng rực, có ngọn hơi sáng, có ngọn lu lu nhưng tất cả có công năng xua tan màn đêm đen tối. Như các ngôi sao trên trời, có vì sao thì tỏa sáng như các ngôi sao bắc đẩu, nhưng có vì sao không được sáng lắm bởi những vầng mây bao phủ. Cũng tùy vào ngày tháng, như những ngày không có trăng thì sao toả sáng hơn, ngày có trăng thì ánh sáng trăng quá lớn, đã che bớt ánh sáng của sao, nhưng không vì thế mà diệu dụng của các vì sao bị giảm đi. Tâm tánh của mỗi chúng sanh cũng thế, ai ai cũng có sẵn bản tính Phật, có người nghe pháp liền tỏ ngộ, như các bậc Thanh Văn thời Đức Phật, nghe Như Lai thuyết pháp liền chứng thánh quả, các bậc Bích Chi Phật quán vô thường thấy hoa rơi lá rụng liền ngộ đạo, còn chúng ta vì nghiệp chướng sâu dày, vô minh bao phủ nên tỉnh đó liền mê, tuy hàng ngày đi nghe giảng nhiều nơi, tu tập nhiều chỗ, nhưng bản tánh tham sân si vẫn còn dẫy đầy. Đức Phật được tôn xưng là bậc *toàn giác,* còn phàm phu thì gọi là *phần giác,* nhưng dù nhanh hay chậm trong mỗi chúng sanh đều có sẵn viên minh châu phải nỗ lực chuyên cần mài rửa trau dồi nó sẽ rực sáng, còn nếu không thì mỗi ngày càng xa dần chơn tâm Phật tánh.

Chư vị Thầy Tổ chúng ta mỗi vị một hạnh không ai giống ai. Có vị thì du phương hành đạo, không kể ngày đêm cực khổ, sống rày đây mai đó, suốt một đời hy hiến thân mình cho đạo pháp không màng danh lợi, không khuất phục uy quyền. Có vị cả đời dịch thuật trước tác kinh sách, có vị vì hạnh nguyện độ sanh giáo dục đàn hậu học mà suốt đời đứng trên bục giảng rao giảng những lời vàng ngọc của Phật Tổ, đưa vô số Tăng Ni hiểu sâu vào Phật pháp, trang nghiêm tự thân, để từ đó chánh pháp được đi sâu vào thế gian. Có vị đào giếng đắp đường, có vị thì nhập thất tịnh tu, có vị nuôi trẻ mồ côi làm việc từ thiện xã hội, có vị thì chuyên lau chùi nhà xí, dọn dẹp chùa chiền, quét rác lượm củi, nấu cơm cho đại chúng dung, có vị phát nguyện nuôi chúng ăn học… nhưng mục đích duy nhất là tự thân mình nếm được vị ngọt của chánh pháp, rồi đem những gì mình đã đạt được đến cho chúng sinh để mọi người cùng hưởng pháp lạc an vui trong hiện tại cho đến tương lai. Nhưng các bậc tiền bối làm mà không trụ không chấp vào những việc mình đã làm nên dù có được tôn kính hay bị khinh chê ngược đãi các ngài vẫn không động tâm, không phải có người khen ngợi ca tụng mới làm nhiều, còn chê trách là bỏ bê lười biếng. Tâm của các vị như như:

"Trời trong cánh nhạn bay qua
Bóng in đáy nước xóa nhòa một khi
Nhạn không để dấu làm chi
Nước không giữ bóng bởi vì vô tâm."

Đọc lại hành trạng chư vị Phật, chư vị Tổ Sư chúng ta cúi đầu sát đất đảnh lễ, dù xả bỏ thân mạng cũng không đền đáp được công ơn sâu dày cao quý mà các Ngài đã gian nan tìm ra chân lý vi diệu. Tuy các Ngài đã đi vào cõi Vô Dư Niết Bàn nhưng công hạnh và đạo đức sáng ngời vẫn tỏa rạng trên nền trời Phật pháp, nuôi dưỡng bao thế hệ kế thừa vẫn không ngừng đâm chồi phát triển. Mạch nguồn phật pháp vẫn tỏa rạng tuôn chảy, cho dù có lúc hưng thạnh cũng có lúc suy vi theo vận mệnh nước nhà, nhưng Phật pháp là pháp bất định nên tùy theo hoàn cảnh, địa phương, tập quán, phong tục mà uyển chuyển cho thích hợp để tồn tại với thời gian.

Những vì sao luôn chiếu sáng tâm linh cho những ai nguyện bước theo con đường giải thoát, là ngọn hải đăng cho hành giả trên lộ trình tìm về bản lai diện mục của mình. Ôi những vì sao lung linh huyền diệu trên bầu trời trong xanh, nhưng thật gần gũi bên cạnh những hành giả chân tu thật học.

Xin thành kính đảnh lễ nguyện bước theo cho dù trên đường đi có thật nhiều chông gai thử thách, nguyện noi theo từ đây cho đến vô lượng đời vị lai, không bao giờ thối chuyển.

MỘT CHIỀU

Rừng chiều đọng bóng tà dương
Mây chiều nghiêng xuống tìm hương cuộc đời
Trời chiều một thoáng Ta-Người (*)
Tự tình hoa cỏ, nụ cười bình an.

Cánh chim bạt gió lên ngàn
Trăm năm còn một cung đàn thanh âm.
Người về từ miền xa xăm
Người đi từ bước thăng trầm cuộc chơi.

Đã đành vậy, vẫn đành thôi!
Tim chưa ráo lệ giấc đời còn say
Úp bàn tay, mở bàn tay
Mây giăng bóng núi mới hay sương chiều.

Ta về chạm hương tịch liêu
Bên thềm hoa cỏ diễm kiều sắc hương
Người cùng gieo hạt yêu thương
Cho trăm cánh mộng về phương trời hồng.

Đời mênh mông, Xuân mênh mông
Tiếng chuông cổ độ rót dòng thời gian
Nghiêng vai áo lụy sương ngàn
Trút hồn dâu bể, hoa vàng đong đưa.

Mái chùa trầm mặc sớm trưa
Tiếng chim thức giữa bốn mùa nước mây
Tịnh Tâm, rằng: ở nơi nầy
Cho phương hồng cỏ về đây một chiều.

thơ MẶC PHƯƠNG TỬ
Jacksonville, FL, tháng 4.2018.

(*) Tặng Toàn, Dũng, và quí PT chùa Tịnh Tâm.

Những cơn gió nồm

BẢO LỄ

Cứ mỗi độ gió nồm thổi về, mẹ tôi lại nhắc đến anh. Cái thằng thật hiền mà chết sớm!

Anh mỉm cười nhìn tôi từ tấm ảnh trên bàn thờ. Bây giờ, đã hơn ba mươi năm, tôi thay anh đóng vai người con trai đầu trong gia đình khi mẹ đã gần tám mươi. Tôi chẳng giúp được gì cho mẹ ngoài những lần trò chuyện giải khuây của mỗi lần về thăm nhà.

Tôi biết, mẹ bao giờ cũng thương con và tình thương ấy được chia đều khi chúng còn nhỏ dại. Đến khi chúng lớn lên, mỗi đứa mỗi ngả, mỗi đứa có mỗi sự nghiệp khác nhau thì tình thương như đã vẹn toàn mãn nguyện. Thế mà, mẹ vẫn còn âu lo trăn trở khi thấy đứa con của mình vấp ngã đau buồn.

Nhớ có lần, anh tôi từ chiến trường Quảng Trị trở về với cái chân khập khiểng, máu bết thâm nâu ở ống quần rằn ri xanh đen loang xuống chiếc giày Bốt-đờ-sô rách nát hở miệng. Anh cười nhăn nhó khi bước vào nhà. Mẹ tôi sững sờ, nắm lấy tay anh mà nước mắt lưng tròng "may mà còn lành lặn."

Cái thuở nhỏ sao lắm giận hờn và hiểu lầm. Anh em tôi thường đùa nhau ở bãi cỏ xanh cuối xóm. Đá banh đến bể mắt cá chân vì không có banh da phải thay bằng cái lon sữa bò! Cởi ngựa bằng lá dừa, bắn súng bằng ống đu đủ, phóng phi tiêu bằng sóng lá. Miệng đi đùng tiếng súng trong khi chiếc trực thăng cứ đánh vòng quanh trên đầu. Trò chơi không chán đến giờ cơm mẹ kêu về. Có lúc, anh em tôi trốn bữa cơm ra sông tắm, chia sớt nhau từng con tép nướng khi vừa vớt được dưới chân những nhà sàn và cùng chia nhau năm roi phạt trên chiếc đi-văng khi lén lút trở về nhà.

Thương quá anh tôi! Thời buổi chiến tranh. Tuổi động viên khi anh vừa lên lớp mười một chưa kịp thi Tú tài một! Lon Trung sĩ Đồng Đế đặt trên vai người con trai mới lớn trẻ măng râu mép chưa kịp bén. Ly cà phê vội vã, điếu thuốc Capstan chưa quen hơi, sặc sụa, nước mắt. Anh khóc, "ở nhà ráng học, đừng đi lính, khổ lắm, chết lúc nào không hay, ba má buồn," anh dặn dò tôi bên chiếc xe đạp ngoài cổng quân trường tận Nha Trang xa xôi kia.

Anh có người yêu. Chị ấy tên Duyên, người hàng xóm, học cùng lớp. Chị ấy khá kiêu ngạo với má lúm đồng tiền trong khi anh tôi lại hay rụt rè nhút nhát "nhìn theo bóng dáng nàng qua hàng rào rợp lá quấn xanh." Lúc anh lên đường, chị ấy gởi cuốn vở trăm trang và cây bút mực Alpha để viết thư tình. Ngày anh về mang theo giấy phép "thương binh" là lúc chị ấy chia tay anh để làm dâu xứ lạ. Hai mươi mốt tuổi, trẻ măng! Tôi ghẹo anh "Sá gì một nải chuối xanh, ba bốn kẻ giành cho mủ dính tay." Anh buồn rười rượi. Niềm vui còn lại của thời trai tráng xem như mất đi một nửa y như đang xem phim lưng chừng bị đứt.

Tưởng như xong, trình diện lại, người ta đưa anh ra pháo binh đóng tại đồi Đức Mẹ ở Pleiku. Nghe tin tôi đi vào đại học, anh mừng đón tôi trong cái quán cà phê thênh thang ở xứ đồi cao nguyên lạnh buốt. Cái lạnh se sắt không tả được, lạnh đến thấu xương. Những con trốt xoay quần nhau lên xuống đồi tựa như lũ trẻ con chơi đùa không mệt mỏi. Anh chỉ tôi cô gái chạy bàn trạc tuổi mười bảy rồi ra câu đố tên họ cô ta bao nhiêu chữ? Nguyễn Thị Lóng Lánh Như Ánh Bình Minh! Anh tự trả lời rồi phá lên cười. Trông anh dạo ấy xanh xao và buồn buồn sao ấy. Anh hỏi thăm ba mẹ, mấy đứa em. Tôi trả lời khá cặn kẽ để anh vui lòng. Chiến sự càng nóng bỏng. Anh than thở "đánh nhau làm chi cho xác thân rũ rượi, thân chúng điêu tàn." Tôi hỏi anh buồn có làm thơ? Anh tặng: "Lấy nón đồng hứng một đống thi nhân." Ừ, một đống thi nhân. Tuổi trẻ rời nhà trường, tiếng yêu thương nhường lại bằng tiếng réo gọi qua máy truyền tin "chim sẻ gọi đại bàng, dế mèn gọi gà trống." Đêm về, hai anh em tôi chẳng thể chợp mắt. Mong sao chiến tranh "tan hàng" để anh trở về nguyên vẹn. Những ngọn lửa bùng hăng hăng mùi thuốc súng bắt lên từ viên thuốc bồi to đùng bằng ngón tay cái làm cái bi-đông sắt sôi lên ùng ục. Vẫn cà phê. Làn khói thuốc lá lưng lửng bao quanh cái lô-cốt dựng bằng bao cát mập mờ trong ánh đèn lấy ra từ những tép pin mỏng dính. Đâu đó, tiếng pháo vọng về phía bên kia núi. Anh vỗ về tôi ráng ngủ, mai về dưới rồi, biết chừng nào gặp lại.

Chiến tranh, hậu quả của lòng tham con người. Mẹ tôi mất anh như nhiều người mẹ khác trên cõi đời này và tôi mất anh như nhiều người em khác trên cõi đời này.

Anh vẫn mỉm cười nhìn tôi từ trên chiếc bàn thờ trên cao kia. Xác anh không tìm thấy trong cơn loạn lạc.

Bao nhiêu năm đã qua, gió nồm cứ lại về. Mưa ngắn dài như nước mắt mẹ tôi…

VU LAN VÀ BA MẸ

Vu Lan nhớ Mẹ thương Ba
Tình sâu nghĩa nặng đậm đà song thân
Tình thương Ba Mẹ trong ngần!

GIÀU NGHÈO

Ta còn nghèo nhưng không nghèo tình nghĩa
Sống xẻ chia thời lượng, chút tình
Hãy san sẻ những gì bạn có
Dù nụ cười hay lời nói trung trinh

Ta còn nghèo nhưng đừng nghèo phẩm chất
Sạch và thơm từ lời nói đến việc làm
Xin hãy cho vì khi cần thì nhận
Đời tương quan như hơi thở thân tâm
Ta còn nghèo xin đừng nghèo tình nghĩa!

GIỮA ĐƯỜNG

Có những bà mẹ nằm lăn giữa phố
Bỏ con năm côi cút cạnh bên
Ruồi bu, kiến đỗ lênh đênh
Nhân tình thế thái có tên là gì?

CÓ BÀ MẸ

Ôi Mẹ già
đen thui đen thủi
Tay run run đi giữa rừng xe
Đưa tay
xin
*cắc Rupee**
Mà nghe nước mắt
lâm ly vô thường.

** Tiền Ấn Độ*

CẢNH CHỢ CHIỀU

Em nằm giữa những hành lang
Anh đi thất thểu lang thang phố buồn
Chị buôn giữa bão
Mưa tuôn
Ai đi gieo hạt…
Chưa buông đã sầu
Cõi trần cơ cực chi đâu
Sinh linh vô số lo âu cuốc cày
Thì ra nhân quả mảy may
Mà sao nước mắt mặn cay thế này!

TRONG CON HẺM CHẬT

Cái hẻm nhỏ tẹo tèo teo
Mà bao kiếp sống vẫn đeo tháng ngày
Trẻ em bụi bặm loay hoay
Mua tần bán tảo đâu hay kiếp nghèo
Mười lăm tuổi bé tẻo teo
Em không biết chữ lại đèo thêm em
Tới gần mới nhận ra em
Là tôi kiếp trước đâu thèm tặng cho
Bây giờ đừng có đắn đo
Cho nhau vô ngại không so lòng người
Cho nhau một nụ cười tươi
Vì cho và nhận rạng ngời chân như!

TA THẤY EM

Kẻ du thủ rong chơi trên xứ lạ
Sau thuyết trình mang chánh niệm vào đời
Ai chở mộng đi về miền đất hứa
Thấy xanh xao thân xác lũ em thơ
Thấy mẹ gầy, chị đen thủi trơ vơ
Ôi bụi bặm với người xe đông đúc
Ta cứ ngỡ người như sông có khúc
Ai bơ vơ xô dạt bến sông Hằng
Ta thấy thần thấy thánh cũng bất năng
Theo gót Phật thấy trần gian mộng mị
Bao trầm luân bao đau khổ lâm li
Thì mới ngộ ra con đường Trung Đạo
Ta thấy Phật trong em qua diện mạo
Ta thấy ta qua mưa gió cuộc đời
Ta thấy người có Phật tánh muôn nơi
Ta thấy cả hư vô trong khóe mắt.

NGỒI ĐÂY ĐẤT TỊNH

Ngồi thiền trên mảnh đất thiêng
Nghe đâu vạt nắng nghiêng nghiêng vô thường
Vai tròn còn đọng hạt sương
Hơi đều thở nhẹ tỏa hương ngát lòng.

KHÔNG KHÔNG – SUNYATA SUNYATA

Tưởng rằng cõi có là không
Cõi không là có có-không bạt ngàn
Bây chừ sông núi rõ ràng
An vui tự tại buộc ràng chi mô!

thơ BẠCH XUÂN PHẺ

Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.

MẮT NGHIỆP LỰC

Có một vị trời và một con quỉ cùng đến cõi Sa-bà để làm phận sự riêng của mình. Một hôm họ đi qua một vùng đất và nghe người xứ ấy ca tụng:

- Nước trong vắt, băng tuyết tinh khiết quá!

Vị trời bảo:

- Ấy toàn là ngọc lưu ly!

Con quỉ cãi rằng:

- Lửa cháy hừng hực không thấy sao?

Họ cãi nhau không ai chịu ai. Lúc ấy có một vị La hán đến và ông ta nói:

- Các vị nhìn bằng con mắt nghiệp lực riêng nên chẳng đồng nhau.

Vừa dứt lời thì trên hư không hoa Mạn Thù Sa bay phất phới.

ĐỔ THỪA

Giáo pháp của bổn sư truyền thừa đã mấy ngàn năm, vì tính khế cơ nên khi truyền đến đâu thì dung hoà với đặc điểm của bản xứ. Ấy vậy mà thỉnh thoảng cũng xảy ra tranh cãi, phái lớn thì bảo:

- Các vị thủ cựu quá làm cản trở sự phát triển.

Phái nhỏ thì nói:

- Các vị lợi dụng chữ phương tiện, làm biến dạng và suy đồi chân lý.

Thế rồi môn đệ hai bên cũng theo thầy tổ mình mà chê bên kia. Có một vị học giả cười:

- Xưa nay có hai phái: Tiểu Thừa – Đại Thừa, giờ thêm phái: đổ thừa.

HẮC SỞ

Quan vốn tham lam và tàn độc lắm; tìm mọi cách tận thu tiền bạc, sản vật của dân chúng. Ai ai cũng oán hận, họ gọi chỗ quan ngụ là hắc sở. Ngày kia có con rắn bò vào, y sợ lắm hò hét gia nhân:

- Rắn độc, đuổi nó ra mau!

Đám gia nhân quýnh quáng, lúc ấy có một vị du sĩ ghé hắc sở thấy vậy nên cười nhạt:

- Rắn ngoài cắn cùng lắm chết một lần. Ba con rắn độc trong tâm thì nó làm cho quan đọa vĩnh kiếp đấy!

Không biết quan giận hay tỉnh mà run rẩy túa mồ hôi.

ĐỦ MÂM BÁT RỒI

Nghe triều đình xuống chiếu kêu gọi:

- Quốc gia cần người tài, ai có khả năng hãy ra xây dựng quốc gia!

Y tưởng bở bèn nộp cả chục bộ đơn, nộp xong chờ hoài mà không thấy, đi tới lui thăm hỏi nhưng chỉ nhận được trả lời chung:

- Biên chế đủ rồi, hãy đợi khi trống chúng tôi sẽ kêu.

Y về buồn hiu, lòng mang mang nhiều nỗi ngờ vực:

- Lẽ nào…?

Lão ngộ láng giềng sang chơi cười tủm tỉm:

- Nhất thân nhì thế tam tiền tệ thứ tư trí tuệ, cậu nằm trong nhóm nào? chiếu đủ mâm bát rồi chen sao nổi?

HẮC BÀI

Y nhập bổn bang cũng đã mấy mươi năm, nắm tay hòm chìa khóa một phương nên mặc sức ăn chơi phá tán, tàn hại rất nhiều. Ngày về hưu những tưởng an phận nào ngờ lại giở trò đối bại với em bé láng giềng. Quan toà vốn đồng đảng nên cũng miễn cưỡng lắm. Y dọa:

- Ta có hắc bài! xử ta tức bôi nhọ triều đình, làm nhục bổn bang!

Quan tòa tha bổng, triều đình bèn dụ khị hứa trục xuất y. Dân chúng sục sôi nói:

- Ấy chết, cứ để y trong bang. Y về với dân thì chúng tôi chịu sao thấu!

ÂM BINH BẬT PHÙ THỦY

Hồng long và bạch hùng đều là những kẻ bá đạo cả, chúng tranh ngôi bang chủ nên đả nhau ra trò. Đại bàng bàn với bộ sậu:

- Dùng thằng đầu bò trị đầu bò.

Thế là từ đó dung dưỡng hồng long, nhường nhịn nó tối đa… Ngày kia bạch hùng bại xụi. Những tưởng thế giới bình an nào ngờ còn nguy hiểm hơn. Hồng long trở thành một thứ quái thú kỳ lạ, nó tham lam vô độ và hung hãn vô cùng. Đại bàng cũng phải sợ nó, thiên hạ bảo nhau:

- Phù thuỷ dưỡng âm binh, âm binh bật phù thuỷ!

VÂN ĐỒN TRANG

Bọn họ là dân du mục, rất thiện chiến cỡi ngựa bắn cung. Họ tung hoành khắp thảo nguyên, chinh phục gần hết đất thiên hạ nên tự hào:

- Vó ngựa bọn ta đến đâu ở đấy cỏ không mọc lại được!

Ngày kia kéo xuống Nam phương nghĩ sẽ quét sạch trong một buổi. Nào ngờ đại bại phải rút về. Đầu mục trị tội bọn tướng, chúng nó tâu:

- Từ Vân Đồn trang, bọn Nam man xuất kích đốt sạch thuyền lương nên ra nông nỗi này!

Gã đầu mục gầm lên:

- Thắng cả thế gian mà thua mảnh đất bé tí này những ba lần!

STEVEN N

Georgia, 7/2018

NHÂN TÌNH THẾ THÁI

Bao nhiêu năm ta kết duyên chồng vợ
Tuổi xế chiều chẳng lo sợ bà ơi
Hãy cùng tôi bước tiếp đoạn đường đời
Dù vấp ngã nhưng không rời tay nhé

Tuổi đã cao, con bỏ rơi cha mẹ
Chúng trưởng thành đủ lông cánh sẽ bay
Bà với tôi ăn rau cháo qua ngày
Nỗi vất vả không lung lay ý chí

Hãy chầm chậm bước đi... đừng suy nghĩ
Đã có tôi... đừng phung phí cuộc đời
Tóc đã bạc, sức khỏe yếu bà ơi
Nhưng tình nghĩa không buông lơi, phai nhạt

Tuổi trẻ giờ quen nhau trong chốc lát
Yêu dại khờ... bi đát lúc lìa xa
Sống u mê rồi buông thả quá đà
Lỡ một phút có lẽ là.... đã muộn

Ta đã già nên thực lòng không muốn
Nhìn cháu con, xã hội thấy muộn phiền
Nghèo mà vui, vợ chồng mãi đoàn viên
Còn hơn sống vì tiền quên tình nghĩa

Tám mươi năm nhìn đời tôi thấm thía
Có những người sống gác tía lầu son
Nhưng hằng đêm giấc ngủ cũng chẳng tròn
Ôm tiền bạc mà héo hon thân xác

Bà thấy không cuộc sống giờ loạn lạc
Bắn giết nhau... thật kinh ngạc quá chừng
Cũng là người... sao mà thấy dửng dưng
Vô tư bước xin bà đừng dừng lại...

Ta phận nghèo nhưng giàu lòng nhân ái
Gieo nhân nào ắt gặt quả ấy thôi
Bà với tôi bên nhau mãi không rời
Niềm hạnh phúc đời này tôi trân trọng...

Hãy cười tươi vượt qua bao ghềnh sóng
Hai chúng ta đã nghiêng bóng xế chiều
Mong một ngày con thức tỉnh... thương yêu
Chữ Hiếu ấy chính là điều quan trọng
Hãy đáp đền khi mẹ cha còn sống
Phận làm con hi vọng mãi khắc ghi
Bon chen ư... Cuối cùng sẽ được gì?
Thức tỉnh nhé... trước khi là quá muộn!

thơ VÂN ANH TRẦN
(người con gai sông La)

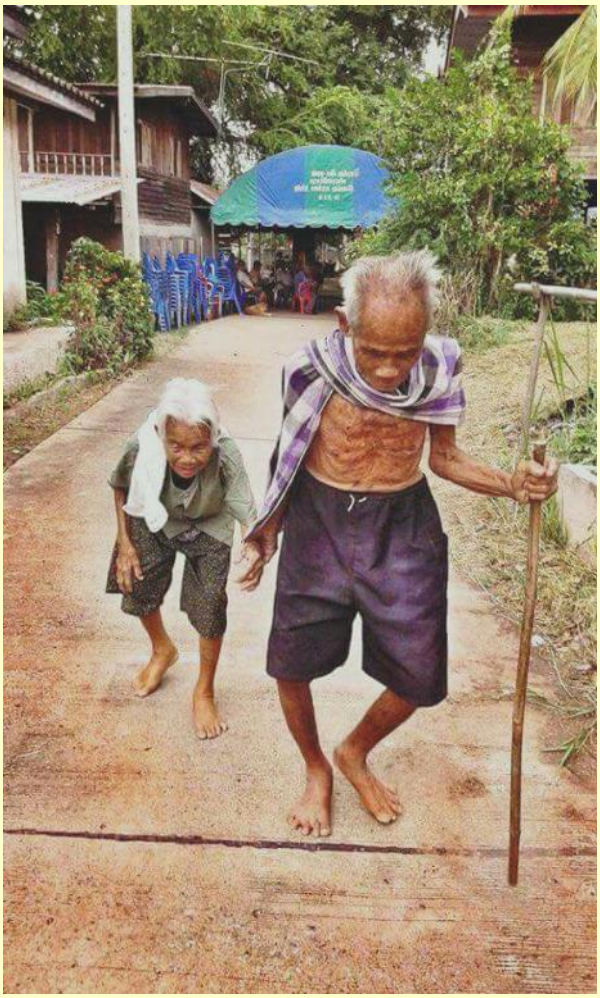

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa
(nguồn Internet)

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

GỎI CUỐN NGŨ SẮC CHAY

Món gỏi cuốn ngũ sắc vô cùng đơn giản, bởi nguyên liệu chủ yếu của món gỏi cuốn chay là rau củ quả tươi chưa qua chế biến nên thích hợp cho những ai ăn chay, ăn kiêng.

Nguyên Liệu

-1 trái bơ
- 1 củ cà rốt
- 1/2 bắp cải tím
- 3 miếng đậu hũ
- 1 xấp bánh tráng cuốn
- 1 mớ rau xà lách, rau mầm
- 1 muỗng canh tương hột
- 50 g đậu phộng rang
- 1 muỗng cà phê mè rang,
- 1 muỗng cà phê bột năng
- 1 muỗng cà phê muối
- 1 muỗng canh dầu ăn
- 1/2 muỗng cà phê bột bột nấm
- Ớt, tỏi

Cách làm

- Rau củ rửa sạch, cà rốt cắt mỏng, dài. Bơ bỏ vỏ cắt miếng dài. Đậu hũ cắt mỏng chiên vàng. Bắp cải tím cắt nhỏ.
- Làm nước chấm:cho tương hột, đậu phộng rang với nửa chén nước vào cối xay nhuyễn. Bắc chảo với một muỗng canh dầu phi thơm hành tím rồi cho hỗn hợp vừa xay lên với một muỗng canh đường, một muỗng cà phê muối, nửa muỗng bột ngọt nấu sôi. Hoà một muỗng cà phê bột năng với chút nước đổ lên đảo đều cho nước chấm hơi sệt.nêm vừa ăn. Múc nước chấm ra chén thêm tỏi, ớt đậu phộng rang giã dập và mè rang.
- Cuốn gỏi cuốn: Trải bánh tráng có thấm chút nước ra mâm lần lượt cho rau củ, quả và đậu hũ lên rồi cuốn lại.

– Ăn chay với món gỏi cuốn này chấm với nước chấm tương hột và đậu phộng thì sẽ rất tuyệt.

(Nguồn: cookpad.com)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Bên Tình bên Hiếu

ĐỒNG THIỆN

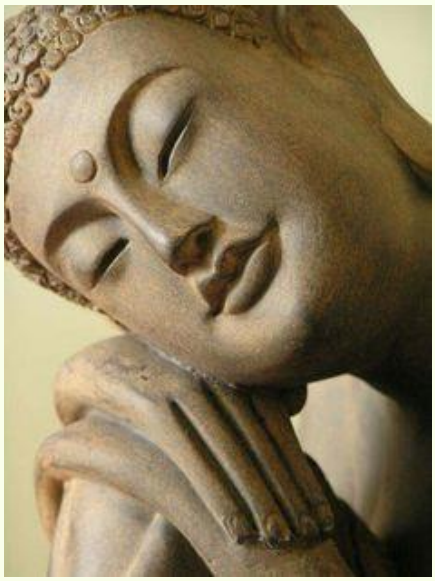

Sang vừa ăn vừa kiểm tra tin nhắn thì thấy:

"Anh Ba, mẹ bệnh trở lại, hai chân đau lắm đi không được."

Miếng cơm nuốt chưa trôi, Sang nghe đắng cả lòng mình, thương mẹ lắm nhưng biết làm sao bây giờ? Tháng năm đang bào mòn sức khoẻ của mẹ, tuổi già đang từng ngày tiến triển không ngừng. Cái quy luật sinh-lão-bệnh-tử rồi ai cũng phải trải qua… Sang cố gắng tìm hiểu và mua những loại thuốc tốt gởi về cho mẹ. Sống xa quê không mấy khi về được. Cuộc sống cơm áo nặng nợ, nhân duyên ràng buộc… Dù gì thì cũng có chút tiền, thuốc men gởi về cho mẹ, nếu về thì biết sống bằng gì? Không lẽ mẹ con ôm nhau ngồi khóc sao? Sang bảo em gái:

"Em ráng chăm sóc, đỡ đần mẹ. Anh kiếm tiền mua thuốc cho mẹ chứ giờ anh về thì càng khó khăn hơn."

Thủy cũng đồng ý với Sang:

"Anh yên tâm đi, em chăm sóc mẹ được mà."

Mười mấy năm trước Sang lên thành học rồi lấy vợ ở lại luôn. Ai cũng khen:

"Chuột sa chĩnh thóc, lấy vợ trên thành, nhà cửa đầy đủ."

Ban đầu Sang cũng vui, cũng nghĩ như vậy nhưng chẳng bao lâu thì vỡ mộng. Vợ Sang vốn trùm sò có hạng, lại thô lỗ, ỷ có tiền không coi bên chồng ra gì. Từ ngày Sang ở rể đến giờ, anh chưa một lần đưa mẹ lên nhà chơi lần nào. Anh tha thiết muốn đưa mẹ lên chơi nhưng vợ anh tìm mọi cách cản trở. Vợ anh không muốn mẹ anh đến nhà cô ta. Sang đau lòng lắm, anh kẹt giữa tình-hiếu hai bên không biết làm sao cả; cứ cù nhầy mãi đến tận bây giờ. Sang chỉ biết âm thầm tiết kiệm chi tiêu của bản thân để gởi về cho mẹ.

Sang thương mẹ muốn làm tròn chữ hiếu nhưng hoàn cảnh thật éo le. Những buổi tan sở, Sang thường ghé vào ngôi chùa quen thuộc để cầu nguyện cho mẹ. Mong Bồ Tát gia hộ cho mẹ. Sang nhớ ngày xưa khi còn ở dưới quê, mẹ vẫn thường đập đầu cá lóc nấu canh, khi thì bẻ cua, tuốt lươn… làm những bữa cơm ngon cho cả nhà. Sang nghĩ: "xương cốt mẹ đau vì tuổi già, vì sự suy hao của tứ đại ấy là lẽ thường tình nhưng biết đâu cũng có phần của nghiệp, những con vật ngày xưa chết oan, chúng tìm đến đòi nợ…" Sang suy diễn như thế vì nhớ đến câu chuyện của Thế Tôn. Hồi Thế Tôn còn tại thế, ngài vẫn thường bị nhức đầu. Ngài quán sát thì biết nguyên do trong quá khứ ngài từng lấy cây gõ đầu một con cá lớn (trong khi ấy dân làng đang xẻ thịt nó). Tiền nhân thế nào thì hậu quả thế ấy! Sang thương mẹ, chàng thì thầm:

"Mẹ ơi! Vì chúng con mà mẹ giết những con vật ấy để làm thức ăn, bây giờ có thể chúng đòi nợ trên thân mẹ."

Sang hết lòng niệm Phật cầu nguyện cho mẹ. Sang mong hoá giải sự oán kết giữa mẹ với chúng. Cầu nguyện là một việc, mặc khác về thể xác thì tìm thuốc hay để trị, những viên thuốc từ các nước có trình độ khoa học cao đã phần nào có tác dụng. Bệnh khớp của mẹ thuyên giảm chút ít và sau đó thì ngưng lại ở mức độ đi được mặc dù không được nhiều, kể từ đó bệnh cầm chừng không tiến triển nữa. Sang cũng mừng thầm:

"Thuốc tra ma cầu, vậy là cũng có chút hiệu nghiệm đấy!"

Sang không về được nhưng mỗi cuối tuần Sang đều gọi điện về cho mẹ, ngồi hàng giờ lắng nghe mẹ tâm sự. Sang cũng khuyên mẹ cố gắng niệm Phật. Mẹ sang thương con, biết hoàn cảnh ở rể của con, lòng bà xót xa lắm. Láng giềng vẫn thường hỏi:

"Sao bà không lên thành ở chơi với con cháu một thời gian?"

Bà đỡ lời cho con:

"Tui già rồi, bệnh tật đau yếu hoài vả ạii ở quê đã quen lên thành chịu không được đâu."

Láng giềng rồi cũng dần quen, không còn ai thắc mắc gì nhưng thực ra trong tâm mọi người vẫn ngờ vực:

"Bà ấy noí thế thôi, thực ra chắc có vấn đề ấy trong gia đình. Ai đời có con ở trên thành mà suốt mười mấy năm không hề đưa mẹ lên chơi dù chỉ một lần!"

Thủy nghe xóm giềng xì xào như thế và báo cho Sang biết. Lòng Sang nhức nhối và càng thương mẹ hơn. Mẹ hy sinh cả đời cho con, cho đến những lời đàm tiếu của người đời mẹ cũng gánh chịu thay cho con. Mắt Sang cay cay như muốn khóc.

Chiều hôm ấy Sang vào chùa lạy Phật. Tạ ơn Phật gia hộ cho mẹ. Tạ ơn mẹ suốt một

đời nuôi dưỡng hy sinh cho con. Sang thấy mình bất hiếu quá, chỉ vì vợ mà không làm tròn bổn phận làm con của mình. Mẹ sang thấu hiểu nên nhiều khi gọi điện về mẹ vẫn nhắc:

"Mẹ già rồi, không muốn đi đâu cả, đừng lo cho việc đưa mẹ lên thành. Dù không có bệnh mẹ cũng không đi. Lâu lâu rảnh rỗi thì chạy về chơi là mẹ vui rồi."

Sang dạ và cố giấu tiếng nấc trong lòng. Mẹ vĩ đại biết bao, không biết vì nhân duyên thế nào mà vợ mình đối xử với mẹ như thế? Sang biết vợ nặng tiền bạc nhưng chắc chắn có nhơn duyên sâu xa nào đấy! Sang đã nghĩ đến chuyện bỏ đi nhưng thương hai đứa con, làm thế thì gây thêm đau khổ, xáo trộn cho hai đứa trẻ vô tội. Mẹ cũng biết tâm sự anh nên nhiều lần khuyên:

"Con đừng bận tâm vì mẹ nhé! Hãy đối xử tốt với vợ và chăm sóc hai cháu cho tốt là mẹ vui rồi."

Vì vậy mà anh từ bỏ ý nghĩ đó đi. Anh sống dằn vặt giữa hai bên, cũng vì việc khổ đau này mà Sang sinh tâm tu học. Anh quay về với Phật pháp, tìm đọc, nghe pháp… thực hành tập thiền, niệm Phật… Thấm thoát hai mươi năm trôi qua. Mẹ anh ngày càng già thêm nhưng bệnh khớp dừng ở đấy không gây đau hay tệ hơn. Có thể một phần từ những viên thuốc Tây kia, cũng có thể oán kết giải được phần nào. Sư phụ dạy anh hồi hướng công đức cho khắp pháp giới, đặc biệt phải chú trọng đến oan gia trái chủ. Bảo cho họ biết giải kết thì đôi bên cùng có lợi, bằng không thì cả hai cùng khổ.

Tuần rồi em gái anh lại nhắn tin:

"Em đưa mẹ đi khám bệnh, bác sĩ bảo khớp chân của mẹ ổn định và tương đối tốt."

Sang sung sướng đến nhảy cẫng lên:

"Mẹ! con cũng chỉ mong thế mà thôi!"

GIỌT NẮNG THIÊN THU

Mười năm mẹ nằm hiu quạnh
Ngàn lau gió thổi vi vu
Hoa cau đầu mùa rụng trắng
Bờ xa lớp lớp sương mù

Cây vông đầu làng trốc gốc
Đâu đàn sáo nhỏ tập bay
Cơm chiều còn đâu mẹ nấu
Hết rồi bếp lửa hơ tay?

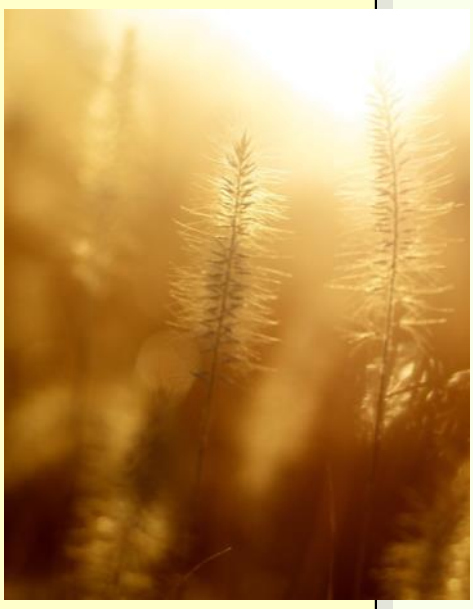

Mười năm điêu tàn bãi mía
Đâu làn khói tỏa song thưa
Con đi chân trời góc núi
Chao ôi! Nhớ mấy cho vừa?

Mười năm người đi không hẹn
Ngày về vắng bóng tin thư
Mười năm bèo trôi dạt bến
Giòng xa man mác đôi bờ

Cầu ao mẹ ngồi giặt áo
Gió về lay động cành tre
Tháng Tư lòng con chợt mát
Bát canh rau má trưa Hè

Mười năm gió đùa ngọn cỏ
Nhăn từng nếp trán xanh xao
Mười năm mẹ về với đất
Quạnh hiu giòng nước qua cầu

Mười năm vườn xưa lộng gió
Trưa Hè vắng bóng chim cu
Lớp rêu xanh rờn mộ chí
Nô đùa giọt nắng thiên thu.

thơ HỒ THANH NHÃ

(Trích thi phẩm *Giọt nắng Thiên Thu* đã xuất bản tháng 4-2009 – California)

Y KHOA PHỔ THÔNG

NHÃN HIỆU THỰC PHẨM

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Khi xưa, đi chợ các cụ ta thường dùng kinh nghiệm tính toán cá nhân để mua thực phẩm về nấu cơm gia đình. Nhà có bốn miệng ăn thì mua bây nhiêu lạng thịt, bấy nhiêu mớ rau, bây nhiêu cá... rồi về xào nấu ăn chung cả nhà, ngày hai bữa. Hãn hữu lắm mới có dư thừa thực phẩm sau bữa ăn mà cất vào tủ lạnh cho bữa sau. Vả lại lúc đó đâu phải nhà nào cũng có tủ lạnh. Một cái chạn bát, với một ngăn cho cơm thừa canh cặn là sang rồi.

Nấu một bữa cơm như vậy, các cụ đặt trọng tâm vào việc làm sao cho mọi người ăn đủ no và ngon miệng mà ít quan tâm tới số lượng calori, tới sinh tố, khoáng chất, tới mỡ béo. Vậy mà đa số các ngài vẫn khỏe mạnh, sống hạnh phúc với con cháu đầy đàn, nhà cửa khang trang.

Ngày nay, thì việc đi chợ cũng không thay đổi mấy và cũng dựa vào kinh nghiệm nấu nướng của người nội trợ để mua thức ăn cho đủ bữa. Tuy nhiên, do chủng loại thực phẩm đa dạng hơn, nhất là rất nhiều các loại thực phẩm được chế biến sẵn, đóng hộp... cho nên chỉ nhìn qua hộp thực phẩm thì không thể biết được là trong đó có những thành phần dinh dưỡng nào Muốn biết, cần phải dành ra một vài phút đọc nhãn hiệu trên bao bì. Căn cứ vào những chất dinh dưỡng được ghi trên bao bì, ta có thể lựa chọn được loại thực phẩm thích hợp với nhu cầu và tình trạng sức khỏe của mỗi người trong gia đình.

Từ những thực phẩm rất đơn giản như một gói mì ăn liền, cho đến các loại được chế biến, gia vị phức tạp như sữa hộp, chai tương đậu nành... đều có nhãn hiệu ghi rõ thành phần dinh dưỡng.

Tại Hoa Kỳ, luật bắt buộc các nhà sản xuất thực phẩm ghi thành phần dinh dưỡng trên nhãn hiệu bao bì đã được công bố và áp dụng từ ngày 8 tháng 5 năm 1994. Hầu hết các quốc gia trên thế giới ngày nay cũng đều có những quy định tương tự, mục đích là để bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng, giúp họ luôn biết được là mình đang chọn ăn loại thực phẩm gì, với thành phần dinh dưỡng như thế nào.

Ngoài thành phần dinh dưỡng, người mua cũng cần đến một số thông tin quan trọng khác như ngày tháng năm sản xuất và thời hạn sử dụng. Việc tiêu thụ thực phẩm quá hạn sẽ có thể mang lại nhiều rủi ro không lường trước, bởi vì nhà sản xuất đã tính toán mức độ an toàn khi xác đing thời gian này. Trọng lượng của món hàng, tên, địa chỉ nhà sản xuất , đóng hộp, và nhà phân phối cũng phải được gi rõ trên nhãn hiệu.

Nhãn phải được dán trên mọi thực phẩm đóng gói, đóng hộp, ngoại trừ thịt tươi, gà vịt, cá.

Hình thức và nội dung trình bày của các nhãn hiệu phải giống nhau, dù đó là món ăn nào để người tiêu thụ để dàng nhận ra. Chẳng hạn, nhãn hiệu của một hộp sữa phải giống như nhãn của lon cà chua.

Đọc hiểu một nhãn hiệu thực phẩm

Hầu hết các nhà sản xuất đều ghi thành phần dinh dưỡng của loại thực phẩm do mình sản xuất trên bao bì bằng tiếng Anh. Điều này có thể là do phần lớn các chất dinh dưỡng được liệt kê không có từ tiếng Việt tương đương, nhng một phần cũng là muốn tạo ra tính phổ cập cho sản phẩm, chẳng hạn như có thể bán cả cho những người nước ngoài hoặc có thể xuất cảng sang các nước khác cũng đều tiện lợi. Tuy nhiên, với những người tiêu dùng bình thường thì cần lưu ý đôi chút mới có thể hiểu được các nhãn ghi dinh dưỡng toàn bằng tiếng Anh này.Nhìn chung, trong một nhãn ghi thành phần dinh dưỡng có những điểm quan trọng như sau**: (hình Nuitrition Facts)**

Old Label

Nutrition Facts

Serving Size (60g) 1/2 cup
Servings Per Container 2

Amount Per Serving

Calories 110	Calories from Fat 20
	% Daily Value*
Total Fat 2.5g	4%
Saturated Fat 1.5g	8%
Trans Fat 0g	
Cholesterol 5mg	2%
Sodium 20mg	1%
Total Carbohydrate 21g	7%
Dietary Fiber 2g	8%
Sugars 14g	
Protein 1g	
Vitamin A 2% •	Vitamin C 2%
Calcium 2% •	Iron 2%

*Percent Daily Values are based on a 2,000 calorie diet. Your daily values may be higher or lower depending on your calorie needs:

	Calories:	2,000	2,500
Total Fat	Less than	65g	80g
Saturated Fat	Less than	20g	25g
Cholesterol	Less than	300mg	300mg
Sodium	Less than	2,400mg	2,400mg
Total Carbohydrate		300g	375g
Dietary Fiber		25g	30g

Calories per gram:
Fat 9 • Carbohydrate 4 • Protein 4

New Label

Nutrition Facts

servings per container 2
Serving size 1/2 cup (60g)

Amount per serving
Calories 110

	% Daily Value*
Total Fat 2.5g	3%
Saturated Fat 1.5g	8%
Trans Fat 0g	
Cholesterol 5mg	2%
Sodium 20mg	1%
Total Carbohydrate 21g	8%
Dietary Fiber 2g	7%
Total Sugars 14g	
Includes 8g Added Sugars	16%
Protein 1g	
Vitamin D 0mcg	0%
Calcium 18mg	2%
Iron 0mg	0%
Potassium 95mg	2%

*The % Daily Value tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.

Như đã thấy qua hình minh họa, thành phần dinh dưỡng của thực phẩm được liệt kê

bên dưới dòng chữ "*Nutrition Facts.*" Cần chú ý phân biệt với nhãn ghi "*Ingredients*" có nghĩa là thành phần nguyên liệu, những chất đã được sử dụng để làm thành loại thực phẩm đó, chẳng hạn như bơ, sữa, đường, bột ...

INGREDIENTS: ENRICHED FLOUR (WHEAT FLOUR, NIACIN, REDUCED IRON, THIAMIN MONONITRATE [VITAMIN B_1], RIBOFLAVIN [VITAMIN B_2], FOLIC ACID), CORN SYRUP, SUGAR, SOYBEAN AND PALM OIL (WITH TBHQ FOR FRESHNESS), CORN SYRUP SOLIDS, DEXTROSE, HIGH FRUCTOSE CORN SYRUP, FRUCTOSE, GLYCERIN, CONTAINS 2% OR LESS OF COCOA (PROCESSED WITH ALKALI), POLYDEXTROSE, MODIFIED CORN STARCH, SALT, DRIED CREAM, CALCIUM CARBONATE, CORNSTARCH, LEAVENING (BAKING SODA, SODIUM ACID PYROPHOSPHATE, MONOCALCIUM PHOSPHATE, CALCIUM SULFATE), DISTILLED MONOGLYCERIDES, HYDROGENATED PALM KERNEL OIL, SODIUM STEAROYL LACTYLATE, GELATIN, COLOR ADDED, SOY LECITHIN, DATEM, NATURAL AND ARTIFICIAL FLAVOR, VANILLA EXTRACT, CARNAUBA WAX, XANTHAN GUM, VITAMIN A PALMITATE, YELLOW #5 LAKE, RED #40 LAKE, CARAMEL COLOR, NIACINAMIDE, BLUE #2 LAKE, REDUCED IRON, YELLOW #6 LAKE, PYRIDOXINE HYDROCHLORIDE (VITAMIN B_6), RIBOFLAVIN (VITAMIN B_2), THIAMIN HYDROCHLORIDE (VITAMIN B_1), CITRIC ACID, FOLIC ACID, RED #40, YELLOW #5, YELLOW #6, BLUE #2, BLUE #1.

Có một vài danh từ cần giải thích thêm:

a- Serving size

Serving size là "*phần ăn trung bình*" cho một người. Trong vì dụ trên, thì phần ăn trung bình cho một người đực nhà sản xuất ước tính là 228g, và trong hộp sản xuất có chứa 2 phần ăn như vậy. Thành phần dinh dưỡng được phân gich dựa trên "*phần ăn trung bình*" này. Nếu nhu cầu của bạn cao hơn, bạn vẫn có thể ăn nhiều hơn mức 228g, nhưng điều đó cũng có nghĩa là bạn sẽ nhận được một lượng dinh dưỡng nhiều hơn là đã ghi trên sản phẩm.

b- Daily value

"*Daily value*" có nghĩa là giá trị dinh dưỡng cần thiết trong một ngày, tức là mức năng lượng và dinh dưỡng cần tiêu thụ để bảo đảm một cuộc sống khỏe mạnh và không thiếu hụt dinh dưỡng.

Theo khuyến cáo của các nhà dinh dưỡng thì nhu cầu năng lượng trong một ngày của chúng ta trung bình là 2000 đến 2500 Calori, với tổng lượng chất béo không quá 65-80g, chất béo bão hòa không quá 20-25g, cholesterol không quá 300mg... Tỷ lệ phần trăm được ghi trong bảng thành phần dinh dưỡng trên là dựa theo nhu cầu 2000 Calori mỗi ngày. Nếu bạn cần đến 2500 Calori thì có nghĩa là tỷ lệ phần trăm của mỗi chất dinh dưỡng cũng sẽ thay đổi tương ứng.

Như vậy, nhìn vào bảng ghi thành phần dinh dưỡng của sản phẩm trên, ta có thể thấy được tất cả những thông tin quan trọng về thành phần dinh dưỡng.

Ví dụ, nhìn vào mục năng lượng cung cấp (*calori),* chúng ta biết là mỗi phần ăn trung bình (*serving)* của loại thực phẩm này cung cấp được 250 calori. Trong số đó, ta cũng biết là có 110 calori được cung cấp từ chất béo. Nếu chúng ta quan tâm tới mức cholesterol, ta có thể nhìn vào mục ghi thành phần này, và biết là mỗi phần ăn trung bình của loại thực phẩm này có chứa 30 mg cholesterol, và số cholesterol này cung cấp cho ta 10% nhu cầu năng lượng trong ngày, tức là 200 calori.

Đọc hiểu thành phần dinh dưỡng ghi trên các nhãn hiệu bao bì thực phẩm là điều quan trọng trong việc chọn mua thực phẩm. Bởi vì nếu bạn có nhu cầu cao về một chất dinh dưỡng, hoặc cần hạn chế một chất nào đó trong thực đơn hằng ngày, bạn có thể tìm thấy những thông tin mình cần biết trên các nhãn ghi này.

Ý nghĩa các thành phần dinh dưỡng

1. Tổng số năng lượng và năng lượng từ chất béo

Năng lượng tiêu thụ của cơ thể được cung cấp qua thức ăn và được tính bằng số *calori*, chính xác hơn là *kilocalori (Kcal)*

Các nhóm chất dinh dưỡng chính như carbohydrat, đạm, chất béo đều có khả năng cung cấp năng lượng với những mức độ khác nhau. Chẳng hạn như mỗi gram chất béo cung cấp 9 calori, trong khi mỗi gram chất đạm hoặc carbohydrat chỉ cung cấp được 4 calori.

Theo khuyến cáo của các nhà dinh dưỡng, mức cung cấp năng lượng từ chất béo không nên vượt quá 30% tổng số nhu cầu năng lượng, và riêng chất béo bão hòa không nên dùng quá 10%. Phần còn lại cần được cung cấp cần đối từ chất đạm và carbohydrat.

Vì thế, khi phân tích thành phần dinh dưỡng của một loại thực phẩm, bao giờ cũng phải lưu ý tới số năng lượng mà loại thực phẩm đó cung cấp, đặc biệt là số năng lượng từ chất béo.

Như trong loại thực phẩm được lấy làm ví dụ trên, ta thấy mỗi phần ăn trung bình cung cấp 250 calori, trong đó có 120 calori từ chất béo. Nếu ta ăn hết một hộp thực phẩm này, thì cơ thể được cung cấp 500 calori, mà có đến gần một nửa là từ chất béo. Như vậy, những ai cần giảm chất béo vì sợ mập hoặc đang kiêng chất béo thì phải chú ý tới thông tin này.

2. Tỷ lệ phần trăm so với giá trị dinh dưỡng trong ngày

Tỷ lệ phần trăm (Percent of daily value) này cho biết những chất dinh dưỡng trong một phần ăn trung bình của một loại thực phẩm nào đó đóng góp nhiều hay ít trong tổng số nhu cầu 2000 calori mỗi ngày.

Nhu cầu 2000 Calori mỗi ngày là số năng lượng cần thiết cho một người có sức nặng trung bình và hoạt động vừa phải. Số lượng này có thể thay đổi tăng hay giảm tùy theo tuổi tác, đời sống năng động hay tĩnh tại.

Nếu tổng số năng lượng cần trong ngày cao hơn (như 2500 Calori) thì tỷ lệ phần trăm chất dinh dưỡng cũng cần tăng theo.

Thực ra không cần phải là thần đồng toán

học mới có thể tính ra cái phần trăm của các chất dinh dưỡng, vì các nhà sản xuất thực phẩm đã tính sẵn và ghi trên bao bì cho chúng ta, chỉ cần nhìn vào là thấy ngay. Điều khó là sau khi nhận biết rồi, liệu ta có đủ can đảm để làm theo lời khuyên của các chuyên gia dinh dưỡng hay không. Chẳng hạn như việc giới hạn chất béo, nhất là chất béo bão hòa, hạn chế muối, cholesterol ở dưới mức tối đa cảu hàm lượng được khuyến cáo, vì đây là những chất mà tiêu thụ nhiều thì có hại. Ngược lại, ta cần tiêu thụ tới mức tối đa những chất cần thiết như carbohydrat, chất xơ, sinh tố A, C, các khoáng chất như calci, sắt.

3. Tổng số chất béo

Nghiên cứu khoa học đã xác nhận việc tiêu thụ nhiều chất béo quá sẽ gây nhiều rắc rối cho cơ thể, vì thế nên các nhà dinh dưỡng đều khuyên chúng ta giới hạn mức tiêu thụ chất béo sao cho chúng chỉ cung cấp dưới 30% tổng số calori cần trong ngày, hoặc cụ thể hơn là không nên ăn quá 65g chất béo mỗi ngày.

Trên nhãn thực phẩm làm ví dụ, tổng số chất béo là 12 gr trong một phần ăn trung bình, tương đương với 18 % nhu cầu trong ngày. Như vậy, nếu ta ăn một phần ăn này, ta phải tính toán sao cho trong suốt ngày hôm đó không ăn thêm nhiều hơn 82% hoặc 52 gr chất béo.

4. Cholesterol

Mỗi ngày, các chuyên gia dinh dưỡng khuyên ta chỉ nên ăn dưới 300 mg cholesterol. Như vậy phần ăn kể trên có 30 mg cholesterol sẽ chiếm 10 % nhu cầu trong ngày, và mức tiêu thụ cholesterol trong suốt ngày hôm đó là không được vượt quá 270 mg cholesterol nữa.

5. Muối ăn

Giảm bớt lượng muối ăn có nghĩa là ăn nhạt hơn, ta có thể giảm nguy cơ bị cao huyết áp. Các chuyên gia dinh dưỡng khuyên ta chỉ nên dùng khoảng 1200mg muối mỗi ngày, và đừng bao giờ vượt quá mức tối đa là 2400 mg.

Các thực phẩm chế biến thường có nhiều muối. Chẳng hạn như loại thực phẩm kể trên có 470 mg muối natri trong một phần ăn, nên đã cung cấp đến 1/3 nhu cầu muối ăn trong suốt ngày hôm đó.

6. Tổng số lượng carbohydrat

Một chế độ dinh dưỡng lành mạnh cần phải có chứa nhiều carbohydrat như cơm, bánh mì, bánh phở, bún, trái cây, rau... để cung cấp đủ 300 gr carbohydrat mỗi ngày.

7. Số lượng chất xơ

Các chuyên viên dinh dưỡng khuyên ta cần ăn mỗi ngày ít nhất từ 25 tới 30 gr chất xơ. Chất xơ có thể giúp hạ cholesterol trong máu, giúp đại tiện dễ dàng nhờ phân mềm, lớn. Chất xơ có nhiều trong rau, trái, ngũ cốc nhất là các loại hạt còn vỏ cám. Theo quy định, các loại thực phẩm không có chất xơ cũng phải ghi rõ, như trong nhãn thực phẩm mà chúng ta vừa xem xét.

8. Đường

Đường tiêu thụ hàng ngày có nhiều calories mà hầu như không có chất dinh dưỡng, đặc biệt là đường trắng. Chỉ cần một muổng canh đường cát trắng tinh chế đã cung cấp đến 16 calori

Dùng nhiều đường có nguy cơ béo mập, hư răng nên các chuyên gia dinh dưỡng khuyên chúng ta dùng đường càng ít càng tốt hoặc nếu cần thì dùng đường dưới dạng tự nhiên có trong trái cây.

9. Chất đạm

Nên giới hạn chất đạm do động vật cung cấp, nhất là thịt đỏ (thịt bò, heo, dê...) Vì ngon miệng, nhiều người tiêu thụ một số lượng khá cao thịt có nhiều mỡ béo cho mấy bữa ăn chính trong ngày.Theo nhiều chuyên gia, mỗi ngày chỉ nên ăn từ 150- 200 gr thịt là đủ, và nên chọn dùng các loại thịt trắng (thịt gà, vịt...).

10. Các sinh tố và khoáng chất

Các sinh tố và khoáng chất chiếm một tỷ lệ rất khiêm nhường trong khối lượng thức an mà chúng ta ăn vào mỗi ngày. Tuy nhiên tầm quan trọng của chúng lại không nhỏ bé chút nào. Vì thế phần ăn mỗi ngày nên cung cấp đạt mức tối đa các chất này theo khuyến cáo, nhất là từ các loại thực phẩm chính.

11. Nhu cầu năng lượng và dinh dưỡng

Trong nhãn hiệu thực phẩm, nhu cầu này được ghi ở phần cuối cùng.

Nhu cầu năng lượng mỗi ngày có thể tăng hoặc giảm tùy theo từng trường hợp cụ thể. và được khuyến cáo là nên ở mức trung bình 2000 Calori/ngày, có thể lên đến 2500 Calorie ở những người hoạt động nhiều hoặc cao lớn hơn mức trung bình. Hầu hết các chất dinh dưỡng đều tăng theo tỷ lệ khi nhu cầu hằng ngày tăng, riêng muối và cholesterol vẫn phải giữ nguyên cho dù tổng số calori có tăng cao hơn, bởi vì đó là lượng tối đa mà cơ thể nên dùng.

Ngoài các thông tin về dinh dưỡng kể trên, nhãn thực phẩm còn ghi thêm các gia vị đã dùng khi chế biến thực phẩm, hoặc mô tả tính chất đặc biệt của thực phẩm để người tiêu thụ dễ chọn lựa, chẳng hạn như *low fat* (ít chất béo), *high fiber* (nhiều chất xơ) ...

Cuối cùng là thông tin về sự ích lợi cho sức khỏe của loại thực phẩm. Thí dụ như "*uống calcium có thể giảm nguy cơ mắc bệnh loãng xương*". Những thông tin khẳng định loại này phải dựa vào bằng chứng khoa học và đã được các cơ quan quản lý thực phẩm chính thức công nhận.

Một vài từ ngữ cần nhớ

Trên nhãn hiệu dinh dưỡng, ta thấy nhiều từ ngữ tiếng Anh có thể gây bở ngỡ. Dưới đây l một số từ thơng dụng thường gặp:

1- Free (không có)

Từ này được dùng để nói lên rằng một chất nào đó là không có hoặc có rất ít trong thực phẩm, với một mức độ không gây ảnh hưởng gì cho cơ thể. Thí dụ như *fat free (không có chất béo),, sugar free (không có đường), sodium* free (không có muối) được hiểu là những chất này chỉ hiện diện ở mức dưới 0,5 % nhu cầu hàng ngày trong mỗi phần ăn trung bình của loại thực phẩm đó. Tương tự như vậy, *calori free* (không cung cấp năng lượng) được hiểu là một phần ăn trung bình chỉ cung cấp dưới mức 5 calori. Với các loại sữa không béo, đôi khi thay vì *fat free milk* cũng được ghi là *"skim milk"*

2- Low (có ít)

Từ này được dùng để cho ta biết rằng số lượng của một chất nào đó được giới hạn ở mức mà ta có thể tiêu thụ mà không sợ vượt quá giới hạn hướng dẫn. Chẳng hạn như hất béo, chất béo bão hòa, cholesterol, muối,và số calori cung cấp. Low calori (ít năng lượng) nghĩa là chỉ cung cấp khoảng 40 calori hoặc ít hơn nữa trong một phần ăn trung bình; low fat (ít chất béo) nghĩa là chỉ có dưới 3 gr chất béo trong một phần ăn trung bình; low chlesterol ít cholesterol) nghĩ là chỉ có khoảng 20 gr cholesterol hoặc ít hơn trong một phần ăn trung bình.

3- Reduced (giảm bớt)

Từ này để chỉ số lượng của một chất nào đó như chất béo, *calori, cholesterol* hoặc muối trong món thực phẩm đã được làm cho giảm bớt đi, chỉ có ít hơn trong thực phẩm cùng loại khoảng 25%.

4- High (hàm lượng cao)

Từ này để chỉ hàm lượng của một chất nào đó trong thực phẩm có số lượng nhiều hơn mức bình thường.

5- Light (hàm lượng thấp)

Từ này được dùng để chỉ số lượng của một chất nào đó trong phần ăn rất thấp so với mức bình thường.

6- Healthy (có lợi cho sức khỏe)

Thực phẩm được coi là có lợi cho sức khỏe khi đáp ứng được các tiêu chuẩn như có ít chất béo, ít cholesterol, ít muối và có 10% nhiều hơn mức thông thường về sinh tố A, C, sắt, calci, đạm, chất xơ...

7- Lean (nạc, ít mỡ)

Từ này được dùng với các sản phẩm thịt chế biến, để chỉ rằng đó là loại thịt nạc, trong một phần ăn trung bình khoảng 85g chỉ có tổng số chất béo dưới 10 g, chất béo bão hòa dưới 4,5 g, và cholesterol dưới 95 mg.

8- Extra lean (rất nạc, ít mỡ)

Từ này được dùng với các sản phẩm thịt chế biến, để chỉ rằng đó là loại thịt rất nạc, rất ít mỡ, trong một phần ăn trung bình khoảng 85g chỉ có tổng số chất béo dưới 5g, chất béo bão hòa dưới 2g, và cholesterol dưới 45mg.

9- Fresh (tươi, sống)

Từ này được dùng với các loại thực phẩm còn tươi, sống hoặc chưa chế biến.

10- Fortification (bổ sung)

Từ này được dùng để chỉ các loại thực phẩm đã được bổ sung các chất dinh dưỡng tự nhiên bị mất đi trong quá trình chế biến.

11- Enrichement (tăng cường)

Từ này được dùng để chỉ các loại thực phẩm đã được cho thêm các chất dinh dưỡng vốn vốn không có trong dạng tự nhiên của thực phẩm đó.

Kết luận

Việc đọc hiểu các nhãn thực thực phẩm có thể giúp chúng ta chọn lựa đúng loại thực phẩm thích hợp với nhu cầu sức khỏe, có thể so sánh những món ăn tương tự để chọn được món ăn tốt hơn, đồng thời có thể thay đổi các loại thực phẩm khác nhau trong thực don07 mỗi ngày mà vẫn đảm bảo nhu cầu về chất dinh dưỡng.

Thường thì chúng ta có thể gặp ít nhiều khó khăn khi lần đầu nhìn vào các nhãn hiệu thực phẩm, có thể thấy là không quen thuộc và rắc rối. Nhưng nếu chú ý đến các thông tin được cung cấp trên nhãn hiệu và hiểu được ý nghĩa của chúng, ta sẽ dần dần thấy rõ được sự lợi ích trong việc tìm hiểu, học hỏi để lãnh hội các dữ kiện mà nhà sản xuất đã trình bầy trên nhãn hiệu.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN VÀ AN CƯ KIẾT HẠ NĂM 2018 CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ

BÌNH SA

Hình ảnh trong Đại Hội Thường Niên Lần Thứ 2 Nhiệm Kỳ III của GHPGVNTNHK tại Phật Học Viện Quốc Tế, North Hills, California, Hoa Kỳ (Photos: VB)

NORTH HILLS, CALI. (VB) – Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTNHK) đã cử hành Đại Hội Thường Niên Lần Thứ 2 Nhiệm Kỳ III tại Phật Học Viện Quốc Tế, thành phố North Hills, Miền Nam California, Hoa Kỳ, vào Thứ Hai, ngày 18 tháng 6 năm 2018 để kiểm điểm Phật sự trong năm qua và đề ra các Phật sự khác cho năm tới, với sự quang lâm chứng minh và tham dự của khoảng trên 50 chư tôn đức Tăng, Ni và Đại Biểu của Hội Đồng Giáo Phẩm, Hội Đồng Điều Hành, và chư Tăng, Ni tại các tự viện trên nhiều tiểu bang tại Hoa Kỳ.

Đại Hội bắt đầu vào lúc 10 giờ sáng với phần khai mạc ngắn gọn, qua Lời Chào Mừng và Tuyên Bố Lý Do của Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK; Đạo Từ của Hòa Thượng Thích Phước Thuận, thành viên Hội Đồng Giám Phẩm, thay mặt Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK, buổi chiều mới đến. Tiếp theo, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, thông qua Chương Trình Đại Hội.

Chương Trình Nghị Sự của Đại Hội gồm 3 Khoáng Đại: Khoáng Đại I là phúc trình Phật sự của Văn Phòng Thường Trực và báo cáo tài chánh của Tổng Thủ Quỹ Hội Đồng Điều Hành. Khoáng Đại II là phần thảo luận và quyết định các Phật sự sắp tới. Khoáng Đại III thảo luận và quyết định về việc tổ chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2563, Khóa An Cư Kiết Hạ năm 2019, Đại Hội Thường Niên Lần Thứ 3 Nhiệm Kỳ III, và Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 9

năm 2019. Phần cuối cùng trong Khoáng Đại III trước khi Bế Mạc Đại Hội là thông qua Quyết Nghị gồm 12 điểm của Đại Hội.

Trong Khoáng Đại I, các Đại Biểu đã được nghe đọc phúc trình Phật sự trong năm qua của Văn Phòng Thường Trực và các Tổng Vụ, mà trong đó gồm nhiều Phật sự lợi lạc quần sinh như tổ chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2562 tại Mile Square Park, thành phố Fountain Valley, với khoảng 400 Tăng, Ni và hàng ngàn đồng hương Phật tử tham dự vào ngày 5 và 6 tháng 5 năm 2018. Ngoài ra còn có các Phật sự khác như tổ chức Khóa An Cư Kiết Hạ tại Niệm Phật Đường Fremont, thành phố Fremont, với khoảng trên 200 Tăng Ni tham dự; tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 8 tại thành phố Chicago, với sự tham dự của khoảng 600 chư tôn đức Tăng, Ni và Phật tử; lạc quyên cứu trợ nạn nhân cơn bão Harvey tại Texas và Florida và bão lụt tại Việt Nam, v.v…

Trong Khoáng Đại II, các Đại Biểu lắng nghe thuyết trình và thảo luận về hai đề án Phật sự sắp tới, gồm việc tổ chức Đại Hội Cư Sĩ do Tổng Vụ Cư Sĩ GHPGVNTNHK – TT Thích Thánh Minh là Tổng Vụ Trưởng – và Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê – Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHK -- đứng ra đảm nhận vào ngày 29 tháng 7 tới đây, và việc tổ chức Ngày Văn Hóa Phật Giáo, do Tổng Vụ Văn Hóa GHPGVNTNHK – HT Thích Minh Dung là Tổng Vụ Trưởng -- đảm nhận thực hiện trong ngày Đại Lễ Phật Đản Chung của Giáo Hội sang năm.

Trong Khoáng Đại III, các Đại Biểu đã thảo luận và quyết định về Đại Lễ Phật Đản Chung Phật Lịch 2563, Khóa An Cư Kiết Hạ năm 2019, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ năm 2019, và Đại Hội Thường Niên Lần Thứ 3 Nhiệm Kỳ III năm 2019.

Đại Hội cũng đã thảo luận về tình hình và nguy cơ mất nước do chính quyền CSVN gây ra qua Dự Luật 3 Đặc Khu, Vân Đồn, Bắc Vân Phong và Phú Quốc, mở cửa cho ngoại quốc vào đầu tư và thuê đất lên tới 99 năm là tạo cơ hội cho Cộng Sản Trung Quốc tràn vào Việt Nam để thực hiện âm mưu Hán hóa dân tộc.

Đại Hội quyết định tổ chức buổi họp báo và thắp nến cầu nguyện tại Chùa Bát Nhã, thành phố Santa Ana, Nam California, vào 6 giờ chiều Thứ Sáu, ngày 29 tháng 6 năm 2018.

Cuối cùng, các Đại Biểu đã lắng nghe, thảo luận và thông qua Quyết Nghị gồm 12 điểm, từ điểm thứ 7 đến điểm thứ 12 như sau:

"7. GHPGVNTNHK toàn tâm tán đồng Bản Lên Tiếng về Dự Luật Đơn Vị Hành Chánh – Kinh Tế Đặc Biệt của Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu GHPGVNTN, và đã đồng ký tên vào văn bản ngày 08 tháng 6 năm 2018, gửi về Quốc Hội và Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Giáo Hội kêu gọi chư tôn đức Tăng Ni và Cư sĩ hành đạo tại hải ngoại tiếp tục phổ biến Bản Lên Tiếng, nêu cao tinh thần yêu nước thương dân, khích lệ giới trẻ trong và ngoài nước quan tâm bảo vệ chủ quyền đất nước;

"8. Kêu gọi toàn thể chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử Nam California và các tiểu bang lân cận, tham dự buổi tổ chức họp báo và đốt nến

cầu nguyện cho sự toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải của quê hương Việt Nam vào lúc 6 giờ chiều thứ Sáu, ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Chùa Bát Nhã, thành phố Santa Ana, tiểu bang California, Hoa Kỳ;

"9. Khuyến thỉnh chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử cùng góp tiếng nói của mình đối với vấn đề chủ quyền đất nước Việt Nam bằng cách gọi điện thoại trực tiếp vào Tòa Bạch Ốc, số (202) 456-1414, với tiêu đề S.O.S., tin nhắn "Vietnam needs help" nhằm kêu gọi sự quan tâm, lên tiếng can thiệp của chính phủ Hoa Kỳ;

"10. Kêu gọi nhà cầm quyền nước CHXHCN Việt Nam tổ chức trưng cầu dân ý để lấy quyết định của toàn dân đối với các vấn đề hệ trọng liên quan an ninh quốc phòng và chủ quyền đất nước: tức khắc thu hồi Luật An Ninh Mạng đã được Quốc Hội Khoá 14 thông qua ngày 12/6/2018; hủy bỏ hoàn toàn Dự Luật Đơn Vị Hành Chánh – Kinh Tế Đặc Biệt (Vân Đồn, Bắc Vân Phong và Phú Quốc) mà Quốc Hội đã hoãn ngày và dự định tái duyệt thông qua vào tháng 10 năm 2018;

"11. Kêu gọi nhà cầm quyền nước CHXHCN Việt Nam triệt để tôn trọng các quyền tự do căn bản của công dân đã được qui định trong Hiến Pháp, trong đó có quyền tự do ngôn luận, biểu tình và hội họp đã bị các luật tố tụng dân sự và hình sự tùy tiện giải thích để ngăn chận, bắt bớ;

"12. Kêu gọi nhà cầm quyền nước CHXHCN Việt Nam chấm dứt việc trấn áp, bỏ tù hoặc giam lỏng những dân oan đòi đất, những người biểu tình vì bảo vệ môi trường và toàn vẹn lãnh thổ; tức khắc trả tự do những tù nhân lương tâm, những người đấu tranh vì dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam."

Trong Đạo Từ của Lễ Bế Mạc Đại Hội, Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK, đã khuyến tấn chư tôn đức Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử tiếp tục nỗ lực thực hiện sứ mệnh hoằng dương Chánh Pháp, bảo tồn và phát huy nền văn hóa truyền thống dân tộc và Phật Giáo Việt Nam tại xứ người để làm chỗ dựa tinh thần cho cộng đồng người Việt ly hương.

Được biết, sau Đại Hội, từ ngày 19 đến 28 tháng 6 năm 2018, tại Phật Học Viện Quốc Tế, trên một trăm chư tôn đức Tăng, Ni bắt đầu vào Khóa An Cư 10 ngày để thúc liễm thân tâm, trau dồi giới hạnh, củng cố đạo lực để trang nghiêm tự thân và tập thể Tăng Già.

Sau Khóa An Cư tại Phật Học Viện Quốc Tế, GHPGVNTNHK phối hợp với Hòa Thượng Thích Minh Mẫn, Viện Chủ Chùa Huệ Quang, thành phố Santa Ana, Quận Cam, để tổ chức Khóa An Cư thứ hai từ ngày 01 đến ngày 08 tháng 7 năm 2018 tại Chùa Huệ Quang.

BÁN NƯỚC CỨU ĐẢNG???

Bán nước cứu đảng ư?
Để phân giải từ từ...
Bán nước thì có thật
Tiền vào túi "chóp bu"
Nước mất, đảng ra sao?
Nước thành tỉnh của Tàu
Một nước mà hai đảng?
Đảng Việt giải tán mau!
Chỉ một đảng Tàu thôi
Tỉnh uỷ Việt Nam ngồi
Một chú Tàu chễm chệ
Tay cầm sẵn cây roi
Lãnh đạo cũ đảng ta
Tàu chê ngu, hèn, già
Tống cổ về vườn hết
Đố ai dám kêu ca
Tàu có thể chơi "ngon"
"Đả hổ, diệt ruồi" luôn
Giết chóp bu Việt cộng
Bỏ tù cấp thấp hơn
Rõ ràng mất đảng rồi
Hiểu ra thì hỡi ôi
Sao ta ngu khờ quá
Nước mất, đảng cũng toi!
Chóp bu đảng hiện nay
Hiểu rất rõ chuyện này
Nhưng "tiền thày bỏ túi
Sống chết mặc chúng bay!"
Tiền chuyển qua Mỹ, Âu
Tàu chiếm, thày "dọt" mau
Đàn em khờ kẹt lại
Chẳng biết chạy đi đâu
Đảng viên cấp dưới ơi
Xin hãy lắng nghe tôi
Đừng theo đảng bán nước
Chỉ theo dân tộc thôi
"Còn đảng thì còn mình"
Khẩu hiệu đảng tởm kinh
Đánh lừa người khờ dại
Vứt ngay nó xuống sình!

thơ

BS. VŨ LINH HUY
Boston, ngày 2 tháng 7 năm 2018

Kịch nói

KHUNG CỬA MÙA VU LAN

của ***Phương Nghi***

Bối cảnh: Mỹ 2018
Bố cục: 1 cảnh, 2 màn
Các vai: - LIÊN, cô gái 18, đẹp thuần hậu
- Bà THU trạc tứ tuần, đẹp sắc sảo
- Luật sư KHIÊM, trang lứa với bà Thu

MÀN 1

Cảnh: Phòng khách một gia đình trung lưu. Chính giữa, cuối sân khấu, là một khung cửa sổ lớn, màn đẹp vén cao.
- Bà THU (T) trong bộ jeans khít khao, xách đeo vai, bước ra
- Luật sư KHIÊM (K) âu phục, xuất hiện từ phía đối diện.

T : Kính chào luật sư Khiêm.
K : *(Kinh ngạc)* Thu, mình... à... bà, bà đến đây làm gì?
T : "Đến đây"? Tôi... trở về... đây đấy chứ. Tôi vừa mở cửa bằng chìa khoá của tôi hồi xưa mà.
K : *(Gằn giọng)* Bà "trở về" đây làm gì?
T : Con Liên sẽ thế phát qui y mùa Vu Lan này, ông cấm má nó về gặp nó sao?
K : Bà còn dám nhận là má con Liên à. Sanh nó ra chưa đầy hai tuổi, bà đã bỏ nó chạy theo tên Năm Taco, trùm du đảng độc ác, đê tiện.
T : Xấu xa gì thì tôi cũng là người mẹ, thế phát qui y lại là việc quan trọng cả một đời người, ông phải để tôi gặp con Liên.
K : Tôi nói nó... bà chết rồi.
- Một thoáng nhạc
T : Thì ra... ông cũng độc ác thua gì tên Năm Taco đâu.
K : *(Cố trấn tĩnh, dịu giọng)* Bà ngồi đi. Con Liên là con một của bà và tôi, tụi mình phải bình tĩnh lại để tính. Nó đang sống yên ổn, nếu bây giờ bà đột nhiên xuất hiện, nói ra một sự thật đáng buồn... thì ích gì chứ, hay chỉ gây xáo trộn những ý nghĩ và dự tính tốt đẹp của nó.
T : Ông tưởng tôi đã không nghĩ tới điều đó sao.
K : Vậy thì cách hay nhất là bà... để nó yên. Bà đi đi.
T : *(Chua xót)* Ông đuổi tôi! *(Đứng lên, bước đến khung cửa sổ nhìn ra xa)* Đến nước này, tôi chỉ còn cách phải nói với ông một sự thật cay nghiệt: tôi về đây chính là để... *(quay phắt lại nhìn K, giằn mạnh tay)* cứu con Liên.

- Nhạc rền lên
K : (Ngơ ngác) Nó có chuyện gì mà phải cứu?
T : Có người muốn giết nó.

- Nhạc rền mạnh hơn.

K : *(Sửng sốt đứng bật dậy)* Ai?
T : Năm Taco!

- Nhạc ngưng bặt

K : *(Rơi mình xuống ghế)* Lại là tên khốn kiếp đó. Nhưng... tại sao?
T : Không lẽ ông quên... trong vụ cãi cho bà Lâm, ông đã hại nó vô tù... tuy chỉ hai năm, nhưng bản án làm nó hụt cưới một bà góa đẹp đẽ, giàu có nó đeo đuổi đã lâu. Từ đó, nó thù ghét ông đến tận xương tủy.
K : Vậy sao lại giết con Liên, giết tôi mới phải chứ.
T : Giết ông thì ai đau khổ, con Liên phải không, nhưng Năm Taco có thù ghét gì con Liên đâu. Phải giết con Liên thì chính ông mới là người đau khổ chứ, và đó là mục đích của nó: luật sư Khiêm phải sống suốt đời trong đau khổ.
K : Tên thâm độc. Nhưng có gì đâu, chỉ cần báo cảnh sát.
T : Ông là luật sư mà nói vậy à.Tôi chỉ nghe lóm nó bàn tính với đồng bọn, nó lại chưa có hành động gì, chứng cớ đâu?
K : Nhưng cảnh sát có thể ngăn cản nó.
T : Chỉ một lần, hai lần... hay ba lần, rồi con Liên phải sống suốt đời trong nơm nớp lo sợ sao?
K : Vậy bà tính thế nào?
T : Đã tính, nhưng chưa quyết định. Tôi phải gặp con Liên trước đã.
K : *(Bối rối)* Tôi đã nói...
T : Đừng lo, tôi không nhận là má nó đâu.
K : *(Sau chút lưỡng lự, gọi với vào trong)* Liên! Có người... à... mặc thử áo ni cô chưa, ra ba xem.

- Nhạc dương cầm "MUSIC BOX DANCER" cất lên vui tươi, xóa không khí căng thẳng vừa qua.
- LIÊN (L) xinh xắn trong bộ áo ni cô nhưng mái tóc vẫn dài và đong đưa theo bước chân nhí nhảnh đến gần K, quay một vòng rồi đứng

ngiêm chỉnh, chắp tay cúi đầu.

L : *(Mỉm cười)* Ba thấy sao?
T : Không gì đẹp bằng áo ni cô trên người một cô gái chỉ mới 18.
L : Cám ơn bà. *(Quay nhìn T, ngạc nhiên)* Nhưng... bà là ai?

- Nhạc tắt ngang.
- T nhìn sửng L.
- K thoáng vẻ lo sợ.
- Một lát.

T : *(Sực tỉnh)* Cô hỏi tôi là ai hả. *(Vui vẻ)* Tôi là bà vú của cô năm xưa nè!
L : *(Ngơ ngác)* Bà vú của tôi mất lâu rồi mà.
- K lấy khăn tay chấm lên trán.
- T bình thản
T : Cô Liên ơi, bà vú đã qua đời của cô là bà vú thứ hai khi cô đã đầy thôi nôi. Tôi là bà vú đầu tiên ngay khi cô lọt lòng mẹ, nhưng chẳng may bịnh bất ngờ nên phải thôi để tránh lây nhiễm cô.

- L nhìn sang K, phân vân.
- K gật đầu, thở phào.

L : Con xin lỗi đã không nhận ra vú. Nhưng vậy thì vú đừng gọi con là "cô" nữa. *(Reo mừng)* Vú là dòng sữa đầu đời của con mà. *(Chạy đến ôm chầm lấy T.)*

- "MUSIC BOX DANCER" lại cất lên.

T : Ông luật sư, vú con tôi muốn có chút riêng tư, được không?
K : *(Ngần ngại)* Tôi... à... phải vào trong giải quyết chút giấy tờ.

- K đi khuất.
- T kéo tay L ngồi xuống cạnh nhau, dịu dàng vuốt tóc L.

L : *(Cười khúc khích)* Con biết vú vuốt tóc con vì nghĩ không bao lâu nó chẳng còn nữa.
T : Con lanh lắm.

- L kéo tay dắt T ra ngồi cạnh nhau bên khung cửa sổ.

L : Hắn vú còn nhớ khung cửa sổ này, nơi má con - và cả vú nữa, phải không? - thường ẵm con ra ngắm cảnh. Bây giờ đây là nơi khi Vu Lan về, con lại đến ngắt một hoa hồng trắng nở gần khung cửa để cài lên áo, tưởng nhớ và cầu nguyện cho má con, nhưng không khỏi tủi phận đơn côi. Nay có vú, con mừng lắm.
T : *(Ôm chặt L)* Vú cũng vậy. *(Một lát)* À Liên, sao con đi tu vậy?
L : Chỉ là thiện duyên. Cứ khi đến chùa là con thấy thanh thản và minh mẫn hơn, nên con muốn ở lại đó.
T : Chứ không phải vì con có một nỗi khổ riêng nào nên muốn xa lánh cuộc đời?
L : Con còn trẻ, đi tu để được tinh tấn phấn đấu với đời, chứ đâu phải để xa lánh.

- Chuông đồng hồ ngân nga.

L : Vú con mình sẽ gặp lại sau. Con phải vào chùa phụ trang trí đón mừng Vu Lan.

- L đi khuất, nhạc ngưng lại
- K tái xuất hiện, đầy ưu tư.

K : Sao?
T : Con Liên đi tu vì nó có đạo tâm và ý chí, chứ không phải vì có một nỗi khổ riêng nào. Vậy là tôi yên tâm, Bây giờ chỉ còn việc... phải cứu nó.
K : Bà liệu có đương đầu nổi với tên Năm Taco?
T : Ông thường kết tội tôi chạy theo một thằng du đảng, ông đâu ngờ bây giờ tôi cũng đã thành một con du đãng rồi. *(Lấy trong túi ra một con dao bấm, đưa lên cao bật mạnh lưỡi dao loáng trong ánh sáng)* Tôi sợ nó sao.

- Nhạc bùng lên trong ánh lấp lánh của lưỡi dao.
- Kết thúc Màn 1, chuyển sang Màn 2.

Màn 2
(Kết cuộc)

Vẫn cảnh cũ
- Một người mặc áo ni cô đang ngồi gần khung cửa sổ, lưng quay về khán giả.
- K bước ra.

K : Con chưa đi chùa hả Liên?
- Người mặc áo ni cô quay lại.
T : Nó đi rồi, chỉ còn tôi đây.
K : *(Giật mình)* Bà! Sao bà mặc áo ni cô ngồi đó?
T : *(Thản nhiên)* Để lát nữa tôi ra đứng ở khung cửa sổ.
K : À, bà và con Liên vẫn thích đứng đó ngắm vườn hồng mùa Vu Lan.
T : Lần này không phải vậy đâu, Ông nè... *(nghiêng mình xuống, chỉ tay ngược lên cao qua khung cửa)* trong dãy chung cư bên đó, tên Năm Taco sẽ chờ con Liên xuất hiện ở đây, trên tay hắn là... một khẩu súng trường...
K : Để bắn con Liên, bà đã cho tôi biết như vậy, và nói sẽ cứu nó. Nhưng... sao bà lại mặc áo ni cô? Không lẽ... *(Kinh hoàng hét lên)* bà giả làm con Liên để chết thế cho nó!
- Nhạc bùng mạnh.
T : *(Khẽ gật đầu, nhỏ nhẹ)* Vậy đó.
K : *(Dậm chân, gay gắt)* Trời, bà đọc sách xem phim nhiều quá. Sao phải bi thảm đến vậy chứ!
- Nhạc ngưng.
T : Mình ơi, nghĩ lại đi. *(Chua xót nhưng thành thật)* Tôi làm sao sống nữa đây, phụ

chồng, bỏ con, chạy theo một đứa mà bây giờ... *(giao động mạnh)* nỡ tâm giết con tôi.
K : Nhưng chết như vậy, ích gì đâu.
T : Sẽ có chứng cớ về hành động giết người của tên Năm Taco, mặt khác khi biết tôi chết vì tay nó, nó sẽ bớt thù ghét ông, con Liên không phải sống trong nơm nớp lo sợ, và... mình ơi... chẳng lẽ... mình và con Liên không vì thế mà tha thứ cho tôi sao.
K : Tôi hiểu tâm sự và sự tính toán của bà, nhưng không thể để bà chết như thế được. Tôi phải gọi cảnh sát ngay. *(Cầm điện thoại lên)*
T : *(Đứng phắt dậy, chụp ngay cây súng đặt sẵn trên bàn chĩa thẳng K... quát lên)* Không được gọi! Tôi đã tiên liệu sự cản trở của ông rồi.
K : *(Sửng sốt)* Bà định giết tôi?
T : Ông điên à, tôi là thú vật hay sao mà đã phụ ông rồi lại giết ông, nhưng tôi có thể làm ông bị thương đó. Bỏ điện thoại xuống!

- Sau tiếng rơi của điện thoại là tiếng chuông đồng hồ ngân vang.

T : *(Vời vợi)* Giờ này là tên Năm Taco đã có mặt trong dãy chung cư đó rồi. *(Nhìn K qua giòng nước mắt)* Tôi thương mình lắm... mình ở lại với con Liên nghe.

- T vụt chạy đến giữa khung cửa sổ.
- 3 phát súng nổ liên tiếp, tiếng đạn rít lên.
- T bật ngửa người, bước nghiêng ngả một đoạn ngắn rồi ngã úp mặt xuống chiếc ghế bành.
- Tức khắc tiếng kèn trumpet của bản nhạc "IL SILENZIO" (bắt buộc phải là bản này - youtube IL SILENZIO trumpet solo -) trỗi lên, ảo não.
- K chạy đến phủ phục bên ghế bành.

K : Mình ơi!

- Sau 1 phút (phải ít nhất là 1 phút) khi bản IL SILENZIO nhỏ xuống rồi tắt hẳn, T bỗng ngồi dậy, nhìn quanh ngơ ngác.

T : Tôi chưa chết? Tôi nghe tiếng súng mà.
K : *(Nâng T cùng đứng dậy)* Đó chỉ là tiếng súng cảnh sát bắn để bắt tên Năm Taco. Phải chờ đến giờ chót, khi nó hành động, mới có chứng cớ kết tội sau này.
T : Thì ra... *(giận dữ)* ông đã báo cảnh sát để cản trở ý nguyện của tôi. Nhưng... *(hoang mang)* sao ông biết được ý định của tôi để dàn dựng gạt tôi thế này?
K : Tôi chỉ là người tham gia, người dàn dựng là... *(chỉ L đang bước ra trong chiếc áo dài tươi sáng)*
L : Mọi việc là do con hết đó, má.
T : *(Sửng sốt)* "Má"? Con đã biết?
L : Sáng nay, má nghe con vô chùa tối mới về, nên đã để trên bàn con một bức thư vĩnh biệt, trong đó má kể hết sự thật, cũng như cho biết những việc má sẽ làm và giải thích tại sao. Không ngờ con quên đem theo áo tràng nên phải quay về lấy và đọc được bức thư đó.
K : Nó tính với tôi phải báo ngay cảnh sát, nhưng... cương quyết vẫn để bà có cơ hội bước đến khung cửa, chết thế cho nó.
T : Tôi hiểu. *(Nhìn L)* Con muốn tận mắt nhìn thấy, để tha thứ cho má.
L : Không phải. Con muốn để chính má tự tha thứ cho má!

- Một thoáng nhạc.

L : *(Mắt long lanh nhìn thẳng T)* Và má đã bước đến khung cửa đó rồi. Má đừng đeo đẳng mặc cảm tội lỗi nữa...
T : Con sâu sắc lắm, má sẽ nghe con. Ủa, còn số phận tên Năm Taco?
K : Tòa sẽ xử nó về tội mưu sát. Nhưng lần này, tôi sẽ... giúp nó xin giảm án.
T : *(Ngạc nhiên)* Ông... giúp... tên Năm Taco. Có thể vậy sao?
K : Con Liên thuyết phục tôi... lấy ân trị oán.
T : *(Nhìn sang L, trìu mến)* Lại là con hả Liên. *(Nắm tay L)* Con đã lấy đức hạnh và trí tuệ của một Phật tử giúp má tự xoá bỏ mặc cảm tội lỗi, và ba con bớt chất chứa hận thù, biết làm sao cám ơn con đây.
L : *(Khẽ dậm chân)* Cám ơn gì, má ơi!
K : Con không nhận cám ơn thì nhận chút quà này. *(Trao quà cho L)*
L : *(Reo vang)* Một bông hồng đỏ!

- Nhạc tràn lên mênh mang.

K : Ba hái trong vườn bên khung cửa sổ, để từ nay con không phải cài hoa trắng nữa.
L : Ba má ơi... đây là món quà Vu Lan quí nhất đời con!... *(nước mắt lưng tròng)* nó cho con thấy sự sống lại huyền diệu của một người mẹ tưởng đã mất đi. *(Bỗng đưa cánh tay gạt nước mắt như trẻ con, reo lên)* Ba má nhìn khung cửa sổ kìa.

- Những ngọn đèn cực sáng chiếu màu vàng chói lọi ngoài khung cửa sổ.

K : A, mây đã tan!
T : Và ánh nắng đẹp quá!
L : Ba má... *(nắm tay K và T)* Không phải ánh nắng đâu, ánh đạo đó!

- Nhạc lên cao chót vót.
- Chen lẫn tiếng chuông chùa vang vang.
- Màn hạ.

THẬP LOẠI CHÚNG SINH

Huệ Trân

Là người Việt Nam, ít ai không thuộc dăm ba câu trong Truyện Kiều, cũng ít ai không biết tác giả áng văn tuyệt tác viết bằng thể thơ lục bát đó là thi hào Nguyễn Du. Rất nhiều đoạn, nhiều câu, nhiều tình huống trong truyện Kiều đã trở thành văn học dân gian vì những tâm trạng, những hoàn cảnh đó quá gần gũi với môi trường thực tế trong xã hội, cả thời xưa cho đến ngày nay.

Ngoài Truyện Kiều đã quảng bá khắp dân gian, thi hào Nguyễn Du còn là tác giả của một tác phẩm mà không mùa Vu Lan nào không được nhắc đến. Đó là bài *"Văn tế thập loại chúng sinh."*

Tự thân Nguyễn Du đã nhận chịu quá nhiều đau thương buồn tủi từ thuở ấu thơ nên tâm hồn rất nhạy cảm trước nỗi đau nhân thế. Những tác phẩm của tiên sinh thường bàng bạc tinh thần Phật Giáo qua luật nhân quả, vòng sinh tử luân hồi, vay trả mà chưa phân minh thì sau khi thác sẽ thành những oan hồn uổng tử, vất vưởng khắp chốn u tối mịt mùng. Những oan hồn đó chỉ trông chờ vào mùa mưa Tháng Bảy, chầu chực miếng cơm chén cháo nơi các trai đàn chẩn tế thí thực cho.

Tại sao lại Tháng Bảy?

Vì đó là thời điểm Đức Phật dạy ngài Mục Kiền Liên phương thức cứu mẹ khỏi chốn địa ngục A Tỳ. Lòng thành của người con thảo thỉnh cầu Chư Tăng đang hội tụ về trong ngày Tự Tứ, cùng góp lời cầu xin và sám hối, không những đã cứu được bà Thanh Đề khỏi nghiệp gông cùm đói khát, mà cũng trong ngày đó, năng lượng từ bi dũng mãnh của Chư Tăng còn lan tỏa, xá tội được cho tất cả bao oan hồn uổng tử vất vưởng chốn u tối ngục hình.

Nhân gian từ đó noi theo, lấy ngày rằm Tháng Bảy là ngày Vu Lan báo hiếu, đồng thời lập đàn, thí phát thực phẩm cho những oan hồn bơ vơ không ai tế độ.

Văn minh nhân loại hợp cùng y học thực tiễn, dù tinh vi đến đâu cũng chưa thể giải thích thỏa đáng những trường hợp hiển linh, chứng minh về sự cố *"Chết chưa là hết. Chết mà chưa siêu được thì hồn vẫn cứ vất vưởng trong cõi u minh."*

Kinh Pháp Cú có đoạn dạy rằng *"Kẻ nào không tin luật nhân quả, không tin có sinh tử luân hồi thì không điều ác nào mà kẻ ấy không dám làm."*

Lời dạy này thật đơn giản, vì nếu không tin làm ác gặp ác thì cứ việc gì mang lợi cho bản thân là làm, dù việc đó gây tai hại cho người khác; không tin luân hồi sinh tử thì đang có thân người đây, mục đích duy nhất là phục vụ thân này, dù dẫm đạp lên người khác, vì khi chết là hết, can chi phải nương tay, dại gì không tận hưởng!

Thương thay cho những ai lập luận rằng nhân quả và luân hồi vô hình vô tướng, mù mờ quá, lấy gì mà tin! Họ thấy chăng những cái có hình có tướng đang nắm giữ trong tay, cột chặt trong người mà vẫn chớp mắt vuột mất thì lại quyết tin là có thật!

Này là bằng hữu tôi, này là tri kỷ tôi, này là vợ, này là chồng tôi, này là những gì quý nhất, bền bỉ nhất của tôi, nhưng tỉnh dậy mà nhìn quanh xem, nhan nhản biết bao cảnh vô thường. Bóng câu chưa khuất ngang khung cửa thì tình đã nhạt, hương đã phai, những cái tưởng của tôi muôn đời đã lạnh lùng biến dạng, đã là của người khác!

Tình đã thế, tiền thì sao? Này là xe tôi, này là nhà tôi, này là của cải tôi, chỉ cần qua một đêm mộng mị, tình huống ngoài xã hội kia chợt thay đổi khiến tiền cất kỹ trong nhà băng bỗng trở thành giấy, ngôi nhà đang ở trở thành nợ nần, không chạy khỏi cho mau sẽ còn mang lụy!

Những gì có hình có tướng, ngỡ đã cất giữ thật chặt, thật kỹ đó, chúng ta vẫn thường đau khổ chứng kiến sự ra đi phù du của chúng. Nhưng lạ thay, dù thấy, dù biết, ta vẫn cố núi kéo cho tới ngày thành ma vất vưởng!

Tiên sinh Nguyễn Du động lòng trắc ẩn đã dùng ngòi bút lấn mẫn mà khóc cho thập loại chúng sinh:

Thập loại là những loại nào
Gái trai, già trẻ đều vào nghe kinh

Nguyễn Du cất tiếng kêu cứu, khóc cho tất cả kiếp nhân sinh khi sống đã buông lung không sợ nhân quả, lúc thác đi, làm ma cô cút lang thang. Mười loại chúng sinh tiêu biểu trong xã hội, từ vua quan tể tướng, kẻ sỹ, kẻ nông, kẻ già, người trẻ, kẻ thầy, người thợ, nếu thác đi không ai tế tự đều mòn mỏi đợi mùa Tháng Bảy tìm về những trai đàn chẩn tế:

Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt
Toát hơi may lạnh ngắt sương khô
Não người thay buổi chiều thu
Ngàn lau khóm bạc lá ngô đồng vàng
Đường bạch dương bóng chiều man mác
Ngọc đường lê lác đác mưa sa
Lòng nào lòng chẳng thiết tha
Cõi dương còn thế, nữa là cõi âm!

Những kẻ lúc sống, ngủ vùi trong giấc

mộng vô thường, khi thác đi mới chợt tỉnh thì ôi thôi:

Khi nằm xuống không người nhắn nhủ
Của phù vân dù có như không
Sống thời tiền chảy, bạc ròng
Thác không đem được một đồng nào đi!

Khi đó, thân người chẳng có, trí tuệ cũng không, bà con quyến thuộc nay đều trở thành người dưng kẻ lạ vì:

Mỗi người một nghiệp khác nhau
Hồn siêu phách lạc biết đâu bây giờ!

Nguyễn Du là người từng lắng tâm tụng đọc Kinh Kim Cang hàng ngàn lần để thấu đáo sâu sa lẽ vô thường *"Nhất thiết hữu vi pháp. Như mộng huyễn bào ảnh. Như lộ diệc như điển. Ưng tác như thị quán" (*).* Từ đấy mới rộng lòng xót thương bao kẻ chưa kịp tỉnh giác đã vội thác làm ma, đồng loạt lang thang khổ sở như nhau, chẳng còn chi là giầu nghèo, cao thấp nữa. Nguyễn Du đã nhỏ lệ, cất lời cầu xin bình đẳng cho tất cả:

Hương khói đã không nơi nương tựa
Phận mồ côi lần lữa đêm đêm
Còn chi ai khá, ai hèn
Còn chi mà nói ai hiền, ai ngu
Tiết đầu thu dựng đàn giải thoát
Nước tịnh bình tưới hạt dương chi
Nương nhờ Đức Phật từ bi
Giải oan cứu khổ, hồn về Tây Phương

Là con Phật, nếu chúng ta tin và hiểu lời Phật dạy, ta sẽ biết mở rộng cánh cửa từ bi sẵn có trong mỗi trái tim để cùng chia sẻ với ngài A Nan khi thấy Đức Phật dừng lại bên đường và quỳ lạy đống xương khô. Trong đống xương hỗn độn đó, với vòng sinh tử luân hồi chưa từng ngưng dứt, mấy ai dám chắc không có thịt xương ông bà, cha mẹ mình! Sự chiêu cảm giữa đất trời và âm dương chia cách là những thực thể chúng ta từng thấy:

Bóng phần tử xa chừng hương khúc
Bãi tha ma kẻ dọc người ngang
Cô hồn nhờ gởi tha phương
Gió trăng hiu hắt, lửa hương lạnh lùng!

Trong niềm bi ai khóc cho lối lầm nhân thế, Nguyễn Du cũng không quên những oan hồn trẻ thơ, chưa tội tình gì mà đã thác oan. Những linh hồn bé bỏng, chưa tự lo liệu, chưa biết nghĩ suy, làm sao nơi cõi âm tăm tối mà tìm được hạt cơm, hớp cháo? Tiếng khóc này của Nguyễn Du mới cực kỳ bi thiết làm sao:

Kìa những đứa tiểu nhi tấm bé
Lỗi giờ sinh, lìa mẹ, lìa cha
Lấy ai bồng bế xót xa
U ơ tiếng khóc, thiết tha nỗi lòng!

Thương thay bao oan hồn bơ vơ, lầm lũi theo nhau trong đêm tối:

Nghe gà gáy tìm đường ẩn tránh
Lặn mặt trời, lẩn thẩn tìm ra
Lôi thôi bồng trẻ, dắt già
Có khôn thiêng, cố lại mà nghe kinh

Bằng tất cả niềm tin dũng mãnh nơi năng lượng vô biên, mầu nhiệm của Chư Phật, Nguyễn Du khuyến tấn:

Kiếp phù sinh như bào, như ảnh
Có chữ rằng: Vạn cảnh như không
Ai ơi, lấy Phật làm lòng
Tự nhiên siêu thoát khỏi vòng trầm luân

Với sự tin tưởng đó, Nguyễn Du tiên sinh đã kết thúc "*Văn tế thập loại chúng sinh*" bằng một trai đàn chẩn tế, thành tâm dâng cúng:

Ai đến đây, dưới trên ngồi lại
Của làm duyên chớ ngại bao nhiêu
Phép thiêng biến ít thành nhiều
Trên nhờ Tôn Giả chia đều chúng sinh
Phật từ bi hữu tình phổ độ
Chớ ngại rằng có có, không không
Nam Mô Phật, Nam Mô Pháp, Nam Mô Tăng
Nam Mô nhất thiết siêu thăng thượng đài.

Nhân mùa Vu Lan báo hiếu và cúng thí cô hồn, xá tội vong nhân, xin trích lại phần nào bài văn tế của thi hào Nguyễn Du để góp lời cầu nguyện dâng lên mười phương Chư Phật, Chư Bồ Tát, Chư Hiền Thánh Tăng, xin nhủ lòng lân mẫn cứu độ muôn loài còn đang ngụp lặn trong bể khổ sông mê, sớm đủ duyên chạm được ánh từ quang mà vượt thoát.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát.

Huệ Trân

(*) Kệ kinh Kim Cang
- Những câu thơ song thất lục bát là trích trong văn bản *"Văn tế thập loại chúng sinh"* của thi hào Nguyễn Du.

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Giáo Hội PGVNTN Hoa Kỳ, Hội Đoàn, Đồng Hương Nam California Cùng Đồng Hương Thắp Nến Cầu Nguyện Cho Dân Chủ VN

Việt Báo

Westminster (Bình Sa)- - Trước hiểm họa mất nước mà nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam chuẩn bị ban hành Dự luật thành lập ba đặc khu kinh tế:Vân Đồn-Quảng Ninh, Bắc Vân Phong-Khánh Hòa, Phú Quốc-Kiên Giang, thời hạn cho thuê đất có thể lên đến 99 năm như một sự đổ bộ của Trung Quốc với mục tiêu mở rộng ảnh hưởng và bành trướng chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Bắc Kinh, đây là ba vị trí ảnh hưởng an ninh quốc gia. Ngoài ra Luật An Ninh Mạng của chính quyền Cộng Sản cũng đã thành hình để tạo phương tiện hợp pháp đàn áp và cướp đi tự do của người dân Việt Nam.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTNHK)và Cộng Đồng Phật Giáo Nam Cali đã tổ chức buổi họp báo và thắp nến cầu nguyện để yểm trợ cho đồng bào quốc nội đang rầm rộ xuống đường phản đối Dự Luật Đặc Khu và Luật An Ninh Mạng.

Buổi Họp Báo và Thắp Nến đã được Tổ Chức vào lúc 6 giờ chiều Thứ Sáu, ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Chùa Bát Nhã (Văn Phòng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ) số 4717 West First Street, Santa Ana, CA 92703.

Tham dự buổi thắp nến cầu nguyện có hằng trăm Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni cùng đồng hương Phật tử.

Chư Tôn Giáo Phẩm có: Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Phó Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam trên Thế Giới, HT. Thích Tín Nghĩa Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, HT. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ, HT. Thích Minh Tuyên, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ, HT. Thích Nhật Quang, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Nội Vụ, HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, HT. Thích Minh Mẫn Viện Chủ Chùa Huệ Quang, HT. Thích Giác Sĩ, Phó Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp cùng đông đủ

các Chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni trong Hội Đồng Điều Hành và các chùa, tự viện Nam California.

Về phía quan khách: Hội Đồng Liên Tôn Hoa Kỳ co:ù Mục Sư Nguyễn Xuân Hồng Chủ Tịch Hội Đồng Liên Tôn, Linh Mục Mai Khải Hoàn, Chánh Trị Sự Hà Vũ Băng, ông Phạm Văn Hùng.

Về phía dân cử có Nghị Viên Phát Bùi, Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Nam Cali; Nghị Viên Thu Hà Nguyễn (Ban Liên Lạc các Hội Đoàn Giới Trẻ), Nghị Viên Thành Phố Westminster ông Sergio Contreras, Ủy Viên Giáo Dục Học Khu Westminster Bà Frances Nguyễn Thế Thủy, đại diện Dân Biểu Liên Bang Alan Lowenthal, anh Lý Vĩnh Phong, đại diên Dân Biểu Liên Bang Lou Correa cô Chisty Linh Lê, ông Phan Kỳ Nhơn Chủ Tịch Liên Ủy Ban Chống Cộng Sản và Tay Sai, ông Phan Tấn Ngưu, Tổng Hội Trưởng Cảnh Sát Quốc Gia, ông Bùi Đẹp, Trung Tâm Trưởng Tập Thể Chiến Sĩ Tây Nam Hoa Kỳ, ông Đoàn Ngọc Đa, Hội trưởng Hội Đồng Hương Quảng Nam Đà Nẵng và phái đoàn, Luật Sư Nguyễn Xuân Nghĩa Hội trưởng Hội Đền Hùng Hải Ngoại, Kỹ sư Tạ Trung, Hội Trưởng Hội Bình Thuận, Đặc biệt có sự tham dự của ông Võ Đại Tôn, Chủ Tịch Liên Minh Quang Phục Việt Nam đến từ Úc Châu, Gia Đình Phật Tử Miền Quảng Đức, Đoàn Thanh Niên Cao Đài, Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ, Ban Tù Ca Xuân Điềm, Ban Hợp Ca Tập Thể Chiến Sĩ Tây Nam Hoa Kỳ cùng một số qúy vị đại diện các tổ chức, hội đoàn, đoàn thể trong cộng đồng cùng đồng đảo các cơ quan truyền thông...

Điều hợp chương trình phần nghi thức do Huynh Trưởng Tâm Hòa Lê Quang Dật, Đốc Sự Nguyễn Phú Hùng.

Sau nghi thức chào quốc kỳ Việt-Mỹ, Phật Giáo Kỳ và phút nhập Từ Bi Quán.

Tiếp theo, Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Đệ Nhất Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, Trưởng Ban Tổ Chức buổi họp báo và thắp nến lên có lời chào đón chư tôn đức, quan khách, các cơ quan truyền thông và toàn thể đồng hương, đồng bào Phật tử tham dự.

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí nói, "Tục ngữ VN chúng ta có câu Quốc Gia hưng vong, thất phu hữu trách đất nước thịnh, suy thì mọi người dân đều có trách nhiệm. Hiện nay đất nước VN chúng ta đang đứng trước hiểm họa xâm lăng của Tàu Cộng thì mọi người dân nước Việt trong đó có Cộng Đồng Phật Giáo VN, dù ở đâu cũng đều có trách nhiệm đứng lên bảo vệ quê hương và dân tộc. Đảng, Quốc Hội và chính quyền CSVN đã đặt quyền lợi và sự sống của cá nhân mình lên trên quyền lợi và sự tồn vong của dân tộc khi dựa vào ba Dự luật Kinh Tế tại Vân Đồn, Bắc Vân Phong và Phú Quốc. Dự luật ba Đặc Khu và luật An Ninh Mạng là hành động Hán Hóa, hành động bán nước của nhà cầm quyền CSVN, vi phạm trắng trợn quyền tự do của con người. Chính vì thế, để phản đối việc

làm sai trái đó của chính quyền CSVN, Giáo Hội Phật Giáo VNTNHK quyết định tổ chức buổi họp báo cũng như đêm cầu nguyện thắp nến hôm nay để nói lên rằng đồng bào Việt Nam trong và ngoài nước đồng lòng chống dự Luật Ba Đặc Khu Kinh Tế và Luật An Ninh Mạng của Đảng và Quốc Hội, chính quyền CSVN. Chúng ta có mặt tại đây cũng để góp lời cầu nguyện cho các nhà lãnh đạo CS Việt Nam sớm thức tỉnh và mau quay về với đại khối dân tộc để sửa đổi những lầm lỗi nghiêm trọng hầu dẫn đến đất nước khỏi rơi vào tay ngoại bang."

Tiếp đó HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK lên điều hành buổi họp báo và thắp nến cầu nguyện, mở đầu HT. nói: "Hiện tình trên quê hương Việt Nam cực kỳ nghiêm trọng, và dân tộc Việt Nam hàng triệu người đã đứng lên đòi CSVN phải hủy bỏ dự luật Đặc Khu Kinh Tế và Luật An Ninh Mạng trong nhiều tuần qua. Trước hiện hình đó, giáo hội đồng hành cùng người dân Việt Nam, cùng góp tiếng nói, góp hành động và ý nghĩ để cùng người dân Việt Nam lấy lại sự tự do cho quê hương, dân tộc của giống nòi và độc lập cho lãnh thổ, lãnh hải của quê hương."

Sau đó HT. mời Hội Đồng Liên Tôn Hoa Kỳ lên phát biểu và cầu nguyện. Mở đầu, Mục Sư Nguyễn Xuân Hồng, Chủ Tịch Hội Đồng Liên Tôn nói: " trước tình thế dầu sôi lửa bỏng trong nước, Mục sư kêu gọi đồng bào trong và ngoài nước tiếp tục biểu tình lên án Đảng Cộng Sản, Quốc Hội và nhà cầm quyền CSVN bán nước.

Sau đó, Linh Mục Mai Khải Hoàn đại diện HĐLT dâng lời cầu nguyện: "Chúng con nguyện xin Thiên Chúa là Thượng Đế, là Đấng Tối Cao, là ông Trời xin đánh thức lương tâm của nhà cầm quyền CSVN hãy quay về với dân tộc và đất nước VN, và phải chấm dứt hành động bạo tàn, đàn áp và bóc lột dân lành VN, phải chấm dứt thái độ đê hèn làm tay sai, bán nước cho Tàu Cộng, đừng ác với dân và hèn với giặc."

Tiếp theo phần phát biểu của ông Phát Bùi Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Nam California, ông Phan Kỳ Nhơn, Chủ Tịch Liên Ủy Ban Chống CS và tay sai lên phát biểu.

Nghị Viên Thu Hà, Nghị Viên Sergio Contreras, ông Lý Vĩnh Phong, cô Christy Linh Lê cô Frances Nguyễn Thế Thủy lên phát biểu, trong lời phát biểu những người trẻ nầy đã nói: "chùng cháu quyết noi gương những bậc tiền nhân, qúy bác, qúy chú sẽ làm bbất cứ việc gì co thể làm được để yểm trợ cho công cuộc đấu tranh của đồng bào ta trong nước."

Tiếp theo lời phát biểu hết sức hùng hồn nhưng đầy xúc động của chiến sĩ Võ Đại Tôn, một người chiến sĩ đã đấu tranh không mỏi mệt để bảo vệ quê hương đất nước, ông kêu gọi đồng bào hải ngoại hãy đoàn kết một lòng để yểm trợ cho đồng bào trong nước trước cuộc đấu tranh không sợ hải để bảo vệ giang sơn tổ quốc.

Sau đó, Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK công bố lập trường của GHPGVNTNHK. HT. cho biết: *"Kể từ năm 1975, sau khi Cộng sản Bắc Việt toàn chiếm Miền Nam Việt Nam, hàng triệu người đã vượt biển, vượt biên, rời khỏi đất nước để mưu tìm tự do; và hàng chục triệu người khác đã phải ở lại để gánh chịu bao bất công, tủi nhục, nghèo đói, mất tất cả các quyền căn bản của con người trên chính quê hương của mình.*

Sau 43 năm cai trị một cách độc tài dưới cái vỏ "cộng sản" lỗi thời, những đảng viên CSVN càng lúc càng lộ rõ ý đồ bán nước, buôn dân, sẵn sàng vì lợi ích cá nhân và đảng phái mà quay lưng với dân tộc.

Đạo từ của Trưởng lão Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Phó Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo VN Trên Thế Giới trong lời Đạo từ Trưởng Lão HT. nói: "Suốt 4,000 năm, các nhà lãnh đạo Trung Quốc luôn muốn nuốt Việt Nam nhưng nuốt không nổi. Đối với luật nhân quả nhà Phật, xem nhân thì biết quả, đảng CSVN hiện nay lộ diện là tên bán nước. Hôm nay đứng tại chỗ này, tôi kêu gọi tất cả đồng bào trong nước hãy tiếp tục biểu tình nhiều hơn nữa, mạnh dạn hơn nữa."

Kỹ Sư Trung Tạ, với tính cách là hội trưởng Hội Thân Hữu Bình Thuận, và là một con dân Phan Rí, nói: "Trong cuộc đấu tranh bão lửa vừa qua tại Việt Nam, cùng toàn quốc xuống đường biểu tình phản đối dự luật Đặc Khu và Luật An Ninh Mạng, những người con dân hiền hòa chất phác của tỉnh Bình Thuận đã đổ máu, anh dũng đứng lên gióng lên tiếng nói đầu tiên để bảo vệ đất nước.. ."

Sư Cô Chân Giác, Niệm Phật Đường Phổ Độ, phát biểu: "Bài học thuộc lòng thời tiểu học tôi vẫn nhớ: 'Tôi yêu đất nước tôi, tôi mến dân tộc tôi, tôi trọng linh hồn của tổ tiên tôi, nên mỗi cành cây ngọn cỏ của non sông hoa gấm này đều phảng phất hồn thiêng của tổ tiên tôi.' Nhưng bây giờ CSVN bán nước hại dân, họ có học tới trình độ tiểu học như tôi không? Họ có lương tâm, có tình thương nước thương dân, cành cây ngọn cỏ của non sông hoa gấm Việt Nam không? Tôi muốn gởi những câu này cho những vị 'Lãnh đạo đất nước có học' bài học thời tiểu học của tôi mà tới bây giờ, bà già hơn 80 tuổi này vẫn nhớ!"

Tiếp theo, Thượng Tọa Thích Nhật Trí, tổng vụ trưởng Tổng Vụ Nghi Lễ Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ lên tuyên đọc "Bản Lên Tiếng về Dự Luật Đơn Vị Hành Chánh-Kinh Tế Đặc Biệt Vân Đồn, Bắc Vân Phong và Phú Quốc."

Bụi đường

(*tức* Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của VĨNH HẢO

Chương Bảy

(tiếp theo kỳ trước)

Tôi được chú Đức thông báo là phải có mặt tại chùa Linh Phong vào ngày mà thầy Trừng Hùng, nhân danh *chủ hộ* – tức là người đứng đầu tờ khai gia đình, hay nói cho dễ hiểu là người chủ nhà – mang tờ hộ khẩu của chùa Linh Phong cùng với các bản khai lý lịch của từng cá nhân trong chùa đến khóm Phước Bình để công an chứng nhận thay hộ khẩu mới. Có thể công an sẽ cho đòi những người tạm trú xin vào thường trú có mặt tại trụ sở Khóm hay Phường, xét xem có hợp lệ để cho vào danh sách thường trú hay không. Khóm Phước Bình ở ngay dưới chân núi, từ tam quan chùa Linh Phong có thể nhìn thấy; cho nên tôi và chú Đức chỉ việc ngồi chờ đợi ở bậc tam cấp, nếu thấy thầy Trừng Hùng bước ra khỏi trụ sở, ngoắc tay, thì cùng xuống núi để vào trụ sở Khóm. Sau một giờ đồng hồ, thầy Trừng Hùng từ trụ sở Khóm bước ra, chẳng ngoắc chẳng kêu gì. Thầy lên núi, về chùa. Sổ hộ khẩu mới đã có. Tên chú Đức và tên tôi cũng đã nằm trong phần danh sách thường trú của chùa Linh Phong. Chú Đức chắp tay nói đùa với tôi: *"Nam mô thường trú Tăng Bảo,"* như là một câu chúc mừng cho hai đứa.

Nhưng khi tôi chưa kịp quay về viện Hải Đức thì thầy Trừng Hùng gọi cả tôi lẫn chú Đức vào phòng khách của chùa, nhắc nhở:

"Từ nay tụi bây đã được yên ổn rồi đó. Liệu mà tu học đàng hoàng, có đi đâu xa ra khỏi Nha Trang thì cũng phải báo tao biết, xin được giấy thông hành của công an cho hợp lệ rồi mới được đi. Không phải có hộ khẩu rồi muốn bay nhảy đi đâu thì mặc ý. Thằng Đức không nói làm chi, chứ thằng Khang, mi ở bên Hải Đức mà tên thì gởi ở đây, cái đó hơi lộn xộn đó nghe. Lỡ nửa đêm nửa hôm công an vào xét chùa, không có mặt mi thì tao ăn nói làm răng. Để hôm nào tao thưa lại với thầy bổn sư của mi về chuyện ni mới được."

Tôi thưa:

"Dạ nếu công an có hỏi thì thầy nói con đang dưỡng bệnh và tu học bên Hải Đức. Hai chùa cùng trên một núi, cùng một khóm phường, chắc họ chẳng làm khó dễ chi đâu."

"Nói như mi thì khỏe quá. Tao sợ không đơn giản như rứa thôi."

Buổi chiều ăn cơm ở phòng ăn của viện, tôi nghe quý thầy bàn về việc lập hộ khẩu mới. Ai cũng cho rằng nhà nước cần phải làm hộ khẩu không phải chỉ để kiểm soát và thống kê nhân số mà còn là biện pháp ngăn chận và giảm trừ sự đi lại của nhân dân hầu đóng bít sự thông tin giữa các địa phương, sự thông tin mà họ nghĩ là bất lợi cho chính sách tuyên truyền một chiều của họ. Kiểm soát hộ khẩu cũng là cách để loại trừ những thành phần chống đối chính quyền từ nội địa hay hải ngoại có thể len lỏi trốn nấp trong các cư gia; ngoài ra, cũng qua chính sách hộ khẩu, nhà nước kiểm soát vấn đề thực phẩm của nhân dân, lấy chuyện cơm áo để sai sử, kềm chế, thưởng, phạt nhân dân theo đường lối và mục tiêu hoạch định của đảng và nhà nước.

Nghe quí thầy bàn luận tôi mới vỡ lẽ. Kiến thức sách vở của tôi lâu nay chỉ quanh quẩn trong các chủ đề văn chương, triết học, Thiền học và đạo học Đông phương… nên không làm sao tự nhiên mà thấu hiểu được những vấn đề của chính trị dù rằng ở phương diện này có những chỗ rất thực tế, căn bản, rất dễ nắm bắt, như chuyện kiểm soát hộ khẩu chẳng hạn, chẳng có gì cao siêu khó hiểu như những vấn đề trong đạo học hay triết học. Bất chợt tôi

cũng nhận ra rằng từ ngày những người cộng sản nắm lấy chính quyền của cả hai miền, tâm trí thuần phác và hướng thượng của giới tu sĩ trẻ Phật giáo, trong đó có tôi, tự dưng lại rơi xuống, dây dưa vào những vấn đề hình nhi hạ tầm thường của thế gian; tự dưng tôi bắt đầu biết chú ý vào thời sự, vào những sinh hoạt của người thế tục, trong đó có cả người dân và chính quyền. Phải chăng đến tuổi thanh niên thì con người tự dưng bắt đầu chú ý đến thời thế hay chính thời thế đã xô đẩy những người thanh niên của mọi thành phần xã hội phải buông bỏ những hoài bão, mộng mơ của họ để nhìn vào những thực trạng khổ đau của nhân tình chung quanh?

Trở lại cái chuyện rất thực tế là vấn đề hộ khẩu. Chuyện tôi *"xin"* vào hộ khẩu của chùa Linh Phong chẳng khác gì xin được ở tù, xin được vào cái vòng kiểm soát của nhà nước. Mà không phải chỉ riêng tôi, nhân dân cả nước đều vậy. Không có tên chính thức trong một hộ khẩu thì không mua được thực phẩm, bị coi là bất hợp lệ và không được cấp thẻ *Chứng minh nhân dân* (tức thẻ căn cước); không có thẻ Chứng minh nhân dân và hộ khẩu thì có thể bị bắt ngoài đường, hoặc bị bắt ngay trong nhà, trong chùa của mình nếu có công an xét hỏi. Cho nên, biết vào hộ khẩu là tự chui đầu vào vòng kiểm soát, người ta cũng phải xin vào. Không còn cách chọn lựa nào khác. Thà để nhà nước kiểm soát còn hơn không có gạo ăn, còn hơn sống trong nỗi phập phồng lo âu là có thể bị bắt bất cứ lúc nào vì tội không có giấy tờ. Trong xã hội mới, những người không có hộ khẩu, không có thẻ Chứng minh Nhân dân thì thường bị coi như là những kẻ phản động, bị tình nghi tàn quân, là gián điệp của nước ngoài cài lại hoặc mới đưa vào… Những tội đó, khoan bàn đến chuyện có đúng sự thực hay không, chỉ nói đến *"tình nghi"* là đã coi như tù mọt gông, không có ngày trở về.

Nhưng đợt làm hộ khẩu mới của năm 1977 này còn có một mục đích khẩn cấp khác nữa mà nhà nước cần phải thực hiện càng sớm càng tốt, đó là việc tuyển mộ thanh niên nam nữ lên đường nhập ngũ (từ ngữ mới gọi là *"đăng ký nghĩa vụ quân sự"*), để sang Kampuchea làm nghĩa vụ quốc tế và để chống lại sự xâm lược của Trung Hoa mà nhà nước gọi là *"quân bành trướng Bắc Kinh"* hay *"bọn bá quyền Trung quốc."*

Đâu chừng một tháng sau khi lập xong đợt hộ khẩu mới, toàn thể thanh niên tuổi từ mười tám đến hai mươi lăm đều phải trình diện tại các khóm phường để "học" về chính sách "nghĩa vụ quân sự." Có giấy mời mỗi cá nhân gởi đến từng nhà. Tăng sĩ trẻ ở các chùa cũng nhận được giấy gọi đi học tập chính sách nghĩa vụ quân sự cũng như giấy gọi đi đăng ký nghĩa vụ quân sự. Viện Hải Đức có trên mười vị trong lứa tuổi quân sự. Các chùa chung quanh là Long Sơn, Phước Điền, có sáu vị khác. Và chùa Linh Phong, cùng chung một khóm Phước Bình, xét theo nhân số thường trú ghi trong hộ khẩu, có chú Đức và tôi. Chuyện nghĩa vụ quân sự trở thành đề tài bàn tán bất tận của thành phố Nha Trang. Giới phật-tử thường đi chùa cũng xôn xao, nhốn nháo khi nghe tin các tu sĩ trẻ bị gọi đi nghĩa vụ quân sự.

Trong khi việc *đăng ký* (tức là ghi danh) nghĩa vụ quân sự hạn định tuổi thanh niên từ mười tám đến hai mươi lăm thì chuyện học tập về chính sách nghĩa vụ quân sự lại mở rộng ra: cả những người ở tuổi từ hai mươi sáu đến ba mươi lăm cũng phải tham dự. Vậy là hầu như gần hết nhân sự của viện Hải Đức phải có mặt tại các lớp học này. Đây là cả một chuyện động trời khi vấn đề quân sự của chính quyền mới đã không loại trừ thành phần tu sĩ các tôn giáo. Mà cũng lạ, tự dưng mọi thanh niên nằm trong lứa tuổi qui định nhận giấy mời rồi là phải lục tục kéo nhau đi, không ai dám vắng mặt, không ai dám chậm trễ – phải chăng là do ngay từ những ngày đầu tiên của chế độ mới họ đã chứng kiến hoặc bị ám ảnh từ trong tầng đáy của tâm thức về sự khắc nghiệt, vô tình một cách man rợ của một chính quyền mượn danh nhân dân nông nghiệp vốn nổi tiếng với những vụ đấu tố cha mẹ, truy bức tù hãm những người giàu có và quyền thế bằng bản án *"địa chủ,"* hoặc chặt đầu và chôn sống những kẻ yêu nước nhưng không cùng phe, không cùng chính kiến?

Học tập (thực ra phải nói là đến nghe thông cáo) xong, mỗi người về nhà phải tự viết một *"bản thu hoạch,"* tức là một bản tóm thâu những gì mình nghe được, có thể kèm

theo ý kiến cá nhân của mình đối với vấn đề nghĩa vụ quân sự. (Điều hợp lý không thể chối cãi rằng khi những người nông dân tay lấm chân bùn, đùng cái vớ được vận may lớn, lên cầm bút, ngồi bàn giấy, thì ắt hẳn là phải dùng những từ ngữ và câu nói quen thuộc của sinh hoạt nông nghiệp qua hình ảnh hồ hởi, hăm hở cân đong lúa má vào mùa gặt).

Sau khi nộp bản *"thu hoạch về vấn đề Nghĩa vụ quân sự chống bành trướng Bắc Kinh đang có chủ tâm xâm lăng nước ta"* đó, thanh niên chúng tôi được giấy mời đi khám sức khỏe. Trung tâm khám sức khỏe được dựng lên vội vàng bằng cách mượn tạm một dãy phòng của trường Vinh Sơn và giao cho một tốp y tá nghiệp dư (tức là không chuyên nghiệp, không qua trường lớp chuyên môn nào) phối hợp với Ban chỉ huy quân sự thành phố đảm trách. Sau đợt khám, trong hơn hai mươi thanh niên tu sĩ thuộc các chùa chung quanh viện Hải Đức chỉ lọt hai người vào danh sách hạng A, tức là hạng có đầy đủ sức khỏe để vào quân dội. Hai người đó là chú Mỹ và tôi. Nhưng chú Mỹ đã hai mươi bốn tuổi rồi nên cuối cùng lại có được giấy chứng nhận là Quân dự bị hạng II. Tuổi của chú ấy, nhà nước chưa cần lắm. Nhà nước đang cần nhất là tuổi gần mười tám như tôi, hay cao lắm là hai mươi. Vậy là chỉ còn duy nhất mình tôi dính vào danh sách *"Trúng tuyển nghĩa vụ quân sự hạng I"*.

Từ lúc có giấy chứng nhận trúng tuyển, tôi có thể nhận thấy được vẻ ái ngại, thương cảm của những người trong viện, của bằng hữu các chùa khác cũng như của các phật-tử dành cho tôi. Thầy Thông Chánh cũng bỏ qua chuyện tôi tránh mặt thầy không nói chuyện với thầy từ nhiều ngày trước, tìm đến phòng riêng hỏi thăm, an ủi tôi. Hẳn nhiên thầy ấy, cũng như mọi người, đều nghĩ rằng, những thanh niên thế tục đúng tuổi lính còn muốn bỏ trốn huống chi một

tu sĩ xuất gia từ bé như tôi làm sao có thể vui vẻ được khi chính mình bị gọi đi cầm súng. Riêng tôi, tôi không quá đau buồn và tuyệt vọng như mọi người tưởng. Dĩ nhiên tôi không ham thích, không tự nguyện đâm đầu vào quân đội, nhưng có thể nói là ít nhất, tôi cũng đã chuẩn bị trước tư tưởng để bình thản chấp nhận nghịch cảnh nào xảy đến cho mình. Biết đâu, đây lại chẳng là một trong những thử thách cam go nhưng cũng có giá trị cho cuộc đời tu hành của tôi. Thử thách ấy, nghịch cảnh ấy, khó khăn ấy, không phải trong *Luận Bảo Vương Tam Muội* đã từng nói là phải biết chấp nhận thì mới thông suốt, mới vượt qua được đó sao! Cho nên, dù có người khuyên, xúi bỏ trốn, tôi cũng chỉ cười, lắc đầu. Tôi đâu cần phải né tránh nghịch cảnh! Tôi tin cái thử thách trước mắt sẽ nung chín ý chí và bồ đề tâm của tôi qua những lần lửa đạn và nỗi phập phồng mong manh giữa hai bờ sinh tử. Tôi sẵn sàng chấp nhận nó.

***

Biển Nha Trang vào những buổi sáng mùa hè, mặt nước phẳng lì như nước hồ thu, không gợn sóng. Chỉ đến trưa đứng bóng mới thấy sóng dồn trùng trùng điệp điệp, đẩy vào những làn bọt trắng xóa như những phiến mây mỏng rơi rớt xuống từ trời cao, có đó rồi tan biến đó, không để lại dấu vết gì sâu đậm trên mặt nước bao la.

Chúng tôi xuống bãi lúc mặt trời đã lên cao khỏi ngọn đảo lớn nhất ngoài khơi xa. Từ ngày xuất gia, hiếm khi nào tôi xuống bãi biển để tắm. Người tu ở chùa lâu năm, quen ăn bận kín đáo–áo nhật bình, áo tràng, cà sa, và cả bộ đồ vạt hò mặc trong ngày, thứ nào cũng dài, rộng, che kín tay chân và toàn thân–nên họ rất khó chịu, hoặc có thể nói thẳng rằng rất mắc cỡ, khi để lộ một phần tay trần của mình trước người lạ, nói chi cởi trần mặc quần đùi để tắm trước đám đông! Tôi chỉ tắm ở cửa Đại (Hội An) vài lần với các chú tiểu học chung lớp hồi trước năm 1975. Bãi biển cửa Đại là nơi không có nhiều người tắm như ở bãi Nha Trang, vả lại lúc đó chúng tôi còn là con nít, thế mà còn thấy e dè, ngại ngùng, huống chi xuống bãi biển Nha Trang vào mùa hè, đông nghịt những người là người. Nhưng từ khi kết bạn với chú Thân, chú Mỹ, tôi đã quen dần với chuyện xuống bãi tắm, ngay cả vào những giờ tụ tập cao điểm nhất của bãi biển.

Dù vậy, khi xuống bãi, tôi cũng đỏ mặt, núp núp lén lén như ăn trộm. Có cảm giác như hàng trăm cặp mắt đang đổ

dồn về phía mình. Hễ xuống được nước là bơi theo các chú kia ra tít ngoài khơi xa, nơi không có một bóng người nào qua lại. Nơi chúng tôi bơi đến thỉnh thoảng mới có một chiếc tàu chạy ngang. Chỉ còn một phần tư đường nữa là có thể đến hòn đảo lớn nhất ngoài khơi Nha Trang. Nghe nói trước kia người Mỹ đã thiết lập đài truyền hình Nha Trang trên đỉnh cao nhất của hòn đảo này. Từ đây nhìn vào bờ, không còn thấy bóng dáng người. Tôi phỏng chừng có thể cách bờ khoảng hai cây số. Hàng ngàn người tắm chỉ còn là những đốm đen nhỏ li ti, chỗ tụ chỗ tán trên dải cát vàng chạy dài và nổi bật bên cạnh viền nước xanh biếc. Không khí ngoài khơi thật yên tĩnh. Sóng chỉ gợn nhè nhẹ, không đủ gây nên tiếng động. Chúng tôi thả mình nằm ngửa trên mặt nước, nhìn trời xanh và mây trắng giăng ngang. Nếu thú đọc sách nâng cao kiến thức của con người thì cái thú ra khơi thả mình trên mặt nước để nhìn trời mây cũng nâng tâm hồn con người đến tận những nơi chốn cao thẳm không thể tưởng tượng được của càn khôn vũ trụ. Tôi có cảm giác như chính mình đang trôi giữa dòng mây ngang trời chứ không phải trên dòng nước trong xanh của biển. Tôi không thấy mình bé choắt hay hèn mọn trước vẻ bao la của trời biển. Tôi vui thú hòa mình trong cái bao la đó và biết rằng chính mình cũng bao la như trời biển vậy. Không những vậy, có khi tôi còn cảm thấy chính trời biển đã hòa nhập vào tâm tôi, trôi vào chính tôi, chứ không phải tôi đã hòa nhập hay trôi vào trời biển mịt mùng.

Buổi sáng đó, chú Đức và chú Mỹ về trước. Tôi và chú Thân hãy còn trầm mình ngoài khơi xa. Khi chúng tôi bơi dần vào bờ, liền cảm nhận có cái gì bất thường xảy ra trên bãi biển. Dạo thường, đến khoảng trưa mười một giờ, người tắm hãy còn đông, hôm nay bỗng dưng thiên hạ lục tục kéo về, để lại một dải cát vàng gần như trống hoang. Chúng tôi vừa lên tới bờ chưa kịp lau mình cho khô ráo thì có hai anh công an từ trên đường nhựa bước vội xuống. Một anh công an hất hàm hỏi chúng tôi:

"Các anh làm gì dưới đây?"

"Tắm biển chứ làm gì," chú Thân đáp.

"Cho coi giấy Chứng minh Nhân dân của các anh."

Chú Thân và tôi móc giấy tờ ra đưa họ xem. Lúc đó chỉ mới có tờ biên lai chứng nhận của Chứng minh Nhân dân chứ chưa có thẻ Chứng minh Nhân dân chính thức. Mà giấy biên lai chứng nhận này thì đâu có hình ảnh gì. Vì vậy, hai anh công an nhìn chúng tôi với vẻ ngờ vực. Họ hỏi tiếp:

"Các anh còn giấy tờ gì khác không? Có giấy đăng ký Nghĩa vụ quân sự không?"

Chúng tôi đưa giấy ra. Cả tôi và chú Thân đều được xếp hạng II của quân dự bị, có giấy tờ chứng nhận đầy đủ. Tuần trước, khi tôi đang trong tư thế sẵn sàng chấp nhận vào bộ đội nếu bị gọi đi thì có một anh công an đến điều tra kỹ lý lịch của gia đình tôi, biết ba tôi trước năm 1975 làm công chức cao cấp cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa nên không tuyển tôi vào quân đội nữa, xếp tôi vào hạng II thay vì hạng I trúng tuyển. Có thể nói một cách lạc quan: dù đối với chính quyền mới, ba tôi bị loại bỏ và bị coi như kẻ thù cần bị trừng phạt thì chính cái quá khứ của ông cũng đã vô tình bảo vệ được tôi và một người anh kế tránh khỏi việc đi quân đội dưới chế độ cộng sản. Nhưng ở khía cạnh khác, nếu coi chuyện đi nghĩa vụ quân sự là một thử thách cho cuộc đời hành đạo của mình thì quả là tôi đã mất một cơ hội. Một cuộc đời mà lúc nào cũng êm đềm, bình thản, chỉ gặp toàn may mắn, không gặp chút khó khăn nào hết, thì chẳng biết có làm nên được việc lớn gì không. Tôi từng tự hỏi với mình nhiều lần như vậy.

"Các anh là thầy tu đấy à? Sao ăn bận cái gì thế này?" anh công an lấy hai ngón tay gắp chiếc áo nhật bình của chú Thân lên.

"Phải, chúng tôi là tu sĩ Phật giáo."

"Chùa ở đâu? Sư cụ đi đâu mà để các anh đi chơi thế này?"

"Chúng tôi đi tập thể thao chứ chơi gì!" chú Thân đáp.

Thấy chú Thân không phải loại dễ ăn hiếp, anh công an lườm một cái rồi xuống giọng:

"Thôi được, các anh về ngay giùm cho, chúng tôi có lệnh tảo thanh vùng bờ biển này."

Lên đến đường nhựa, chúng tôi thấy khách bộ hành hay xe chạy trên đường cũng bị chận lại, xét hỏi, hướng dẫn đi ngõ khác, không cho xuống bãi biển. Tôi nói nhỏ với chú Thân:

"Chắc họ bắt lính?"

"Không phải đâu. Một là có ông quan lớn nào của họ xuống đây nghỉ mát, hai là… họ đang lo bãi cho mấy người Hoa đi bán chính thức đó."

"Là sao?"

"Thì tàu tấp vô đây, người nào đã nộp đủ vàng và có giấy tờ hợp lệ thì công an cho xuống, lên tàu. Tàu chạy đi đâu thì chạy, miễn ra khỏi nước là được rồi."

"Tàu lớn hả?"

"Cũng thường thôi. Nghe nói mấy chuyến trước mỗi chuyến khoảng năm, sáu trăm người, nằm ngồi chẹt cứng như cá hộp."

"Sao chú biết rành quá vậy?"

"Tại có mấy người phật-tử người Hoa của chùa cũng đi theo cách đó."

"Vậy rồi họ đến đâu?"

"Thái Lan, Phi Luật Tân, Tân Gia Ba, Mã Lai hay Nam Dương, Nhật Bản… bất cứ nơi nào."

"Rồi họ được các nước đó cho lên bờ... sinh sống?"

"Chứ sao. Cho nên nhiều người đã chịu nộp vàng cho nhà nước để ra đi. Làm chuyện này nhà nước có hai cái lợi: một là tống bớt người Hoa ra khỏi nước, đỡ lo vấn đề nội gián cho Bắc Kinh; hai là… thu

NHỚ MẸ

Quê nhà
Hoá tím mênh mông
Mẹ không còn nữa
Con sông cạn nguồn
Hè sang
Ve dế kêu suông
Phương trời khói trắng
Lạnh
Buồn
Riêng con!

MẶC KHÔNG TỬ
(Buôn Ma Thuột, 24/4/2018)

vàng vô. Chu cha, chú biết không, mỗi đầu người ra đi phải nộp mười cây vàng lận đó."

"Vậy mà người ta cũng ráng kiếm cho có đủ vàng mà đi chứ không chịu ở lại há!"

"Chứ sao. Ra ngoài, họ có thể tìm được một đời sống tự do hơn. Ông Hồ nói: *'không có gì quí hơn độc lập tự do'* mà. Chú biết không, không phải chỉ có người Hoa mới đi thôi đâu, người Việt mình cũng đi nữa đó. Họ làm hôn thú với mấy gia đình nghèo người Hoa để cùng đi. Có người đút lót tiền cho công an để làm giấy tờ giả chứng minh mình là người Hoa, rồi chịu đóng vàng cho công an để được đi."

"Khiếp thật! Cái giá của tự do đắt quá."

"Chú có muốn đi không?" bất ngờ chú Thân hỏi tôi.

"Tôi hả? Không biết nữa. Lâu nay đâu biết là có cái chuyện đi như vậy thì làm gì có chuyện muốn hay không muốn. Còn bây giờ thì biết rồi, có muốn cũng đâu có đi được, vàng đâu? Tụi mình làm gì có đủ điều kiện đó. Hơn nữa…"

"Có điều kiện đó chứ. Này nhé, chú tìm một cô người Hoa nào đó nhà khá khá một chút, cưới cô làm vợ, rồi chú sẽ được đi mà. Ha ha."

Câu chuyện chúng tôi trao đổi buổi sáng đó chỉ là đùa thôi, vậy mà cũng làm cho tôi phải suy nghĩ, để tâm nhiều ngày. Không phải để tâm chuyện lấy một cô gái người Hoa rồi được ra khỏi nước – cái lãng mạn hư hỏng của tôi nếu có đủ chừng mực để đi vào đời thì nó cũng không chọn một lối đi thực tế một cách dung tục như vậy (!) – nhưng để tâm về ý nghĩa của tự do, của những chuyến tàu ra khơi… cập vào một đất nước nào khác để bắt đầu một cuộc đời mới.

Hoàn cảnh khốn cùng nào cũng có những lối thoát của nó – như cách người xưa nói: *cùng tắc biến, biến tắc thông*. Chính trong sự vây khốn của nghịch cảnh, con người mới có thể tìm được lối thoát thích hợp nhất cho mình. Tìm lối thoát, giống như trốn chạy. Mà có sự trốn chạy nào là điều đáng kiêu hãnh, đáng ca ngợi đâu. Nhưng ở đây, người ta không kiêu hãnh, người ta chỉ muốn vượt thoát một hoàn cảnh không thể chịu đựng nổi, không thể đối phó nổi. Người ta cũng chẳng thấy nhục nhã gì trong sự trốn chạy nghịch cảnh của mình. Ở cái thế mà họ biết không thể lướt thắng nổi, họ phải trốn chạy. Lối thoát mở ra từ đó, tự do mở ra từ đó.

(mời đọc tiếp Chương 8)

Vĩnh Hảo